|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦNGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BỘ TÀI LIỆU**

**TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA BỘ TƯ PHÁP NĂM 2023**

Trên cơ sở Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2023 của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp đã tổng hợp được **190** kiến nghị về công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, trong đó một số kiến nghị có nội dung tương tự nhau nên Bộ Tư pháp đã tổng hợp theo nhóm vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các đơn vị. Cụ thể như sau:

**I. VỤ CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT**

**1.** *Về quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản QPPL, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xin kiến nghị đối với một số nội dung sau:*

*1.1. Đối với việc xây dựng Báo cáo đánh giá tác động chính sách quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL chưa quy định cụ thể việc xây dựng Báo cáo đánh giá tác động thực hiện từ giai đoạn nào, mà chỉ quy định tại thành phần hồ sơ thầm định theo quy định tại khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, hướng dẫn nội dung này để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thẩm định văn bản ở địa phương.*

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật Ban hành văn bản QPPL) về việc sửa đổi, bổ sung Điều 121 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, yêu cầu trong thành phần Hồ sơ dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi thẩm định có báo cáo đánh giá tác động của chính sách (đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản QPPL). Các giai đoạn trước đó chưa yêu cầu báo cáo này trong thành phần hồ sơ.

Như vậy, việc xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách sẽ tiến hành trong giai đoạn soạn thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản QPPL.

*1.2. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn, hướng dẫn việc đánh giá tác động thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản và soạn thảo văn bản QPPL ở địa phương theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.*

**Trả lời:**

Ngày 10/02/2022, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký ban hành Thông tư số 03/2022/TT-BTP hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã gửi Thông tư cho các Bộ, ngành, địa phương và đăng tải trên Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định. Để triển khai Thông tư, trong năm 2022, Bộ Tư pháp đã tổ chức tập huấn kỹ năng đánh giá tác động thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản QPPL cho cán bộ xây dựng văn bản QPPL, cán bộ làm công tác pháp chế tại Bộ, ngành, địa phương tại 2 miền Nam - Bắc (ngày 18/3/2022 và 31/3/2022) và cho các đơn vị thuộc Bộ (ngày 16/8/2022). Ngoài ra, Bộ Tư pháp còn cử báo cáo viên tập huấn nghiệp vụ đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định của Thông tư số 03/2022/TT-BTP theo yêu cầu của các Bộ, ngành, địa phương. Trên cơ sở tập huấn của Bộ Tư pháp, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương chủ động tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động thủ tục hành chính trong nội bộ Bộ, ngành, địa phương.

*1.3. Nội dung giao cho địa phương ban hành chính sách cần được quy định trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL; đồng thời, xác định cụ thể cơ quan có thẩm quyền ban hành để thuận lợi cho việc áp dụng văn bản ở địa phương.*

**Trả lời:**

Việc giao quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên là việc ủy quyền ban hành văn bản QPPL, trong đó quy định cụ thể cơ quan được ủy quyền và nội dung công việc được ủy quyền.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Luật Ban hành văn bản QPPL) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) đã có một số quy định liên quan đến văn bản quy định chi tiết như quy định về các trường hợp cần giao quy định chi tiết, yêu cầu về nội dung, thời hạn ban hành, hiệu lực của văn bản quy định chi tiết … Cụ thể, khoản 1 Điều 11 của Luật Ban hành văn bản QPPL quy định: *“... Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết...”*. Theo quy định này, việc ủy quyền ban hành văn bản quy định chi tiết phải được quy định ngay tại điều, khoản, điểm của văn bản QPPL và giao quy định chi tiết (nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác)phải cụ thể, không phải là nội dung hướng dẫn hay biện pháp tổ chức thi hành văn bản chung chung.

Căn cứ quy định nêu trên thì Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp tỉnh quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên để quy định chi tiết những nội dung được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước ở Trung ương (luật; nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định của Chính phủ…), tại điều, khoản, điểm của văn bản QPPL giao quy định chi tiết phải nêu rõ cơ quan được ủy quyền ban hành văn bản là HĐND cấp tỉnh và nội dung giao HĐND cấp tỉnh quy định chi tiết.

**2.** -*Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể các trường hợp ban hành văn bản QPPL thuộc các khoản tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL. Vì quy định trên dẫn đến việc áp dụng chưa thống nhất ở địa phương, việc vận dụng áp dụng quy định trên tùy thuộc vào ý chí chủ quan của người áp dụng pháp luật. Trong khi quy trình để xây dựng, ban hành văn bản tại các khoản là hoàn toàn không giống nhau (UBND tỉnh An Giang).*

*- Việc xác định trường hợp phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách: Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) mới chỉ có quy định giải thích về "chính sách" (tại khoản 2 Điều 2), chưa có quy định giải thích thế nào là "biện pháp", đồng thời cũng chưa có quy định giải thích rõ về “chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên"; "biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương" và "biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương"' dẫn đến các cơ quan, đơn vị tại địa phương còn lúng túng trong việc xác định đề nghị xây dựng nghị quyết của mình thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) - (UBND tỉnh Tuyên Quang).*

**Trả lời:**

Thời gian qua, một số địa phương đã có Công văn gửi Bộ Tư pháp đề nghị hướng dẫn áp dụng Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 (sau đây gọi là Luật Ban hành văn bản QPPL), trên cơ sở đó, Bộ đã có Công văn hướng dẫn các địa phương đó như sau:

*1. Về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luậ**t của cơ quan nhà nước cấp trên (khoản 1 Điều 27)*

Việc giao quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật (văn bản QPPL) của cơ quan nhà nước cấp trên là việc ủy quyền ban hành văn bản QPPL, trong đó quy định cụ thể cơ quan được ủy quyền và nội dung công việc được ủy quyền.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Luật Ban hành văn bản QPPL) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) không định nghĩa *“văn bản quy định chi tiết”*. Tuy nhiên, Luật và Nghị định đã có một số quy định liên quan đến văn bản quy định chi tiết như quy định về các trường hợp cần giao quy định chi tiết, yêu cầu về nội dung, thời hạn ban hành, hiệu lực của văn bản quy định chi tiết … Cụ thể, khoản 1 Điều 11 của Luật Ban hành văn bản QPPL quy định: *“... Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết...”*. Theo quy định này, việc ủy quyền ban hành văn bản quy định chi tiết phải được quy định ngay tại điều, khoản, điểm của văn bản QPPL và giao quy định chi tiết (nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác)phải cụ thể, không phải là nội dung hướng dẫn hay biện pháp tổ chức thi hành văn bản chung chung.

Căn cứ quy định nêu trên thì nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp tỉnh quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên được hiểu là nghị quyết để quy định chi tiết những nội dung được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước ở Trung ương (luật; nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định của Chính phủ…), tại điều, khoản, điểm của văn bản QPPL giao quy định chi tiết phải nêu rõ cơ quan được ủy quyền ban hành văn bản là HĐND cấp tỉnh và nội dung giao HĐND cấp tỉnh quy định chi tiết.

*2. Về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên (khoản 2 Điều 27)*

Khoản 1 Điều 112 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương…”.* Việc thi hành Hiến pháp, pháp luật tại địa phương có thể được bảo đảm bằng nhiều biện pháp khác nhau, trong đó có việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương để bảo đảm thi hành. Do vậy, khoản 2 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản QPPL quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.*

Như vậy, ngoài ban hành nghị quyết để quy định chi tiết nội dung được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định tại khoản 1, HĐND cấp tỉnh còn ban hành nghị quyết quy phạm để quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật năm 2015.

*3. Về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương (khoản 3 Điều 27)*

Việc HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng an ninh ở địa phương là trường hợp ban hành văn bản thuộc thẩm quyền riêng của địa phương, được phân quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019). Căn cứ theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì HĐND cấp tỉnh được ban hành nghị quyết quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng an ninh ở địa phương. Các biện pháp này phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương và việc ban hành nghị quyết quy định các biện pháp này là nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh cho địa phương đó.

Điểm khác nhau giữa nghị quyết tại khoản 2 và nghị quyết tại khoản 3 Điều 27 của Luật năm 2015 là nghị quyết tại khoản 2 thuộc trách nhiệm phải ban hành để bảo đảm việc thi hành một văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn, còn nghị quyết tại khoản 3 được ban hành theo thẩm quyền riêng, độc lập của HĐND cấp tỉnh nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

*4. Về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (khoản 4 Điều 27)*

Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) không định nghĩa *“biện pháp có tính chất đặc thù”.* Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy *“biện pháp có tính chất đặc thù”* là biện pháp để giải quyết những vấn đề riêng biệt của địa phương phát sinh từ thực tiễn, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế hoặc hạn chế, khắc phục những điểm bất lợi của địa phương đó. Để xác định đâu là biện pháp có tính chất đặc thù, cần căn cứ vào các văn bản QPPL hiện hành của cơ quan nhà nước ở Trung ương để xác định biện pháp đó đã được quy định để áp dụng chung cho cả nước hay chưa; nếu biện pháp đó chưa được quy định và xuất phát từ thực tiễn địa phương cần thiết phải ban hành để giải quyết các vấn đề riêng biệt của địa phương thì đó là biện pháp có tính chất đặc thù. Việc quy định các biện pháp có tính chất đặc thù ở địa phương phải bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; không trái với Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành.

Một điểm cần chú ý là: Theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật năm 2020) thì khoản 1, 2 và 3 của Điều 27 không phải lập đề nghị xây dựng theo quy trình chính sách còn khoản 4 bắt buộc phải lập đề nghị xây dựng theo quy trình chính sách.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương khi các Bộ, ngành tham mưu Chính phủ ban hành nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định hoặc ban hành Thông tư mà trong văn bản có giao cho địa phương quy định chi tiết thì cung cấp nội dung được giao trong văn bản đã ban hành cho Bộ Tư pháp để Bộ Tư pháp tổng hợp cung cấp cho Sở Tư pháp 63 tỉnh, thành phố. Có như vậy, Sở Tư pháp sẽ tập hợp, theo dõi và giúp UBND tỉnh đôn đốc Sở, ngành liên quan tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản được kịp thời (UBND tỉnh An Giang).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo nghị định, quyết định, Thông tư kịp thời thông báo bằng văn bản cho HĐND, UBND cấp tỉnh về các nội dung nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng các Bộ giao địa phương quy định chi tiết để việc cụ thể hóa chính sách của địa phương được kịp thời (UBND tỉnh Phú Thọ).*

**Trả lời:**

Kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã được giải quyết tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP). Cụ thể như sau:

Điều 29a của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã quy định về cơ chế hỗ trợ và kiểm soát việc ban hành các văn bản quy định chi tiết Nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 20 và Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật năm 2015. Theo quy định tại Điều này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành Thông tư hoặc chủ trì soạn thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định, Quyết định mà nội dung của các văn bản này có quy định giao cho Bộ, cơ quan ngang Bộ khác hoặc chính quyền địa phương quy định chi tiết có trách nhiệm:

*Một là,* thông báo bằng văn bản cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, HĐND, UBND cấp tỉnh về các nội dung mà các cơ quan này được giao quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được ký ban hành;

*Hai là,* theo dõi, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, HĐND, UBND cấp tỉnh trong việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết;

*Ba là,* tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc kịp thời xử lý theo thẩm quyền đối với những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

Về phía cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết, bên cạnh việc phải bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo và thời hạn ban hành văn bản quy định chi tiết, các cơ quan này còn có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bộ, cơ quan ngang Bộ soạn thảo Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành Thông tư về những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết để xử lý theo thẩm quyền hoặc để các cơ quan này tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương đánh giá tính khả thi các nội dung dự kiến giao cho địa phương thực hiện. Đối với những nội dung giao cho địa phương ban hành văn bản cần quy định rõ là ban hành nghị quyết hay quyết định (UBND tỉnh An Giang).*

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) khi lập đề nghị xây dựng văn bản và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật các cơ quan chủ trì soạn thảo đều phải tiến hành đánh giá tác động của chính sách, trong đó có đánh giá tác động, tính khả thi của các quy định giao cho địa phương thực hiện.

Bộ Tư pháp với vai trò cơ quan thẩm định, thông qua hoạt động này nhiều lần Bộ Tư pháp cũng đã yêu cầu các cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ hơn tính khả thi đối với các điều khoản điểm có nội dung giao cho HĐND, UBND các địa phương quy định chi tiết.

Việc xác định các nội dung giao quy định chi tiết ban hành dưới hình thức nghị quyết hay quyết định phụ thuộc vào nội dung được giao, căn cứ thẩm quyền của HĐND, UBND theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các luật chuyên ngành. Nếu nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND thì ban hành dưới hình thức nghị quyết; nếu nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thì ban hành dưới hình thức quyết định. Mặt khác Điều 29a của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành Thông tư hoặc chủ trì soạn thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định, Quyết định mà nội dung của các văn bản này có quy định giao cho Bộ, cơ quan ngang Bộ khác hoặc chính quyền địa phương quy định chi tiết có trách nhiệmthông báo bằng văn bản cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, HĐND, UBND cấp tỉnh về các nội dung mà các cơ quan này được giao quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được ký ban hành.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức pháp chế, cán bộ làm công tác xây dựng văn bản tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; biên soạn và cung cấp tài liệu kịp thời để địa phương có cơ sở hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác pháp chế (UBND các tỉnh Bình Định, Phú Thọ, Quảng Trị, Tây Ninh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng).*

**Trả lời:**

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác pháp chế, hằng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác pháp chế tại hai miền Bắc, Nam và nhiều hội nghị tập huấn chuyên sâu về các nghiệp vụ công tác pháp chế như xây dựng văn bản QPPL, đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật cho các Bộ, ngành, địa phương…

Trong các hội nghị tập huấn nêu trên, đối tượng tập huấn cũng được mở rộng hơn, không chỉ chú trọng vào các tổ chức pháp chế, người làm công tác xây dựng pháp luật, mà còn có cả các đối tượng công chức, viên chức khác của các Bộ, ngành, địa phương. Các hội nghị, các lớp tập huấn nghiệp vụ pháp chế cũng không còn đơn thuần qua các bài giảng một chiều, mà có sự tương tác, trao đổi giữa giảng viên và học viên về những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện các quy định của pháp luật trên thực tế.

Bên cạnh đó, nhằm chuẩn hóa tiêu chuẩn của người làm công tác pháp chế tại Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, hàng năm, Bộ Tư pháp (Trường Đại học Luật Hà Nội) đều tổ chức tuyển sinh cử nhân Luật văn bằng 2 dành cho đối tượng làm công tác pháp chế.

Trong thời gian tới, tiếp thu kiến nghị của địa phương và các Bộ, ngành, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục duy trì và thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức pháp chế với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng và gắn với yêu cầu, nhiệm vụ công tác pháp chế.

**6.** - *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế. Từ đó, có hướng dẫn về tình hình pháp chế tại các Sở, ban, ngành theo quy định tại Nghị định mới ban hành (UBND các tỉnh, tp. Hải Phòng, Bình Phước, Cà Mau, Đồng Nai, Quảng Trị, Tây Ninh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

*- Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu, đề xuất biện pháp bố trí biên chế để bảo đảm đội ngũ cán bộ pháp chế ổn định, chuyên nghiệp, chuyên sâu để phục vụ cho công tác xây dựng, ban hành các văn bản QPPL tại địa phương (UBND TP. Đà Nẵng).*

*- Quy định cụ thể các nhiệm vụ, quyền hạn các tổ chức pháp chế trên cơ sở sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, thống nhất, đồng bộ với các văn bản QPPL hiện hành có liên quan như Luật Ban hành văn bản QPPL, Luật Trách nhiệm Bồi thường của Nhà nước,... và các Nghị định về tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan Chính phủ và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; thực hiện chuẩn hóa tiêu chuẩn cán bộ, công chức, nhân viên làm công tác pháp chế (UBND các tỉnh Hải Dương).*

**Trả lời:**

Trên cơ sở kết quả tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, ngày 30/12/2022, Bộ Tư pháp có Tờ trình số 69/TTr-BTP trình Chính phủ hồ sơ xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP. Theo đó, một số nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

- Về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định: bổ sung đơn vị sự nghiệp công lập vào phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Nghị định.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế: Sửa đổi, bổ sung các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức pháp chế theo hướng chỉ quy định các nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản của tổ chức pháp chế, đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật từ quyết định của Thủ tướng Chính phủ trở lên; đồng thời, bổ sung 01 điều quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Về tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế: Dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa quy định về tổ chức bộ máy pháp chế, đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn của tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh doanh nghiệp nhà nước. Dự thảo cũng bổ sung quy định về việc thành lập tổ chức pháp chế tại đơn vị sự nghiệp công lập.

- Về ngạch pháp chế viên, pháp chế viên chính và pháp chế viên cao cấp và chế độ hỗ trợ dành cho pháp chế viên, pháp chế viên chính và pháp chế viên cao cấp: Dự thảo đã bổ sung quy định về về chức danh, tiêu chuẩn ngạch pháp chế viên, pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp.

- Về chế độ hỗ trợ đối với công chức làm công tác pháp chế:Dự thảo Nghị định bổ sung quy định công chức làm công tác pháp chế trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ công tác pháp chế được hưởng chế độ hỗ trợ theo ngày. Chế độ hỗ trợ này được thực hiện cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương, chế độ phụ cấp theo nghề theo chính sách cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Ngoài ra dự thảo cũng sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến tiêu chuẩn, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức pháp chế để đáp ứng với yêu cầu thực tiễn.

Ngày 19/01/2023, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 386/VPCP-TCCV thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Phạm Minh Chính về việc: “Bộ Tư pháp khẩn trương thống nhất với Bộ Nội vụ về nội dung dự thảo Nghị định, trong đó chú ý các quy định về: tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập; hạng, ngạch pháp chế viên; chế độ phụ cấp đối với pháp chế viên”.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính trao đổi, thống nhất một số nội dung của dự thảo Nghị định. Trên cơ sở Tờ trình số 69/TTr-BTP và ý kiến trao đổi, thống nhất với hai bộ nêu trên, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định và các tài liệu kèm theo. Ngày 16/11/2023, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình số 76/TTr-BTP trình Chính phủ đối với dự thảo Nghị định này. Hiện tại, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan để tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang tại Công văn số 9613/VPCP-TCCV ngày 08/12/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

**7.** *Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương quy định đối với các nội dung có liên quan đến TTHC cần quy định rõ, cụ thể để địa phương triển khai thực hiện, không giao cho địa phương quy định về các TTHC trong các văn bản dưới Luật, Nghị quyết của Quốc hội, tránh trường hợp vi phạm khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản QPPL (UBND tỉnh Bắc Giang).*

**Trả lời:**

Tiếp thu ý kiến của địa phương, trong quá trình xây dựng Báo cáo tình hình thực hiện việc đánh giá tác động chính sách, thủ tục hành chính trong đề nghị, dự án, dự thảo văn bản QPPL gửi Thủ tướng Chính phủ (*để thực hiện điểm k mục 1 Nghị quyết số 127/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2021 trực tuyến toàn quốc với địa phương về tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2021; mục 1 Công văn số 1556/VPCP-KSTT ngày 12/3/2022 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về kiến nghị tại Báo cáo số 09/BC-BTP ngày 17/01/2022 của Bộ Tư pháp)*, Bộ Tư pháp có kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo “*Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong quá trình tham mưu xây dựng văn bản QPPL không giao cho địa phương quy định thủ tục hành chính trong các văn bản QPPL dưới Luật và Nghị quyết của Quốc hội, bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL về thẩm quyền quy định thủ tục hành chính*”.

**8.** *Hiện nay vẫn còn tình trạng một số Nghị định, Thông tư quy định về cùng nội dung nhưng mâu thuẫn, không có sự thống nhất, thậm chí không phù hợp với quy định của Luật gây khó khăn cho quá trình áp dụng trên thực tế. Đề nghị khi ban hành văn bản phải có sự thống nhất giữa các Bộ chuyên ngành với nhau (Ví dụ như quy định về thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tố chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở trong Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định sô 120/2020/NĐ-CP) - (UBND tỉnh Bến Tre).*

**Trả lời:**

Luật Ban hành văn bản QPPL có nhiều quy định/cơ chế để văn bản QPPL được ban hành bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật như: bổ sung quy trình xây dựng, đánh giá tác động của chính sách trước khi soạn thảo; thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập; tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với đề nghị, dự án, dự thảo văn bản QPPL; thẩm định, thẩm tra văn bản QPPL… Trong đó, Luật Ban hành văn bản QPPL và nghị định quy định chi tiết thi hành đã bổ sung nhiều quy định để bảo đảm có sự trao đổi, thống nhất ý kiến giữa cơ quan chủ trì soạn thảo với các cơ quan tổ chức có liên quan trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành. Chẳng hạn như: khoản 1 Điều 57 Luật Ban hành văn bản QPPL quy định *“Trong quá trình soạn thảo văn bản, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức có liên quan…”*; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định cơ quan lập đề nghị có trách nhiệm *“Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Trung ương đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến”* (khoản 3 Điều 10)… Đối với dự thảo nghị định, theo quy định tại Điều 94 Luật Ban hành văn bản QPPL thì *“Trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về những vấn đề lớn thuộc nội dung của dự thảo Nghị định thì Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ tổ chức cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo của cơ quan chủ trì soạn thảo, Bộ Tư pháp, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan để thảo luận trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định….”*.

Các quy định nêu trên góp phần bảo đảm sự tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan vào quá trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL. Tuy nhiên, thực tiễn qua công tác theo dõi, kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp thấy rằng vẫn còn tình trạng văn bản QPPL sau khi ban hành có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo hoặc có quy định khác nhau về cùng một vấn đề.

Trong thời gian tới, để khắc phục tình trạng nêu trên, các cơ quan, tổ chức chủ trì lập đề nghị, soạn thảo, ban hành văn bản QPPL cần tiếp tục thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây: (i) Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình lập đề nghị, soạn thảo, ban hành văn bản QPPL; (ii) Tổ chức hoạt động của Ban soạn thảo, Tổ biên tập theo đúng quy định, bảo đảm sự tham gia của các bộ, ngành ngay từ giai đoạn đầu của quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL; (iii) Thực hiện nghiêm việc đăng tải đề nghị, dự án, dự thảo văn bản QPPL để lấy ý kiến; tăng cường các phương pháp lấy ý kiến thực chất, hiệu quả, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tăng cường truyền thông chính sách ngay trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL; (iv) Bảo đảm các điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận, doanh nghiệp, hiệp hội và Nhân dân tham gia có chất lượng vào quy trình lập đề nghị xây dựng và soạn thảo, ban hành văn bản QPPL; (v) Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình xây dựng pháp luật, đặc biệt là giữa cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL, soạn thảo dự án, dự thảo văn bản QPPL với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các cơ quan của Quốc hội…

Về phía Bộ Tư pháp, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thẩm định thông qua hình thức hội đồng thẩm định, hội đồng tư vấn thẩm định với sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học, các cơ quan, tổ chức có liên quan. Đồng thời, tập trung thời gian, nguồn nhân lực bảo đảm bám sát quá trình xây dựng, ban hành các văn bản được phân công, thực hiện theo dõi ngay từ giai đoạn soạn thảo đến khi văn bản được thông qua, ký ban hành, trong đó, chú trọng kiểm soát đầu vào của hoạt động thẩm định và theo dõi sát việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý, thông qua dự án, dự thảo văn bản QPPL.

**9.** *Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản QPPL, trong đó sửa đổi, bổ sung một số quy định còn có vướng mắc trong quá trình thực hiện như: việc xác định nghị quyết đặc thù quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL; việc quy định thủ tục hành chính trong văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh; trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL còn qua nhiều khâu, nhiều bước, mất khá nhiều thời gian... (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Triển khai Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV, ngày 27/10/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2528/QĐ-BTP ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH, dự kiến trong năm 2025, Bộ Tư pháp sẽ xây dựng, trình ban hành Luật thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và năm 2020.

Trong quá trình xây dựng, trình ban hành Luật thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và năm 2020, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ngoài ra, thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 06/10/2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 9 năm 2023, Bộ Tư pháp được giao chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn.Tại dự thảo Nghị định đã bổ sung khái niệm “*Biện pháp có tính chất đặc thù*” như sau: *Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn, khắc phục những khó khăn, hạn chế, phát huy tiềm năng, lợi thế, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, không trái Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*”.

Trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo trước khi trình Chính phủ, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo trong đó có quy định khái niệm “*Biện pháp có tính chất đặc thù*”.

**10.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục tham mưu Chính phủ chỉ đạo các cơ quan Bộ, ngành Trung ương tuân thủ nghiêm quy trình xây dựng văn bản QPPL, đặc biệt là thời gian tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản QPPL; tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản QPPL để tránh tình trạng một số Luật đã được ban hành nhưng Nghị định và Thông tư hướng dẫn chưa ban hành kịp thời gây khó khăn cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện (UBND tỉnh Hà Tĩnh).*

**Trả lời:**

Thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quan tâm, chỉ đạo quyết liệt công tác triển khai thi hành Luật, Pháp lệnh và ban hành văn bản quy định chi tiết. Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện và phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Tuy nhiên, đúng như địa phương đã nêu, vẫn còn tình trạng Luật đã được ban hành nhưng Nghị định và Thông tư hướng dẫn chưa kịp ban hành đồng thời gây khó khăn cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. Để khắc phục những hạn chế nêu trên, ngoài việc tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, Bộ Tư pháp đã đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và tổ chức triển khai những giải pháp cụ thể sau:

*Thứ nhất, trong quá trình xây dựng, ban hành luật, pháp lệnh, nghị quyết*

- *Trong giai đoạn lập đề nghị,* cơ quan lập đề nghị cần dự báo và chỉ rõ nội dung chính sách sẽ ủy quyền, trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan trong việc triển khai luật, đặc biệt là trách nhiệm của cơ quan chủ trì, phối hợp xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.

*- Trong giai đoạn soạn thảo,* cần đồng thời chuẩn bị dự thảo văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ để trình kèm theo khi trình dự án, dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Đối với những dự án, dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết mà nội dung dự kiến giao quy định chi tiết có liên quan đến nhiều Bộ, cơ quan ngang Bộ thì phải chỉ rõ trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và lấy ý kiến của các cơ quan này. Nội dung giao quy định chi tiết cần phải được nêu rõ trong Tờ trình và dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết.

*- Trong quá trình thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật,* cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan thẩm tra xác định rõ nội dung giao quy định chi tiết và thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh, nghị quyết để đảm bảo đủ thời gian xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết. Trong đó lưu ý phải phối hợp chặt chẽ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ (không phải là cơ quan chủ trì soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết) về dự kiến nội dung giao quy định chi tiết, tránh trường hợp luật đã thông qua các Bộ mới biết nhiệm vụ xây dựng văn bản quy định chi tiết.

*Thứ hai, trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành*

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao xây dựng trình hoặc ban hành văn bản quy định chi tiết cần tập trung các nguồn lực để tổ chức soạn thảo văn bản quy định chi tiết đúng thời hạn trong quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết để tìm cách tháo gỡ, đề xuất những giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc đó. Những nội dung lớn, phức tạp cần chủ động xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ phụ trách; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ về những nội dung có liên quan trong văn bản quy định chi tiết.

Nghiêm túc tiếp thu ý kiến góp ý, ý kiến thẩm định, ý kiến đối tượng chịu sự tác động. Bên cạnh đó, quan tâm lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học để đảm bảo sự phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đối tượng tác động, đảm bảo tính khả thi của các quy định trong văn bản.

*Thứ ba, trong quá trình thẩm định văn bản quy phạm pháp luật*

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì lập đề nghị, soạn thảo văn bản, khi báo cáo tại cuộc họp thẩm định của Bộ Tư pháp phải báo cáo rõ về việc dự kiến các nội dung ủy quyền, giao quy định chi tiết, chủ thể được giao và thời điểm có hiệu lực của nội dung quy định chi tiết.

- Bộ Tư pháp, tiếp tục tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết, tập trung nguồn lực để bảo đảm tiến độ, chất lượng thẩm định. Nội dung ý kiến thẩm định cần thể hiện rõ ý kiến về phạm vi, nội dung, chủ thể được giao quy định chi tiết, thời điểm có hiệu lực của nội dung giao quy định chi tiết để bảo đảm tính khả thi.

*Thứ tư, trong giai đoạn trình, báo cáo Chính phủ*

Văn phòng Chính phủ đẩy nhanh tiến độ việc trình, lấy phiếu ý kiến thành viên Chính phủ đối với các văn bản QPPL đã được các Bộ, cơ quan ngang Bộ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Quy chế làm việc của Chính phủ; phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo trong quá trình chỉnh lý, tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ đảm bảo thời gian ban hành văn bản quy định chi tiết.

**11.** *Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP chưa có điều, khoản hướng dẫn rõ "Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương" (khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015), dẫn đến địa phương rất lúng túng trong việc xác định giữa khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 nêu trên và khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 "Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương" để xác định trình tự, thủ tục xây dựng văn bản cho phù hợp.*

*Đồng thời, theo khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách nhà nước quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân câp tỉnh: "Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương...". Theo quy định này giao cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương chủ động, kịp thời quyết định những nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù của địa phương. Tuy nhiên, đến nay chưa có văn bản hướng dẩn, giải thích về khái niệm “có tính chất đặc thù” ở địa phương, đối với vấn đề này có nhiều quan điểm khác nhau, do đó làm cho địa phương lúng túng trong việc thực hiện quy định nêu trên.*

*Vì vậy, kiến nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành tham mưu Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc có văn bản hướng dẫn địa phương đối với quy định "có tính chất đặc thù" để thực hiện thống nhất (UBND tỉnh Hậu Giang)*

**Trả lời:**

Thời gian qua, một số địa phương đã có Công văn gửi Bộ Tư pháp đề nghị hướng dẫn áp dụng Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở đó, Bộ đã có Công văn hướng dẫn các địa phương. Trong đó, đối với khoản 3 và 4 được hướng dẫn như sau:

*1. Về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương (khoản 3 Điều 27)*

Việc HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng an ninh ở địa phương là trường hợp ban hành văn bản thuộc thẩm quyền riêng của địa phương, được phân quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019). Căn cứ theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì HĐND cấp tỉnh được ban hành nghị quyết quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng an ninh ở địa phương. Các biện pháp này phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương và việc ban hành nghị quyết quy định các biện pháp này là nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh cho địa phương đó.

Nghị quyết tại khoản 3 được ban hành theo thẩm quyền riêng, độc lập của HĐND cấp tỉnh nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

*2. Về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (khoản 4 Điều 27)*

Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) không định nghĩa *“biện pháp có tính chất đặc thù”.* Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy *“biện pháp có tính chất đặc thù”* là biện pháp để giải quyết những vấn đề riêng biệt của địa phương phát sinh từ thực tiễn, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế hoặc hạn chế, khắc phục những điểm bất lợi của địa phương đó. Để xác định đâu là biện pháp có tính chất đặc thù, cần căn cứ vào các văn bản QPPL hiện hành của cơ quan nhà nước ở Trung ương để xác định biện pháp đó đã được quy định để áp dụng chung cho cả nước hay chưa; nếu biện pháp đó chưa được quy định và xuất phát từ thực tiễn địa phương cần thiết phải ban hành để giải quyết các vấn đề riêng biệt của địa phương thì đó là biện pháp có tính chất đặc thù. Việc quy định các biện pháp có tính chất đặc thù ở địa phương phải bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; không trái với Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành.

Một điểm cần chú ý là: Việc xây dựng văn bản theo Khoản 4, Điều 27 bắt buộc phải lập đề nghị xây dựng theo quy trình chính sách.

Ngoài ra, thực hiện kết luận của Chính phủ tại Thông báo số 128/TB-VPCP ngày 29/7/2023 về kết luận của Thường trực Chính phủ và Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 06/10/2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 9 năm 2023, hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (dự kiến trình Chính phủ vào tháng 12/2023). Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định nêu trên, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**12.** *Theo Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và theo hướng dẫn của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) thì đối với dự thảo văn bản QPPL sau khi được Sở Tư pháp thẩm định sẽ kết luận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện trình. Tuy nhiên, Luật chưa có giải thích cụ thể như thế nào là đủ điều kiện, trường hợp nào không đủ điều kiện. Điều này gây khó khăn cho Sở Tư pháp trong việc "Kết luận đủ điều kiện hay không đủ kiện" trong Báo cáo thẩm định. Kiến nghị Bộ Tư pháp đề xuất nội dung hướng dẫn cụ thể tiêu chí "đủ điều kiện trình/ không đủ điều kiện trình" tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (UBND tỉnh Hậu Giang).*

**Trả lời:**

Thẩm định là một khâu bắt buộc trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Thẩm định văn bản quy phạm pháp luật là hoạt động nghiên cứu, xem xét, đánh giá về nội dung và hình thức, kỹ thuật soạn thảo đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo nội dung, trình tự, thủ tục do luật định nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật và những yêu cầu khác về chất lượng dự án, dự thảo theo quy định của pháp luật.

Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã có các quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Do vậy, trong quá trình thẩm định dự thảo văn bản QPPL, Quý Sở cần căn cứ vào các quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật gửi thẩm định để kết luận đủ điều kiện hay không đủ kiện trình.

Về kiến nghị đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể tiêu chí “đủ điều kiện trình/ không đủ điều kiện trình” tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và nghị định số 154/2020/NĐ-CP: Bộ Tư pháp xin ghi nhận và sẽ nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

**13.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng chuyên mục trao đổi và cập nhật các kiến nghị - trả lời cho địa phương, đăng tải các tình huống về nghiệp vụ liên quan đến xây dựng pháp luật để địa phương nghiên cứu tham khảo vận dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (UBND các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Long).*

**Trả lời:**

Nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng pháp luật, hiện nay, trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp đã và đang vận hành Trang Thông tin điện tử xây dựng pháp luật; Trang Thông tin hướng dẫn nghiệp vụ và duy trì chuyên mục “Nghiên cứu trao đổi” để tạo diễn đàn cho các cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, tại các Trang Thông tin và Chuyên mục nêu trên, khả năng tương tác với người dùng còn hạn chế, nội dung thông tin, tài liệu cập nhật chưa thường xuyên, chưa phong phú.

Thực hiện Quyết định số 21/QĐ-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 06/1/2023 phê duyệt Đề án *“Đổi mới, phát triển Trang Thông tin điện tử xây dựng pháp luật”*, hiện nay, Bộ Tư pháp đang tiến hành khảo sát, nghiên cứu để thực hiện việc đổi mới, nâng cấp Trang Thông tin điện tử xây dựng pháp luật hướng tới mục tiêu tăng khả năng tương tác với người dùng và thu hút các cơ quan, đơn vị, cá nhân tham gia viết bài, đưa tin về hoạt động xây dựng pháp luật để tạo diễn đàn để Bộ, ngành, địa phương trao đổi về kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng xây dựng, ban hành văn bản QPPL. Theo đó, Trang Thông tin điện tử xây dựng pháp luật sẽ bổ sung Chuyên mục “Hỏi - Đáp”về xây dựng, ban hành văn bản QPPL và Chuyên mục “Thăm dò ý kiến” để thu thập ý kiến của công chúng đối với những chính sách, quy định mới có phạm vi tác động lớn đến xã hội do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành. Dự kiến, Phiên bản nâng cấp của Trang Thông tin điện tử xây dựng pháp luật sẽ được Bộ Tư pháp đưa vào vận hành chính thức trong năm 2024.

**14.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ có hướng dẫn cụ thể quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (UBND tỉnh Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Thực hiện kết luận của Chính phủ tại Thông báo số 128/TB-VPCP ngày 29/7/2023 về kết luận của Thường trực Chính phủ và Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 06/10/2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 9 năm 2023, hiện nay, Bộ Tư pháp được giao chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn, Bộ Tư pháp đã khẩn trương xây dựng dự thảo Nghị định.

Tại Dự thảo Nghị định nêu trên đã bổ sung khái niệm “*Biện pháp có tính chất đặc thù*” như sau: *Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn, khắc phục những khó khăn, hạn chế, phát huy tiềm năng, lợi thế, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, không trái Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”.

Trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo trước khi trình Chính phủ, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo trong đó có khái niệm “*Biện pháp có tính chất đặc thù*”.

**15**. *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, sửa đổi quy định về thời gian lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử đối với đề nghị xây dựng VBQPPL vì theo quy định hiện hành quy trình lấy ý kiến này khá dài, nhưng chất lượng, hiệu quả chưa cao. Hầu hết chưa thu hút được sự quan tâm của Nhân dân tham gia góp ý (UBND tỉnh Tiền Giang).*

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL thì thời hạn đăng tải để lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh (khoản 1 Điều 36), nghị định (khoản 1 Điều 86), nghị quyết của HĐND cấp tỉnh (khoản 1 Điều 113) ít nhất là 30 ngày. Các quy định này của Luật nhằm bảo đảm khoảng thời gian hợp lý để các cơ quan, tổ chức, cá nhân quan tâm có thể nghiên cứu, đóng góp ý kiến. Tuy nhiên, trong quá trình thi hành Luật, Bộ Tư pháp cũng nhận được kiến nghị của một số Bộ, ngành, địa phương về tính hợp lý của thời hạn này, trong đó có ý kiến cho rằng thời hạn 30 ngày là quá dài, ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng, ban hành văn bản QPPL và đề xuất giảm thời gian đăng tải lấy ý kiến.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang được giao chủ trì xây dựng phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tham mưu, giúp Chính phủ xây dựng Báo cáo đánh giá thực trạng và kiến nghị đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật gửi Ban Chỉ đạo trong tháng 02/2024 (tại Kế hoạch số 1981-KH/ĐĐQH15 ngày 23/10/2023 của Đảng đoàn Quốc hội). Về vấn đề này, Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương và sẽ nghiên cứu, báo cáo Chính phủ, đồng thời đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung các quy định về lấy ý kiến đề nghị xây dựng văn bản QPPL, bảo đảm phù hợp hơn với tình hình thực tiễn.

**16**. *Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương nêu tại khoản 1.2 Mục II Phần thứ nhất Báo cáo. Cụ thể, như sau:*

***16.1. Việc đánh giá tác động của chính sách***

*Điều 6, Điều 7 và mẫu số 1 Phụ lục V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) đã quy định về các nội dung, phương pháp, mẫu báo cáo đánh giá tác động chính sách, tuy nhiên nội dung các quy định còn chung chung, chưa có hướng dẫn cụ thể, dẫn đến đa số các chính sách việc đánh giá còn mang tính định tính, chưa thể hiện được lợi ích và chi phí trong quá trình đánh giá.*

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang được giao chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Dự thảo Nghị định sẽ tập trung sửa đổi, bổ sung những quy định có khiếm khuyết của 02 Nghị định nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản QPPL và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện thời gian qua, trong đó có việc sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Về kiến nghị nói trên, Bộ Tư pháp xin ghi nhận và sẽ nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

***16.2. Về trách nhiệm tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản QPPL***

*Theo quy định tại khoản 3 Điều 113; khoản 3 Điều 120; Điều 129 Luật Ban hành văn QPPL thì cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến tham gia đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết, dự thảo văn bản QPPL có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản. Tuy nhiên, Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan chuyên môn khi tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, đơn vị, nên việc tham gia ý kiến của một số cơ quan chuyên môn đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, đơn vị chất lượng chưa cao.*

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 113, khoản 3 Điều 120, Điều 129 Luật Ban hành văn bản QPPL quy định: Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến tham gia đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết, dự thảo Nghị quyết, dự thảo quyết định có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.

Khoản 3 Điều 7 Luật Ban hành văn bản QPPL quy định “Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền được đề nghị tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chịu trách nhiệm về nội dung và thời hạn tham gia góp ý kiến”. Như vậy Luật Ban hành văn bản QPPL đã có quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong việc góp ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản QPPL và dự thảo văn bản QPPL.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp ghi nhận ý kiến của địa phương và sẽ nghiên cứu, có đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định.

***16.3. Việc quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân***

*Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: "Các hành vi bị nghiêm cấm: ...4. Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này".*

*Tuy nhiên, trong thực tiễn có một số Nghị quyết thuộc khoản 2 (Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên) hoặc khoản 3 (Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương) Điều 27 cần thiết phải quy định thủ tục hành chính để thực hiện, nhưng nếu quy định thủ tục hành chính thì trái với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.*

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ được quy định thủ tục hành chính thuộc khoản 2, 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao. Theo đó, khi quy định thủ tục hành chính tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, địa phương cần bảo đảm thẩm quyền ban hành thủ tục hành chính theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2017).

***16.4. Về việc xây dựng, ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn***

*Theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì được ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự thủ tục rút gọn trong "trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn", tuy nhiên chưa có quy định giải thích thế nào là trường hợp cấp bách dẫn đến lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện.*

**Trả lời:**

Thực hiện kết luận của Chính phủ tại Thông báo số 128/TB-VPCP ngày 29/7/2023 về kết luận của Thường trực Chính phủ và Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 06/10/2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 9 năm 2023, hiện nay, Bộ Tư pháp được giao chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Bộ Tư pháp đã khẩn trương xây dựng dự thảo Nghị định.

Tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 37 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP trong đó nói rõ hơn về trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn, cụ thể như sau:

“4. Văn bản đề nghị quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này *phải có* *các nội dung chính sau đây*:

*a)* Sự cần thiết ban hành văn bản*;*

*b)* Tên văn bản;

*c)* Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản;

*d)* Nội dung chính của văn bản;

đ) Căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, *trong đó nêu cụ thể trường hợp được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 146 của Luật và lý do đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật, phải nêu rõ vấn đề phát sinh trong thực tiễn và hậu quả có thể xảy ra nếu không ban hành kịp thời văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết vấn đề đó.*

*e)* Dự kiến cơ quan chủ trì soạn thảo và thời gian trình *hoặc ban hành* văn bản”.

***16.5. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản bãi bỏ một phần và sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật***

*Hiện nay, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) mới chỉ quy định thể thức, kỹ thuật trình bày đối với văn bản sửa đổi, bổ sung (mục 3 Chương V) và mẫu trình bày văn bản chỉ có nội dung bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật (các mẫu từ mẫu số 38 đến mẫu số 43 Phụ lục I), chưa có quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày, mẫu trình bày đối với trường hợp 9 văn bản có nội dung bãi bỏ một phần đồng thời sửa đổi, bổ sung văn bản mà trong đó phần nội dung bị bãi bỏ làm ảnh hưởng đến nội dung của văn bản bị bãi bỏ một phần nên phải thực hiện sửa đổi, bổ sung.*

**Trả lời:**

Mục II và Mục III của Phụ lục I (Các mẫu văn bản QPPL) ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP đã quy định Mẫu văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung một số điều (Mục 2, từ Mẫu số 28 đến Mẫu số 37) và Mẫu văn bản QPPL bãi bỏ văn bản QPPL (Mục III, từ Mẫu số 38 đến Mẫu số 43). Theo đó:

- Nội dung Mẫu các văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung một số điều gồm Điều 1 - Sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản QPPL và Điều 2 - Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của văn bản QPPL.

- Nội dung Mẫu văn bản QPPL bãi bỏ văn bản QPPL gồm Điều 1 - Bãi bỏ toàn bộ một số văn bản QPPL và Điều 2 - Bãi bỏ một phần một số văn bản QPPL.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung một số điều và bãi bỏ một phần văn bản QPPL, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể áp dụng theo Mẫu tương ứng tại Mục 2 (từ Mẫu số 28 đến Mẫu số 37) Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Hiện nay, thực hiện kết luận của Chính phủ tại Thông báo số 128/TB-VPCP ngày 29/7/2023 về kết luận của Thường trực Chính phủ và Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 06/10/2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 9 năm 2023, Bộ Tư pháp đang chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Dự thảo Nghị định sẽ tập trung sửa đổi, bổ sung những quy định có khiếm khuyết của 02 Nghị định nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản QPPL và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện thời gian qua, trong đó có việc sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

***16.6. Về mẫu tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật***

*Mẫu tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại mẫu số 02 Phụ lục V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) hiện đang được sử dụng chung cho cả đề nghị xây dựng nghị quyết có nội dung quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các đề nghị xây dựng nghị quyết tại khoản 1, 2, 3 Điều 27, đề nghị xây dựng quyết định là không hợp lý, vì nội dung đề nghị xây dựng các loại văn bản này là khác nhau (UBND tỉnh Tuyên Quang).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận và sẽ nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

**17.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ chấn chỉnh việc các Bộ, ngành Trung ương chậm ban hành văn bản hướng dẫn; ban hành văn bản hành chính giao địa phương thể chế bằng văn bản QPPL; quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không rõ ràng dẫn đến hiểu khác nhau gây khó khăn thực hiện (UBND tỉnh Vĩnh Long).*

**Trả lời:**

Thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn quan tâm, chỉ đạo quyết liệt công tác tổ chức thi hành luật, pháp lệnh và ban hành văn bản quy định chi tiết. Tại các Phiên họp Chính phủ thường kỳ và Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật của Chính phủ, Văn phòng Chính và Bộ Tư pháp đã thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện và phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh. Công tác ban hành văn bản quy định chi tiết đã có sự chuyển biến rõ rệt, nhiều văn bản đã được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh, đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện. Tuy nhiên, như địa phương đã phản ánh, vẫn còn chậm ban hành văn bản hướng dẫn, ban hành văn bản hành chính giao địa phương thể chế bằng văn bản QPPL; quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không rõ ràng dẫn đến hiểu khác nhau gây khó khăn trong thực hiện. Trong thời gian tới, để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, đồng bộ trong tổ chức triển khai thực hiện giữa các cơ quan chức năng và khả thi trong thực tế, khắc phục tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh, Bộ Tư pháp đã tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương thực hiện các giải pháp sau:

1. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác soạn thảo, trình các dự án luật, pháp lệnh, triển khai thi hành luật, pháp lệnh và ban hành văn bản quy định chi tiết; thực hiện nghiêm các giải pháp đã được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề ra nhằm bảo đảm tiến độ và chất lượng của văn bản, sớm khắc phục tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản quy định chi tiết và bảo đảm các nguồn lực cần thiết cho việc triển khai thi hành đồng bộ, kịp thời, hiệu quả luật, pháp lệnh.

2. Chỉ đạo quyết liệt công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, khẩn trương chỉnh lý, hoàn thiện để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản nợ ban hành và văn bản quy định chi tiết. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp chỉnh lý, hoàn thiện các dự thảo nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ để trình ký ban hành.

3. Các Bộ cần thực hiện nghiêm các giải pháp đã được nêu tại Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật, trong đó tập trung nguồn lực thực hiện tốt một số các giải pháp cụ thể sau:

- Các Bộ trưởng trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL, tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác này, phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong việc nghiên cứu, soạn thảo, trình văn bản. Thường xuyên kiểm tra, kiểm điểm rõ trách nhiệm và có hình thức xử lý trách nhiệm đối với đơn vị, cá nhân để xảy ra tình trạng chậm tiến độ và không bảo đảm chất lượng văn bản; cương quyết không xem xét khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng chậm ban hành văn bản.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị quyết số 67/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội về tăng cường công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành về việc: *“Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh”.*

4. Bộ Tư pháp tăng cường công tác thẩm định, rà soát, để kịp thời phát hiện vướng mắc, bất cập và chủ động đề xuất biện pháp khắc phục đối với văn bản quy phạm pháp luật được ban hành có nội dung chưa phù hợp, chưa bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, điều hành hiệu quả hơn công tác phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình xây dựng văn bản quy định chi tiết để bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả và khả thi; ban hành đúng và đầy đủ các nội dung được giao quy định chi tiết trong luật. Áp dụng nguyên tắc một văn bản quy định chi tiết nhiều nội dung được giao, hạn chế số lượng văn bản quy định chi tiết.

5. Ưu tiên, tập trung thời gian, nguồn lực cho công tác xây dựng luật, pháp lệnh, triển khai thực hiện Hiến pháp và ban hành văn bản quy định chi tiết; củng cố kiện toàn tổ chức pháp chế; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ công chức làm công tác xây dựng pháp luật.

**18.** *Đề nghị Bộ Tư pháp khi yêu cầu báo cáo, gửi văn bản lấy ý kiến góp ý các dự thảo văn bản, cần giao thời gian thích hợp để địa phương có thời gian nghiên cứu, góp ý kiến và báo cáo đầy đủ nội dung (UBND tỉnh Vĩnh Long).*

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL thì việc lấy ý kiến đối với dự án, dự thảo văn bản QPPL có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức như đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử, Trang Thông tin điện tử, lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo, tọa đàm, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Luật yêu cầu cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm *trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản QPPL (khoản 2 Điều 36) và 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến đối với dự án, dự thảo VBQPPL (khoản 1 Điều 57)*. Thời hạn tối đa 15 ngày và 20 ngày nêu trên được quy định trong Luật trên cơ sở tổng kết thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2008 và Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND năm 2004 và sự tính toán khoa học để bảo đảm phù hợp với thời hạn thực hiện các bước, công đoạn tiếp theo của quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật như thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự án, dự thảo văn bản trình cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua hoặc ký ban hành để vừa bảo đảm chất lượng vừa bảo đảm tiến độ ban hành văn bản.

**19**. *Đối với việc góp ý văn bản QPPL, ngoài việc góp ý bằng văn bản, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu có cơ chế trao đổi, thảo luận giữa cơ quan soạn thảo và cơ quan được lấy ý kiến để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất đồng giữa các cơ quan, tạo sự đồng thuận trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản, từ đó giúp cho quá trình triển khai thực hiện, áp dụng văn bản sau này được thuận lợi (Đài Truyền hình Việt Nam).*

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, việc lấy ý kiến đối với dự án, dự thảo văn bản QPPL có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức như đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử, Trang Thông tin điện tử, lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo, tọa đàm, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.

Để tăng cường sự tương tác giữa cơ quan soạn thảo văn bản và cơ quan được lấy ý kiến, tạo sự đồng thuận giữa các cơ quan về dự án, dự thảo văn bản QPPL trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành, Luật Ban hành văn bản QPPL quy định cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý và đăng tải công khai báo cáo giải trình, tiếp thu trên các cổng thông tin điện tử đã đăng tải dự án, dự thảo.

Ngoài ra, còn có nhiều cơ chế khác để cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan được lấy ý kiến có thể trao đổi với nhau nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất đồng giữa các cơ quan, tạo sự đồng thuận trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản, từ đó giúp cho quá trình triển khai thực hiện, áp dụng văn bản sau này được thuận lợi như thông qua các cuộc họp của Ban soạn thảo, Tổ biên tập; các cuộc hội thảo, tọa đàm chuyên sâu; tổ chức các cuộc họp với các Bộ, ngành còn ý kiến khác nhau…

**20.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tổng hợp, đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

**Trả lời:**

Thực hiện kết luận của Chính phủ tại Thông báo số 128/TB-VPCP ngày 29/7/2023 về kết luận của Thường trực Chính phủ và Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 06/10/2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 9 năm 2023, hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Bộ Tư pháp đã khẩn trương xây dựng dự thảo Nghị định và dự kiến trình Chính phủ vào tháng 12/2023.

**21.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình tại khoản 2 Điều 24 Luật Ban hành văn bản QPPL. Vì trong thực tế triển khai đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, không xác định được trường hợp nào thì Bộ trưởng được ban hành Thông tư quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước (Bộ Nội vụ).*

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 99, Hiến pháp 2013 quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, lãnh đạo công tác của Bộ, cơ quan ngang Bộ; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công; tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

Điều 100, Hiến pháp 2013 quy định Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành văn bản pháp luật để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái pháp luật theo quy định của luật.

Tại khoản 4, Điều 34 của Luật Tổ chức Chính phủ quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được phân công.

Căn cứ tại các quy định nêu trên, khoản 2 Điều 24 Luật Ban hành văn bản QPPL quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành Thông tư để quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình. Đây được xem là trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành văn bản QPPL theo thẩm quyền riêng của mình. Trong trường hợp Luật và các văn bản của cơ quan Nhà nước không giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định chi tiết thì các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan để quy định về các biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình.

**22.** *Đề nghị hướng dẫn cụ thể về Thông tư sửa đổi Thông tư liên tịch vì theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) trong hệ thống văn bản QPPL không quy định về Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, một số Bộ, ngành vẫn ban hành Thông tư sửa đôi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch, do đó đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể để thống nhất trong tổ chức thực hiện (Bộ Nội vụ).*

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 12 của Luật Ban hành văn bản QPPL quy định: *“Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được* ***sửa đổi, bổ sung****, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật* ***của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản*** *đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền...”*. Tuy nhiên, do Luật Ban hành văn bản QPPL không còn quy định hình thức Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là văn bản QPPL nên không có hình thức văn bản tương ứng để sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch này.

Để xử lý hiệu lực của các Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã được ban hành trước ngày 01/7/2016, khoản 2 Điều 172 Luật Ban hành văn bản QPPL quy định: *“Thông tư liên tịch giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục có hiệu lực cho đến khi* ***có văn bản bãi bỏ hoặc bị thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác****”*. Như vậy, quy định này cho phép Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi bị bãi bỏ hoặc bị thay thế, không quy định việc sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch này.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến của Quý Bộ và trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sẽ tổng hợp, nghiên cứu, trình Chính phủ quy định hướng dẫn về việc bãi bỏ, thay thế các Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành trước ngày 01/7/2016 nhằm góp phần giúp tháo gỡkhó khăn, vướng mắc cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thực tiễn xây dựng loại văn bản QPPL này.

**II. CỤC KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT:**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; kịp thời sửa đổi, bổ sung những điểm bất cập, hạn chế để đảm bảo tính thống nhất, khả thi khi áp dụng thực hiện (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

**Hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì tham mưu xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP trong đó có một số nội dung về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Việc sửa đổi, bổ sung Nghị định này nhằm khắc phục những điểm bất cập, hạn chế của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL. Dự thảo văn bản đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành và địa phương. Bộ Tư pháp đang tổng hợp, giải trình tiếp thu các ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và địa phương về dự thảo Nghị định. Theo kế hoạch, dự thảo Nghị định trên sẽ được Bộ Tư pháp trình Chính phủ xem xét, ban hành trong tháng 01/2024.**

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục tăng cường tổ chức các hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế của các Bộ, ngành, địa phương. Nội dung tập huấn cần được xây dựng trên cơ sở khảo sát nhu cầu, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đồng thời chú trọng bồi dưỡng kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, rà soát văn bản ở cơ sở (UBND các tỉnh: Bình Định, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Vĩnh Long, Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương).*

**Trả lời:**

Thời gian qua, Bộ Tư pháp luôn chú trọng và tăng cường tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho công chức thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bảntại các Bộ, ngành, địa phươngthông qua các lớpbồi dưỡng nghiệp vụ về công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL do Bộ Tư pháp tổ chức hằng năm, trong đó, Cục Kiểm tra văn bản QPPL là đơn vị trực tiếp hướng dẫn, tập huấn, hướng dẫn về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

Bên cạnh đó, từ năm 2019 đến nay, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, tọa đàm tại các địa phương liên quan đến công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL với thành phần tham gia là đại diện tổ chức pháp chế các Bộ, ngành và Sở Tư pháp các địa phương, trong đó có nội dung tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp và tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của các bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai các công tác nêu trên[[1]](#footnote-1). Ngoài ra, Cục Kiểm tra văn bản QPPL đã cử nhiều lượt công chức làm báo cáo viên tập huấn kỹ năng nghiệp vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do các Bộ, ngành, địa phương tổ chức hàng năm; tổ chức biên soạn, phát hành và đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp các cuốn sách nghiệp vụ về các công tác nêu trên như: S[ổ tay Hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2016](http://hdnv.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tai-lieu.aspx?itemid=1900); S[ổ tay hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2016](http://hdnv.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tai-lieu.aspx?itemid=1899); [Sổ tay tình huống nghiệp vụ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL năm 2018](http://hdnv.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tai-lieu.aspx?itemid=1907) (tạiđịa chỉ: *Trang thông tin về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và hợp nhất văn bản QPPL* thuộc Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp- <https://ktvb.moj.gov.vn/Pages/home.aspx>).

Để phục vụ cho việc nghiên cứu, tham khảo, rút kinh nghiệm, phòng tránh việc xây dựng, ban hành văn bản không đúng quy định pháp luật tại các Bộ, ngành, địa phương, vào đầu năm 2023, Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp) đã phối hợp với Nhà xuất bản Tư pháp biên soạn, phát hành các cuốn sách “Quy định pháp luật hiện hành và một số kỹ năng cơ bản về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật”; “Quy định pháp luật hiện hành và một số kỹ năng cơ bản về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật” và sách “Sổ tay tình huống nghiệp vụ kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật”, trong đó tổng hợp, đề cập, phân tích cụ thể các nội dung về kiểm tra, rà soát xử lý văn bản trái pháp luật; các trường hợp, các lỗi sai có tính phổ biến, thường gặp trong công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL và kỹ năng phát hiện, xử lý.

Trong năm 2024, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) sẽ tiếp tục tổ chức các Hội thảo về “Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản QPPL của địa phương - nhìn từ góc độ kiểm tra, rà soát văn bản QPPL” tại một số khu vực/địa phương, trong đó tập trung vào việc nhận diện, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về chuyên môn để nâng cao nhận thức, kinh nghiệm, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL tại địa phương.

Để nâng cao hơn hiệu quả của công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản**,** thời gian tới, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) tiếp tục tăng cường và đổi mới hơn nữa công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ nói trên theo hướng:

- Xây dựng nội dung tập huấn phù hợp dựa trên kết quả khảo sát về nhu cầu của từng đối tượng được tập huấn;

- Nội dung tập huấn tập trung vào tháo gỡ khó khăn về chuyên môn, bồi dưỡng những kỹ năng còn yếu của từng đối tượng được tập huấn;

- Tăng cường hơn nữa các ví dụ minh họa để bài giảng trực quan sinh động, thực tiễn, dễ tiếp cận;

- Hạn chế việc trao đổi một chiều của giảng viên, thay vào đó là tăng cường sự tương tác giữa giảng viên và học viên; phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của học viên. Trong quá trình tập huấn, các học viên tập trung trao đổi và thảo luận về xây dựng, ban hành văn bản, nghiệp vụ kiểm tra văn bản, những kinh nghiệm hay cũng như những vướng mắc trong quá trình thực hiện việc kiểm tra và rà soát văn bản tại cơ quan/đơn vị mình.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hoàn thiện Phần mềm Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản, hướng dẫn các địa phương thực hiện thuận lợi và thống nhất trên phạm vi toàn quốc (UBND tỉnh Bắc Giang).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, xây dựng chung Cơ sở Dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL để sử dụng thống nhất trên phạm vi cả nước, vì nếu từng địa phương xây dựng cũng sẽ gây khó khăn trong quá trình cập nhật, không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực hiện (UBND tỉnh Cao Bằng).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp đầu tư, nâng cấp các Phần mềm, trang web về pháp điển, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật trên Cơ sở Dữ liệu quốc gia đảm bảo hoạt động thông suốt, dễ truy cập, thuận tiện cho người sử dụng (Bộ Nội vụ).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng Phần mềm hệ Cơ sở Dữ liệu chung về rà soát trong toàn quốc để liên kết, tích hợp, chia sẻ kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật giữa các Bộ, ngành, địa phương nhằm đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ, tránh trùng lặp, bỏ sót, mất thời gian (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp đã và đang tiếp tục đầu tư để hoàn thiện, nâng cấp các Phần mềm Cơ sở Dữ liệu chuyên ngành, trong đó có Phần mềm Cơ sở Dữ liệu kiểm tra, rà soát văn bản để đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng hiệu quả, đồng bộ trên thực tế. Đặc biệt, theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tư pháp hiện đang phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm trong việc rà soát văn bản QPPL đảm bảo tính thống nhất, hạn chế mâu thuẫn, chồng chéo, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế (UBND tỉnh Hà Giang).*

**Trả lời:**

**Trong thời gian qua,** Quốc hội, Chính phủ đã luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật, trong đó có công tác rà soát văn bản QPPL. Từ năm 2020 đến nay, thực hiện chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành đã thực hiện rà soát với số lượng lớn các văn bản thuộc trách nhiệm được giao, qua đó các Bộ, ngành Trung ương đã kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nhiều quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp thực tiễn.

Trong công tác rà soát văn bản, với vai trò là cơ quan Thường trực của Tổ Công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản QPPL, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tập trung tổ chức triển khai thực hiện có chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ rà soát tổng thể và rà soát chuyên đề, lĩnh vực theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền; tích cực nghiên cứu xử lý kết quả rà soát văn bản trong các năm 2020, 2021 và 2022. Thông qua đó đã giúp nhận diện, đánh giá các mâu thuẫn, vướng mắc, bất cập, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về thể chế trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp và đời sống Nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và đấu tranh, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

Trên cơ sở kết quả rà soát và phương án đề xuất xử lý văn bản của các cơ quan, Bộ Tư pháp và Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản QPPL đã tổng hợp, xây dựng các báo cáo rà soát văn bản trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo (Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ), cụ thể như: Báo cáo số 442/BC-CP ngày 01/10/2020 của Chính phủ về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước trình Quốc hội; Báo cáo số 229/BC-BTP ngày 15/10/2021 của Bộ Tư pháp báo cáo kết quả rà soát, nghiên cứu, xử lý kiến nghị, phản ánh về quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trình Thủ tướng Chính phủ; các Báo cáo của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản QPPL báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả hoạt động của Tổ công tác các năm từ 2020, năm 2021, năm 2022. Tổ chức rà soát hệ thống văn bản QPPL theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 kỳ họp thứ 5, khóa XV của Quốc hội,trọng tâm rà soát là pháp luật về đấu thầu, đấu giá, quy hoạch, đầu tư công, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, ngân sách nhà nước, tài chính công, hợp tác công tư, xã hội hóa các dịch vụ công, đầu tư, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản, ngân hàng, tài chính, tự chủ tài chính, chứng khoán, trái phiếu, doanh nghiệp, giám định, định giá và các lĩnh vực khác đã được các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án kiến nghị, đề xuất hoặc có nhiều vướng mắc được các địa phương, người dân, doanh nghiệp kiến nghị; phát hiện, xác định cụ thể những quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật và văn bản dưới luật có liên quan để báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV. Ngày 20/10/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ ký Báo cáo số 587/BC-CP trình Quốc hội về kết quả rà soát hệ thống văn bản QPPL thực hiện Nghị quyết số 101/2023/QH15.

Tại các Báo cáo này, Bộ Tư pháp đã đề xuất, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải pháp cụ thể để chỉ đạo xử lý quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, ngành (bao gồm giải pháp, phương án, tiến độ xử lý đối các văn bản đã có trong chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản và các văn bản chưa có trong chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản)*.* Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời có các chỉ đạo các Bộ, ngành thực hiện việc xử lý kết quả rà soát văn bản.

Hiện nay, các Bộ, ngành đang tập trung nghiên cứu, xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý kết quả rà soát văn bản đã thực hiện trong thời gian qua, theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đồng thời, tiếp tục tổ chức rà soát văn bản thường xuyên, rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong thời gian tới với trách nhiệm được giao, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tham mưu Lãnh đạo Chính phủ, Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản QPPL thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các Bộ, ngành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn các trường hợp sau đây:*

***6.1.*** *Điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Khoa học và công nghệ quy định: “Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương và UBND cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh”. Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định: “Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng chế độ quy định”. Theo đó, UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.*

*Đoạn 1 khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định: “Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, … các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của …địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.”. Theo đó, Hội đồng thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải theo định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương phê duyệt. Tuy nhiên, tại đoạn 1 khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC không quy định cụ thể cơ quan nhà nước ở địa phương nào có thẩm quyền phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý.*

*Trong khi đó, điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước chỉ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “h. Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ”.*

*Theo các quy định trên thì Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền ban hành nghị quyết để quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định hay không?*

***6.2.*** *Trước đây, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành một số văn bản dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật nhưng không chứa quy phạm pháp luật như các quyết định thành lập các bệnh viện đa khoa các huyện thuộc Sở Y tế (Quyết định số 07/2006/QĐ-UBND ngày 20/01/2006 thành lập Bệnh viện Đa khoa Gio Linh trực thuộc Sở Y tế), quyết định thành lập các thôn (Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND ngày 13/3/2008 về việc thành lập các thôn: Tân Chính, Cồn Trung thuộc xã Cam Chính, huyện Cam Lộ); Quyết định thành lập các Trạm Kiểm lâm (Số 2592/2002/QĐ-UBND ngày 03/12/2002 về việc thành lập trạm kiểm lâm thuộc Hạt Kiểm lâm Khu bảo tồn Đakrông…) thì khi thực hiện hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan ở địa phương có đưa các văn bản trên vào danh mục văn bản để thực hiện hệ thống hoá hay không? Trường hợp Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các văn bản được ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật nhưng không chứa quy phạm pháp luật thì sẽ ban hành văn bản dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật hay văn bản hành chính? (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

***6.1.*** Về thẩm quyền ban hành quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC, căn cứ quy định tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ban hành quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Liên quan trực tiếp đến việc xác định thẩm quyền quyết định định mức xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Trong khi đó, về thẩm quyền quyết định dự toán chi ngân sách địa phương, điểm c khoản 1 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền quyết định, trong đó có mức chi cụ thể cho lĩnh vực khoa học và công nghệ. Ngoài ra, về thẩm quyền quyết định định mức phân bổ ngân sách làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách ở địa phương, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Do đó, về nguyên tắc việc xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP.

***6.2.*** Theo quy định tại Điều 164 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 38 Điều 1 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP)[[2]](#footnote-2) quy định, “văn bản QPPL phải được định kỳ hệ thống hóa”.

Đồng thời, khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020[[3]](#footnote-3)) thì văn bản QPPL chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Trong khi đó, hiện nay pháp luật chưa có quy định việc xử lý riêng biệt đối với văn bản có hình thức, ban hành hành theo thẩm quyền và trình tự thủ tục của văn bản QPPL nhưng không chứa QPPL. Trường hợp, các văn bản đã ban hành bằng hình thức văn bản QPPL nhưng nội dung không chứa QPPL thì thông qua rà soát, cơ quan đã ban hành văn bản QPPL có thể tiến hành xử lý bằng hình thức bãi bỏ các văn bản nêu trên. Đối với các nội dung mà cơ quan ban hành văn bản thấy rằng vẫn cần phải quy định thì sau khi bãi bỏ xong sẽ ban hành văn bản mới là văn bản hành chính để điều chỉnh.

**7.***Đề nghị Bộ Tư pháp báo cáo, kiến nghị với Chính phủ hoặc tham mưu Chính phủ báo cáo Quốc hội về phương án, cách thức triển khai hoạt động rà soát hợp lý đối với trường hợp có nhiều chỉ đạo rà soát có phạm vi rà soát trùng lặp nhau cùng một khoảng thời gian (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong thời gian qua, tại nhiều báo cáo, cũng như tại một số cuộc họp có liên quan, Bộ Tư pháp đã tham mưu báo cáo, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phương án, cách thức triển khai hoạt động rà soát hợp lý đối với trường hợp có nhiều chỉ đạo rà soát có phạm vi rà soát trùng lặp nhau cùng một khoảng thời gian. Để hạn chế tình trạng nêu trên, Bộ Tư pháp đề nghị Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành khi tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện rà soát văn bản cần bảo đảm đúng quy định của pháp luật về trách nhiệm rà soát văn bản thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, ngành, tránh trùng lặp về phạm vi rà soát cũng như giao trách nhiệm thực hiện rà soát, gây lúng túng và khó khăn cho các Bộ, ngành trong việc triển khai, ảnh hưởng đến chất lượng kết quả thực hiện.

**8.** “*Tại điểm a khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: Chủ tịch UBND tỉnh có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 29/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thành lập, giải thể; tổ chức hoạt động, khung danh mục vị trí việc làm và định mức số người làm việc; nội dung, quy chế; mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành quản học viên; trang phục của viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập quy định UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội). Như vậy, việc quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 29/2022/TT-BLĐTBXH là không phù hợp với quy định của văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn (Nghị định số 120/2020/NĐ-CP) và văn bản cùng cấp ban hành trước (Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH) quy định về cùng vấn đề*” *(Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long).*

**Trả lời:**

Nội dung kiến nghị của địa phương liên quan đến vướng mắc, bất cập trong quy định tại Thông tư số 29/2022/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH do Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội ban hành, vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Việc ban hành 02 Thông tư nêu trên có cơ sở pháp lý như sau:

- Một trong các căn cứ pháp lý để ban hành Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH là Nghị định số [24/2014/NĐ-CP](https://vbpl.vn/bolaodong/pages/vbpq-timkiem.aspx?type=0&s=1&Keyword=24/2014/N%C4%90-CP&SearchIn=Title,Title1&IsRec=1&pv=0) ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số [107/2020/NĐ-CP](https://vbpl.vn/bolaodong/pages/vbpq-timkiem.aspx?type=0&s=1&Keyword=107/2020/N%C4%90-CP&SearchIn=Title,Title1&IsRec=1&pv=0) ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ).

Theo đó, điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số [24/2014/NĐ-CP](https://vbpl.vn/bolaodong/pages/vbpq-timkiem.aspx?type=0&s=1&Keyword=24/2014/N%C4%90-CP&SearchIn=Title,Title1&IsRec=1&pv=0) (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số [107/2020/NĐ-CP](https://vbpl.vn/bolaodong/pages/vbpq-timkiem.aspx?type=0&s=1&Keyword=107/2020/N%C4%90-CP&SearchIn=Title,Title1&IsRec=1&pv=0)) quy định một trong các trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh là trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *“d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở”.*

- Một trong các căn cứ pháp lý để ban hành Thông tư số 29/2022/TT-BLĐTBXH là [Nghị định số 120/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-120-2020-ND-CP-thanh-lap-to-chuc-lai-giai-the-don-vi-su-nghiep-cong-lap-379357.aspx" \t "_blank) ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Theo đó, tại điểm a khoản 2 Điều 24 [Nghị định số 120/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-120-2020-ND-CP-thanh-lap-to-chuc-lai-giai-the-don-vi-su-nghiep-cong-lap-379357.aspx) quy định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “*a) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại**điểm b, điểm c và điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định này theo quy định của pháp luật*” trong đó có đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (tại điểm b khoản 4 Điều 5).

Như vậy, nội dung quy định không thống nhất giữa 02 Thông tư trên xuất phát từ quy định tại [Nghị định số 120/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-120-2020-ND-CP-thanh-lap-to-chuc-lai-giai-the-don-vi-su-nghiep-cong-lap-379357.aspx) và Nghị định số [24/2014/NĐ-CP](https://vbpl.vn/bolaodong/pages/vbpq-timkiem.aspx?type=0&s=1&Keyword=24/2014/N%C4%90-CP&SearchIn=Title,Title1&IsRec=1&pv=0) (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số [107/2020/NĐ-CP](https://vbpl.vn/bolaodong/pages/vbpq-timkiem.aspx?type=0&s=1&Keyword=107/2020/N%C4%90-CP&SearchIn=Title,Title1&IsRec=1&pv=0)).

2. Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã trao đổi với Bộ Nội vụ về sự thiếu thống nhất tại 02 Nghị định do Chính phủ ban hành. Hiện nay, Bộ Nội vụ đã tổng hợp, nghiên cứu, tham mưu trình Chính phủ sửa đổi các quy định nêu trên để đảm bảo đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Đồng thời, Bộ Tư pháp cũng sẽ có văn bản kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử lý nôi dung mâu thuẫn tại 02 Thông tư nêu trên.

Ngoài ra, đề nghị địa phương căn cứ khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) để áp dụng pháp luật trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề.

**III. CỤC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP vì quy định trên có sự mâu thuẫn, chồng chéo thẩm quyền, cùng là Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật quy định giao 02 thẩm quyền ban hành (Uỷ ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh) - (UBND tỉnh An Giang).*

**Trả lời:**

Qua rà soát Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (Nghị định số 59/2012/NĐ-CP) và Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số [59/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx) và Nghị định số [32/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-32-2020-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-436251.aspx) ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [59/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx" \t "_blank) (Thông tư số 04/2021/TT-BTP), Bộ Tư pháp nhận thấy:

(i) Khoản 1 Điều 11a Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương mình.*

(ii) Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định: *Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân.*

(iii) Điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP quy định: *Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Uỷ ban nhân dân các cấp ban hành*.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương, trong quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp sẽ tham mưu cấp có thẩm quyền quy định rõ ràng, cụ thể hơn để bảo đảm cách hiểu và thực hiện pháp luật một cách thống nhất.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm thực hiện công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tư pháp đối với đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ về nâng cao điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (chỉ số B1) – (UBND**các tỉnh An Giang, Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Tây Ninh. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu xây dựng tài liệu tập huấn liên quan đến chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, phổ biến kinh nghiệm cho các địa phương thực hiện công tác này được thuận lợi hơn.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp đánh giá toàn diện các quy định của pháp luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, tiến tới tham mưu, đề xuất ban hành Luật Tổ chức thi hành pháp luật; quy định đầy đủ, rõ ràng các tiêu chí đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước, làm cơ sở phục vụ nhiệm vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Đồng thời, Bộ Tư pháp cung cấp một số thông tin cụ thể liên quan đến kiến nghị nêu trên như sau:

Ngày 12/5/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Trong đó, Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “*Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2025 - 2030*”. Theo đó, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, triển khai nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện thể chế về công tác tổ chức thi hành pháp luật nói chung, công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật nói riêng. Bên cạnh đó, hiện nay, Bộ Tư pháp đang tập trung nguồn lực xây dựng, hoàn thiện dự thảo Thông tư quy định chi tiết việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật. Thông tư được ban hành sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương thực hiện xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp cần phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kịp thời sửa đổi, bổ sung những điểm bất cập, hạn chế để đảm bảo tính thống nhất, khả thi khi áp dụng thực hiện (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và sẽ phối hợp với các Bộ, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan để tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp cần tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng, nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác này (UBND các tỉnh Bình Định, Phú Thọ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công thương).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của các cơ quan. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng, nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính, theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác này tại các Bộ, ngành, địa phương.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành Thông tư xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật theo hướng đưa ra các khung tiêu chí đánh giá, nhất là việc đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật (UBND tỉnh Hà Nam).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tập trung nguồn lực xây dựng, hoàn thiện dự thảo Thông tư quy định chi tiết việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật. Dự kiến ban hành trong tháng 12/2023. Thông tư được ban hành sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương thực hiện xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

**7.** *Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành Quy trình tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về tình hình thi hành pháp luật (UBND tỉnh Hà Nam).*

**Trả lời:**

Nhằm tăng cường năng lực phản ứng chính sách trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật, theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn năm 2018 - 2022, Bộ Tư pháp được giao chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nghiên cứu Quy trình tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình hình thi hành pháp luật một cách thống nhất, có hệ thống, rõ ràng và minh bạch. Theo đó, trong năm 2019, Bộ Tư pháp có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về tình hình thi hành pháp luật. Bộ Tư pháp đã dự kiến và triển khai các hoạt động cần thiết để xây dựng Quy trình nêu trên trong kế hoạch công tác năm 2019 và đã triển khai nhiều hoạt động[[4]](#footnote-4).

Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các thành viên Tổ soạn thảo, chuyên gia, nhà khoa học, Bộ Tư pháp nhận thấy việc xây dựng dự thảo Quyết định còn có một số vướng mắc liên quan đến phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân nên việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại thời điểm nêu trên là không phù hợp. Bộ Tư pháp đã gửi văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin rút việc xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về tình hình thi hành pháp luật, đưa ra khỏi Chương trình xây dựng văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2019[[5]](#footnote-5). Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ hoàn thiện thể chế về việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về tình hình thi hành pháp luật.

**8.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu Chính phủ xây dựng Cơ sở Dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính để giúp cho việc theo dõi, đánh giá đảm bảo tính chính xác, góp phần quản lý tốt công tác xử lý vi phạm hành chính tại các địa phương và cả nước (UBND**các tỉnh Bình Phước, Lâm Đồng, Bộ Công thương, Bộ Quốc phòng).*

**Trả lời:**

Thực hiện nhiệm vụ được giao, ngày 03/6/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 957/QĐ-BTP phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Cơ sở Dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính - Giai đoạn 1. Ngày 29/9/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1476/QĐ-BTP về việc giao Chủ đầu tư Dự án và chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 các Dự án khởi công mới, theo đó, Bộ Tư pháp đã giao tổng mức đầu tư Dự án và nhiệm vụ Chủ đầu tư Dự án cho một đơn vị thuộc Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Do các bước chuẩn bị đầu tư Dự án theo quy định của pháp luật về Dự án đầu tư công ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện tuần tự, nhiều bước, thời gian thực hiện tương đối dài, vì vậy, để khẩn trương đẩy nhanh tiến độ Dự án Cơ sở Dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính - Giai đoạn 1, Bộ Tư pháp đã chủ trương thành lập Tổ công tác liên Vụ để thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư Dự án theo quy định của pháp luật về Dự án đầu tư công ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước*.* Theo đó, hiện nay, Dự án Cơ sở Dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính - Giai đoạn 1 đang trong quá trình triển khai chuẩn bị đầu tư Dự án theo quy định của pháp luật về Dự án đầu tư công ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

**9.** *Về thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển hồ sơ:**Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định về thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính; điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định “Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản”. Vậy trường hợp vi phạm về thời hạn nêu trên thì có được tiếp tục thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính hay không? Nếu đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì Quyết định này được xử lý như thế nào? Trường hợp không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì có được ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hay không? Trên thực tế nếu không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì hành vi vi phạm vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng đến việc quản lý nhà nước ở địa phương. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, đồng thời có điều khoản chuyển tiếp trong dự thảo để xử lý những trường hợp còn tồn tại ở địa phương (UBND tỉnh Hậu Giang).*

**Trả lời:**

Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính đã quy định rõ trách nhiệm, thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính, thời hạn chuyển biên bản vi phạm hành chính, đồng thời quy định việc xử phạt vi phạm hành chính không kịp thời, không đúng thủ tục là một trong những hành vi bị nghiêm cấm. Vì vậy, về nguyên tắc, biên bản vi phạm hành chính lập/chuyển không đúng thời hạn là đã vi phạm về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính nên biên bản vi phạm hành chính đó không thể làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, người đã ban hành quyết định tự mình hoặc theo yêu cầu của những người quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính phải ban hành quyết định hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định nếu vi phạm quy định về thủ tục ban hành quyết định.

Do đó, nếu đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính dựa trên biên bản vi phạm hành chính đã có vi phạm quy định về thời hạn chuyển biên bản, thì quyết định này phải bị huỷ bỏ theo quy định đã nêu.

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định trên hiện nay còn một số vướng mắc, Bộ Tư pháp xin ghi nhận và sẽ tiếp tục tổng hợp, nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

**10.** *Về xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính:**Tại điểm b khoản 4 điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt”. Trường hợp hành vi vi phạm có hình thức mức phạt tiền, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả (trong đó có một trong những biện pháp khắc hậu quả đối với hành vi đó là vượt quá thẩm quyền). Vậy trường hợp trong quyết định xử phạt không có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (vượt thẩm quyền) thì có được xem là vượt quá thẩm quyền xử phạt hay không? Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể để địa phương thực hiện thống nhất, đúng quy định (UBND tỉnh Hậu Giang).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020), trường hợp vụ việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc *“nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt”.*

Căn cứ quy định pháp luật nêu trên, đối chiếu với tình huống nêu trong câu hỏi có thể thấy rằng, việc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của một chức danh phải căn cứ vào hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định áp dụng đối với hành vi vi phạm cụ thể. Trường hợp hành vi vi phạm có quy định phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và biện pháp khắc phục hậu quả này vượt quá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền đang thụ lý giải quyết vụ việc, có thể trong thực tế không thể áp dụng được biện pháp khắc phục hậu quả đã được quy định áp dụng đối với hành vi vi phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý giải quyết vụ việc cũng không được xử phạt đối với hành vi vi phạm, mà phải chuyển hồ sơ vụ việc đến người có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm.

Như vậy, đối với trường hợp nêu trong tình huống, người có thẩm quyền đang thụ lý giải quyết vụ việc đã ra quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm có quy định phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, mà biện pháp khắc phục hậu quả này vượt quá thẩm quyền xử phạt của người đó, mặc dù trong thực tế không thể áp dụng được biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn bị xem là vượt quá thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật.

**IV. CỤC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn trong việc tạo cơ chế mở, cho phép ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện được hỗ trợ kinh phí đảm bảo cho việc chi trả chế độ cho hòa giải viên, tổ hòa giải đối với các địa phương có khó khăn về nguồn thu, ngân sách không đảm bảo (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, vấn đề Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trong phạm vi quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp các kiến nghị của bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, xử lý theo thẩm quyền.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp cần tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn cụ thể về việc triển khai thực hiện các Đề án mới trong công tác PBGDPL (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp luôn chú trọng quan tâm hướng dẫn việc triển khai các Đề án mới trong công tác PBGDPL. Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành các Đề án mới trong công tác PBGDPL[[6]](#footnote-6), Bộ Tư pháp đã kịp thời tham mưu Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các Đề án mới[[7]](#footnote-7) cũng như Kế hoạch triển khai Đề án hàng năm[[8]](#footnote-8); tham mưu tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc để quán triệt việc thực hiện Đề án tại các Bộ, ngành, địa phương.

Thực hiện trách nhiệm được giao, Bộ cũng đã phối hợp với một số Bộ, ngành, các chuyên gia để xây dựng, đăng tải Tài liệu hướng dẫn kỹ năng truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL lên Trang Thông tin điện tử PBGDPL của Bộ Tư pháp để Bộ, ngành, địa phương khai thác, sử dụng; tổ chức các hội nghị tập huấn Tài liệu cho báo cáo viên pháp luật Trung ương và báo cáo viên pháp luật các tỉnh, đại diện Lãnh đạo Sở Tư pháp và Phòng PBGDPL tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bộ đã cử báo cáo viên pháp luật tham gia nhiều hội nghị tập huấn triển khai các nội dung của các Đề án cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật trung ương, báo cáo viên pháp luật tại một số bộ, ngành, địa phương. Trong quá trình triển khai các Đề án, Bộ Tư pháp đã tăng cường tổ chức các đoàn kiểm tra, nắm bắt tình hình, nhất là những khó khăn, vướng mắc của Bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai Đề án để có sự chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời.

Trong thời gian tới, Bộ xác định sẽ tiếp tục phát huy vai trò chủ trì tham mưu triển khai thực hiện Đề án. Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong các Đề án; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để Bộ Tư pháp phối hợp tháo gỡ kịp thời.

**3.***Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng Quy chế phối hợp cụ thể về công tác hòa giải ở cơ sở để các ngành, địa phương có căn cứ triển khai thực hiện thống nhất và đồng bộ (UBND TP. Đà Nẵng).*

**Trả lời:**

Trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác hòa giải ở cơ sở được quy định tại Điều 30 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và khoản 4 Điều 17 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015[[9]](#footnote-9).

Để chi tiết, cụ thể hơn vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc trong công tác hòa giải ở cơ sở, Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ký ban hành Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTƯMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở. Nghị quyết quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan tư pháp các cấp trong công tác hòa giải ở cơ sở. Vì vậy, việc ban hành Chương trình phối hợp mới giữa Bộ Tư pháp và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về tăng cường công tác hòa giải cơ sở là chưa cần thiết.

Trên cơ sở quy định tại Nghị quyết liên tịch số nêu trên, UBND các tỉnh, thành phố chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

**4.** *Kiến nghị sửa đổi Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012: Sửa đổi khoản 1 Điều 35 Luật PBGDPL theo hướng mở rộng đối tượng báo cáo viên là đội ngũ luật gia, luật sư, người công tác lâu năm trong lĩnh vực pháp luật theo chuyên ngành đã nghỉ hưu và quy định việc đào tạo, cấp chứng chỉ của cơ quan có thẩm quyền thống nhất trên phạm vi toàn quốc đối với đội ngũ này nhằm phát huy đội ngũ này thực sự trên thực tiễn (UBND TP. Hà Nội).*

**Trả lời:**

Trên cơ sở báo cáo tổng kết của Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp đã tổng hợp, tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Báo cáo tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (Báo cáo số 45/BC-BTP ngày 15/02/2023). Báo cáo đã tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Luật trong thời gian qua, phản ánh cụ thể các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trong đó có những vấn đề về quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. Báo cáo cũng thống nhất chưa đề xuất sửa đổi Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật do các vướng mắc phát sinh chủ yếu do khâu tổ chức thực hiện Luật. Ngày 13/3/2023, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 1588/VPCP-PL truyền đạt ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang cơ bản đồng ý với kiến nghị của Bộ Tư pháp tại Báo cáo tổng kết Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật nêu trên.

Vì vậy, trong thời gian tới Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổng hợp, nghiên cứu ý kiến của Bộ, ngành, địa phương, trong đó có ý kiến của Thành phố Hà Nội và tham mưu đề xuất sửa đổi Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật tại thời điểm phù hợp.

**5.** *Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ sửa đổi Luật Hòa giải ở cơ sở:*

*Sửa đổi khoản 1 điều 12 của Luật Hòa giải ở cơ sở “Tổ hòa giải có tổ trưởng và các hòa giải viên. Mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ...”. Nên bỏ quy định “trong đó có hòa giải viên là nữ” vì quy định như vậy sẽ gây khó khăn trong công tác kiện toàn tổ hòa giải ở cơ sở.*

*Sửa đổi quy định về phạm vi hòa giải ở cơ sở theo hướng không quy định về việc hòa giải đối với hành vi vi phạm pháp luật hình sự và hành vi vi phạm pháp luật hành chính mà chỉ nên quy định hòa giải đối với mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ các hành vi quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP*

*Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP cho phù hợp với Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.*

*Sửa đổi quy định thanh toán hỗ trợ tại khoản 1 Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP cho phù hợp với việc thanh toán thực tế trong công tác hòa giải (UBND TP. Hà Nội).*

**Trả lời:**

Ngày 10/4/2023, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 527/QĐ-BTP về Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổng hợp thông tin, số liệu xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật.

5.1. Đối với đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 12 Luật Hòa giải ở cơ sở về việc bỏ quy định trong Tổ hòa giải phải “có hòa giải viên là nữ”: Đề xuất này không phù hợp với yêu cần thực hiện bình đẳng giới. Hơn nữa, theo phản ánh của hòa giải viên, phần lớn các mâu thuẫn, tranh chấp do các hòa giải viên ở cơ sở tiếp nhận hòa giải chủ yếu thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình; bên cạnh đó, trong trường hợp các tranh chấp, mẫu thuẫn trong các vụ việc hòa giải ở cơ sở có phụ nữ thì việc trong tổ hòa giải có hòa giải viên nữ để có sự đồng cảm, chia sẻ, tìm hiểu về các tình tiết, nguyên nhân xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn từ đó thực hiện hòa giải “thấu tình đạt lý” là rất cần thiết.

5.2. Đối với đề xuất sửa đổi quy định về phạm vi hòa giải ở cơ sở theo hướng không quy định về việc hòa giải đối với hành vi vi phạm pháp luật hình sự và hành vi vi phạm pháp luật hành chính mà chỉ nên quy định hòa giải đối với mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ các hành vi quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.

Đối với đề xuất nêu trên, hiện nay Nghị định số 15/2014/NĐ-CP đã quy định theo hướng như vậy, theo đó:

(i) Phạm vi hòa giải ở cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 là “Vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật những việc vi phạm đó chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính”.

(ii) Tại khoản 1 Điều 5 đã quy định “Hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật sau đây…” trong đó có điểm đ, e khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

Tuy nhiên, tại điểm đ, e khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP có quy định hòa giải đối với trường hợp vi phạm pháp luật hình sự nhưng không bị khởi tố vụ án, người bị hại không yêu cầu khởi tố hoặc vụ án bị đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án... Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp ý kiến đề nghị bổ sung hòa giải đối với mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ các hành vi vi phạm pháp luật này khi tham mưu Chính phủ tổng kết việc thực hiện Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, trên cơ sở đó sẽ nghiên cứu đề xuất Chính phủ cho sửa đổi, bổ sung Nghị định, nếu thấy cần thiết.

5.3. Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP cho phù hợp với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định về phạm vi hòa giải ở cơ sở (những trường hợp được hòa giải ở cơ sở). Còn Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục tố tụng trong giải quyết vụ án hình sự. Quá trình theo dõi, quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở của Bộ Tư pháp chưa phát hiện bất cập, mâu thuẫn giữa Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

5.4. Đối với đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP:

- Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định điều kiện được hưởng thù lao vụ, việc của hòa giải viên là vụ, việc được tiến hành hòa giải và đã kết thúc. Vừa qua Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở. Theo đó, hòa giải viên chỉ được hưởng thù lao hòa giải sau khi đã tiến hành hòa giải và việc hòa giải đã kết thúc (đối với cả 02 trường hợp hòa giải thành và không thành). Quy định này hoàn toàn phù hợp với thực tế khách quan.

- Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định hồ sơ đề nghị thanh toán thù lao cho hòa giải viên gồm những giấy tờ cơ bản sau: (1) Giấy đề nghị thanh toán; (2) Xuất trình Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định và trả thù lao cho hòa giải viên thông qua Tổ hòa giải. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao, Tổ hòa giải thực hiện trả thù lao cho hòa giải viên.

Tuy nhiên, qua theo dõi, nắm bắt, kiểm tra của Bộ Tư pháp cho thấy, trên thực tế, để được thanh toán các khoản hỗ trợ cho hòa giải viên ở cơ sở, bộ phận kế toán tại một số địa phương thường yêu cầu các giấy tờ khác không được quy định tại Điều 15 (như Biên bản hòa giải thành, Quyết định công nhận hòa giải viên…). Điều này gây khó khăn, cản trở hòa giải viên thực hiện quyền đã được quy định tại Luật Hòa giải ở cơ sở. Do đó, đề nghị các địa phương thực hiện theo đúng quy định tại Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp: Xem xét, phối hợp với các cơ quan có liên quan miễn giảm hoặc không thu phí thực hiện thủ tục đề nghị tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở để khuyến khích người dân thực hiện thủ tục này tại Tòa án; ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về trình tự tổ chức tiến hành hòa giải của hòa giải viên, giá trị pháp lý của biên bản hòa giải thành quy định tiêu chí đánh giá công tác hòa giải ở cơ sở; nghiên cứu quy định về việc hình thành tổ hòa giải theo số lượng dân cư, địa bàn, việc lựa chọn hòa giải viên theo hướng chỉ định trong một số trường hợp không nhất thiết phải thực hiện qua cơ chế bầu; xây dựng tiêu chí đánh giá công tác hòa giải ở cơ sở đối với cấp xã, huyện, tỉnh và tiêu chí đánh giá hòa giải viên để thống nhất trên phạm vi toàn quốc (UBND TP. Hà Nội).*

**Trả lời:**

*6.1.* *Xem xét, phối hợp với các cơ quan có liên quan miễn giảm hoặc không thu phí thực hiện thủ tục đề nghị tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở để khuyến khích người dẫn thực hiện thủ tục này tại Tòa án*:

Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án là một trong những yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo đó, người nộp đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở phải nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mức lệ phí là 300.000 đồng quy định tại Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hànhkèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14*.*

Căn cứ các quy định trên, đối tượng được miễn, giảm lệ phí thực hiện thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 (Điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14).

Về đề xuất nêu trên, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tổng hợp kiến nghị này và sẽ gửi đến cơ quan có thẩm quyền khi tổng kết việc thực hiện Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14.

*6.2.* *Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về trình tự tổ chức tiến hành hòa giải của hòa giải viên, giá trị pháp lý của biên bản hòa giải thành*.

- Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật. Do tính chất hòa giải ở cơ sở đề cao quyền tự quyết, tự định đoạt của các bên tranh chấp; việc hòa giải phụ thuộc vào đối tượng, tính chất vụ việc, điều kiện, hoàn cảnh, mối quan hệ của các bên tranh chấp mà hòa giải viên lựa chọn cách thức hòa giải phù hợp nhất mang lại kết quả cao nhất. Vì vậy, pháp luật về hòa giải ở cơ sở không quy định về trình tự, thủ tục hòa giải để tránh sự “tố tụng hóa” hoạt động hòa giải ở cơ sở, ảnh hưởng đến quyền tự quyết, tự định đoạt của các bên.

Tuy nhiên, để giúp hòa giải viên ở cơ sở nắm được những việc cần làm khi tiến hành hòa giải, Bộ Tư pháp đã hướng dẫn các bước tiến hành hòa giải trong Bộ tài liệu Bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên ban hành tại Quyết định số 1753/QĐ-BTP ngày 22/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (Phần II Tài liệu 3) và Tài liệu Bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở (dành cho đội ngũ hòa giải viên) ban hành tại Quyết định số 1852/QĐ-BTP ngày 01/9/2020 của Bộ Tư pháp. Quy trình tiến hành một cuộc hòa giải ở cơ sở đã được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp tai địa chỉ <http://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/Hoa-Giai-Co-So.aspx?ItemID=93>. Đây là các Tài liệu để hòa giải viên tham khảo, hình dung cần chuẩn bị những vấn đề gì khi tiến hành hòa giải. Việc hòa giải cụ thể phụ thuộc vào các tình tiết tranh chấp, mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể mỗi vụ, việc và kinh nghiệp, kỹ năng, phương pháp của hòa giải viên ở cơ sở.

**-** Điều 24, 25 Luật Hòa giải ở cơ sở quy định về hòa giải thành, văn bản hòa giải thành và việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành. Hoạt động hòa giải ở cơ sở đề cao nguyên tắc quyền tự định đoạt, đề cao uy tín của các bên tranh chấp, các bên tự thỏa thuận với nhau về giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp và có trách nhiệm thực hiện thỏa thuận, kết quả giải quyết tranh chấp đó.

Bên cạnh đó, để nâng cao giá trị pháp lý của biên bản hòa giải thành, Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng dân sự đã quy định thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án. Theo đó, các bên sau khi hòa giải thành có quyền yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành. Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở của Tòa án có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và được thi hành theo pháp luật về Thi hành án dân sự. Ngày 05/5/2017, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1503/BTP-PBGDPL hướng dẫn thực hiện thủ tục yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở. Theo báo cáo của các địa phương về tổng kết thực hiện Chương trình phối hợp số 162/CTPH-TANDTC-BTP ngày 08/4/2019 giữa Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao, cho thấy sau khi hòa giải thành phần lớn các bên tự nguyện thi hành thỏa thuận hòa giải thành và ít có nhu cầu đề nghị Tòa án công nhận.

Các hướng dẫn về quy trình tiến hành một cuộc hòa giải ở cơ sở đã được Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể; giá trị pháp lý của Biên bản hòa giải thành đã được Luật Hòa giải ở cơ sở và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định rõ ràng và đã có hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

*6.3. Nghiên cứu quy định về việc hình thành tổ hòa giải theo số lượng dân cư, địa bàn, việc lựa chọn hòa giải viên theo hướng chỉ định trong một số trường hợp không nhất thiết phải thực hiện qua cơ chế bầu*

+ Khoản 1 Điều 12 Luật Hòa giải ở cơ ở quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng tổ hòa giải, hòa giải viên trong một tổ hòa giải căn cứ vào đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, dân số của địa phương.

+ Một trong những tiêu chuẩn của hòa giải viên ở cơ sở là “có uy tín trong cộng đồng dân cư” (khoản 1 Điều 7 Luật Hòa giải ở cơ sở), thực tế cho thấy hòa giải viên ở cơ sở tiến hành hòa giải dựa trên uy tín, sự gương mẫu của cá nhân, gia đình hòa giải viên.

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và đề xuất nêu trên Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp, xem xét, nghiên cứu đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, nếu thấy cần thiết.

*6.4. Xây dựng tiêu chí đánh giá công tác hòa giải ở cơ sở đối với cấp xã, huyện, tỉnh và tiêu chí đánh giá hòa giải viên để thống nhất trên phạm vi toàn quốc*

Khoản 5 Điều 2 Luật Hòa giải ở cơ sở quy định: “*Tổ hòa giải* là tổ chức tự quản của nhân dân được thành lập ở cơ sở để hoạt động hòa giải theo quy định của Luật này”. Một trong những nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở là “Tôn trọng sự tự nguyện của các bên; không bắt buộc, áp đặt các bên trong hòa giải ở cơ sở” (khoản 1 Điều 4 Luật Hòa giải ở cơ sở). Hòa giải viên tham gia công tác hòa giải hoàn toàn tự nguyện, vì cộng đồng (hòa giải viên không phải là cán bộ, công chức nhà nước), trong trường hợp hòa giải viên vi phạm nghĩa vụ, vi phạm nguyên tắc hòa giải hoặc không đủ điều kiện làm hòa giải viên theo quy định tại Điều 7 của Luật Hòa giải ở cơ sơ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cho thôi làm hòa giải viên.

Do đó, việc đo lường chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở trước hết là thực hiện tốt Luật Hòa giải ở cơ sở, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 07/02/20214 và các văn bản liên quan.

**7.** *Đề nghị Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương và Bộ Tư pháp tham mưu, đề xuất với Chính phủ đưa công tác PBGDPL là Chương trình mục tiêu quốc gia, có chiến lược, chương trình, kế hoạch thống nhất từ Trung ương đến địa phương cho công tác này (UBND TP. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 03 chương trình mục tiêu quốc gia:  Xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xóa đói giảm nghèo bền vững, trong đó có nhiệm vụ, nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật[[10]](#footnote-10).

Trong thời gian tới, trên cơ sở tổng kết các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (Xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xóa đói, giảm nghèo bền vững), trong đó có nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu tính khả thi, từ đó, tham mưu, đề xuất các cấp có thẩm quyền ban hành văn bản chỉ đạo, định hướng, triển khai công tác này một cách phù hợp.

**8.** *Đề nghị Bộ Tư pháp - cơ quan Thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương tăng cường hỗ trợ công tác PBGDPL, hòa giải cơ sở cho địa phương thông qua tập huấn nghiệp vụ theo hình thức Hội nghị trực tuyến để tiết kiệm thời gian, kinh phí đi lại, đồng thời, giúp cán bộ cơ sở củng cố nghiệp vụ (UBND TP. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật quy định cụ thể trách nhiệm PBGDPL của các cơ quan, tổ chức, trong đó, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm “tập huấn, bồi dưỡng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật”. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho địa phương, hàng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL cho các báo cáo viên pháp luật Trung ương (02 lớp/năm); tổ chức các Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật cho báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh trong khuôn khổ Chương trình, Đề án về PBGDPL tại 03 khu vực Bắc, Trung, Nam góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ này.

Để nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức thực hiện công tác PBGDPL, năm 2023, Bộ Tư pháp đã tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ năng truyền thông chính sách cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật Trung ương và 02 lớp tập huấn kỹ năng truyền thông chính sách cho lãnh đạo Sở Tư pháp, báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện PBGDPL (Khu vực phía Bắc tại tỉnh Phú Thọ; Khu vực phía Nam tại thành phố Cần Thơ). Đồng thời, cử báo cáo viên pháp luật Trung ương của Bộ tham gia hỗ trợ địa phương tập huấn kỹ năng truyền thông cho đội ngũ thực hiện PBGDPL trên địa bàn.

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp cũng đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong PBGDPL, đặc biệt là các Hội nghị trực tuyến để đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay. Vì vậy, tiếp thu ý kiến của địa phương, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng để tăng cường tổ chức các Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng về các kỹ năng, nghiệp vụ nêu trên bằng hình thức trực tuyến.

**9.** *Đề nghị Bộ Tư pháp kịp thời ban hành Đề cương tuyên truyền các văn bản pháp luật mới ngay sau khi văn bản được Quốc hội thông qua để địa phương kịp thời nắm bắt, triển khai thực hiện (UBND TP. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Hàng năm, thực hiện trách nhiệm được giao theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, để bảo đảm quyền được thông tin về pháp luật của công dân, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL, ngay sau khi kết thúc các kỳ họp Quốc hội, Bộ Tư pháp đã kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai các Luật, Nghị quyết được thông qua tại các kỳ họp.

Đồng thời, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành, địa phương đã kịp thời triển khai phổ biến các văn bản này dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú như sau:

- Thực hiện cập nhật, đăng tải công khai toàn văn nội dung văn bản Luật, Pháp lệnh trên Công báo, Cơ sở Dữ liệu quốc gia văn bản pháp luật, Cổng Thông tin điện tử của Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan báo chí, truyền thông và các hình thức thích hợp khác để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân dễ dàng tiếp cận, khai thác và sử dụng khi có nhu cầu.

- Các Bộ, ngành chủ trì soạn thảo Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết phối hợp với Bộ Tư pháp kịp thời biên soạn các tài liệu giới thiệu Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết để đăng tải trên Trang Thông tin điện tử PBGDPL thuộc Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp, đa dạng hóa các hình thức, cách thức triển khai, phổ biến các Luật, Pháp lệnh mới trong đó có kịp thời xây dựng, đăng tải Đề cương giới thiệu văn bản pháp luật mới.

**10.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí cho người dân tham dự các buổi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhằm tạo động lực cho người dân hăng hái tham dự, góp phần nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (UBND tỉnh Kiên Giang).*

**Trả lời:**

Ngày 18/8/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở và có hiệu lực kể từ ngày 06/10/2023.

Thông tư số 56/2023/TT-BTC đã quy định cụ thể nội dung và mức chi cho việc tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng PBGDPL, nhất là cho người dân tại cơ sở. Theo đó, Thông tư quy định cụ thể như sau “Nội dung và mức chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với học viên là đại biểu ở cấp xã thực hiện theo mức chi hỗ trợ đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị”. Như vậy, căn cứ theo quy định trên, người dân tham dự các buổi tuyên truyền, PBGDPL thuộc đối tượng trên (là đại biểu ở cấp xã, là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp) sẽ được hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại.

Bộ Tư pháp đề nghị địa phương nghiên cứu, quán triệt và áp dụng thực hiện cụ thể các quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC; tích cực, chủ động tham mưu, đề xuất, tranh thủ tối đa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể tại địa phương, đặc biệt là sự quan tâm của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc ban hành văn bản, chính sách để giải quyết các vấn đề của địa phương trong đó có bảo đảm nguồn lực để triển khai công tác PBGDPL cho người dân tại cơ sở để có thể áp dụng các quy định về kinh phí một cách phù hợp, khả thi.

**11.** *Để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương tiếp tục tham mưu, tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong năm 2024 và những năm tiếp theo, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, điều chỉnh nội dung "Chủ trì tham mưu tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật" cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, đặc biệt là đối với địa phương còn nhiều khó khăn như tỉnh Kon Tum; hoặc có hướng dẫn cụ thể đối với nội dung này để đảm bảo có sự chỉ đạo thống nhất chung trong tổ chức thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao và đạt điểm tối đa trong công tác thi đua (UBND tỉnh Kon Tum).*

**Trả lời:**

Nhằm đẩy mạnhcác hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời nhằm đa dạng hóa các hình thức PBGDPL nên tại Bảng Tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2023 có quy định tiêu chí *“Chủ trì tham mưu tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật”.* Tuy nhiên, qua theo dõi kết quả chấm điểm năm 2023, có nhiều địa phương chưa thực hiện được tiêu chí này. Do đó, trong năm 2024 và những năm tiếp theo Bộ Tư pháp sẽ rà soát các tiêu chí bảo đảm tính khả thi, phù hợp với nguồn lực của địa phương và có hướng dẫn cụ thể để có sự thống nhất chung trong tổ chức thực hiện.

**12.** *Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan: Nghiên cứu xây dựng Hệ thống Phần mềm điện tử đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc (UBND tỉnh Lào Cai).*

**Trả lời:**

Ngày 21/3/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 425/QĐ-BTP ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023, trong đó giao Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật nghiên cứu, khảo sát đề xuất xây dựng Phần mềm phục vụ quản lý, chấm điểm, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, năm 2023, Cục đã triển khai việc khảo sát để phục vụ đề xuất xây dựng Phần mềm và đưa nhiệm vụ xây dựng, vận hành Phần mềm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật năm 2024. Dự kiến Phần mềm đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia.

**13.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương để nhân rộng các mô hình tuyên truyền pháp luật hiệu quả như mô hình câu lạc bộ pháp luật (UBND tỉnh nghệ An).*

**Trả lời:**

Thời gian qua, trên cơ sở tổng kết các Chương trình, Đề án về PBGDPL và tổng kết công tác hàng năm của Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương, nhất là tổng kết thi hành Luật PBGDPL, Bộ Tư pháp đã giới thiệu các mô hình PBGDPL hay, hiệu quả, trong đó có mô hình Câu lạc bộ pháp luật, để các Bộ, ngành, địa phương tham khảo. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng đã phối hợp với Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) xây dựng Tài liệu hướng dẫn áp dụng khung mô hình PBGDPL ở cấp cơ sở. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang triển khai tập huấn Tài liệu này tại một số địa phương, trên cơ sở kết quả tập huấn, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục hoàn thiện Tài liệu và nhân rộng để các địa phương tham khảo, chủ động phát hiện, lựa chọn những cách làm hay, mô hình PBGDPL hiệu quả phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và đối tượng cụ thể ở từng địa phương.

**14.** *Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm hỗ trợ về công tác tập huấn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

*-* Hàng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL cho các báo cáo viên pháp luật Trung ương, báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh (tối thiểu 03 hội nghị/ năm[[11]](#footnote-11)). Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho công chức Sở Tư pháp tại 03 khu vực: Bắc, Trung, Nam.

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, từ năm 2021 đến năm 2023, Bộ Tư pháp đã tổ chức 12 Hội nghị hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương cho Lãnh đạo Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp các tỉnh (Hà Giang, Gia Lai, Đồng Nai, Hà Tĩnh, Nam Định, Sóc Trăng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Hòa Bình, Sơn La, Bắc Kạn, Trà Vinh). Hàng năm, Bộ Tư pháp đã lựa chọn những địa phương có tỷ lệ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thấp để tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn về nghiệp vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hoặc theo đề nghị của địa phương có nhu cầu tập huấn nghiệp vụ về công tác chuẩn tiếp cận pháp luật.

Thực hiện Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 - 2022”, giai đoạn 2021 - 2023, Bộ Tư pháp đã tổ chức 10 hội nghị hướng dẫn nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho tập huấn viên cấp tỉnh và hòa giải viên tại các địa phương: Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Ninh Bình, Đồng Nai, Tuyên Quang, Nghệ An, Bắc Kạn, Lào Cai. Tại những địa phương làm điểm, Bộ Tư pháp trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức một số lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho hòa giải viên ở cơ sở.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp xây dựng và đăng tải nhiều bài giảng điện tử về tập huấn nghiệp vụ PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Trang Thông tin điện tử PBGDPL thuộc Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp để các địa phương khai thác, sử dụng.

**15.** *Về sửa đổi nội dung 2 của chỉ tiêu 2, tiêu chí 3 quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số 09/2021/TT-BTP của Bộ Tư pháp.*

*Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi nội dung 2 của chỉ tiêu 2, tiêu chí 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTP như sau: Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đảm bảo nhu cầu hoạt động được 1,5 điểm (UBND tỉnh Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Để bảm bảo nhu cầu hoạt động của Tổ hòa giải, tại điểm đ khoản 17 Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (thay thế Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP) quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng. Căn cứ vào mức chi nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức chi cụ thể để thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Do đó, tại nội dung 2 của chỉ tiêu 2, tiêu chí 3 Phụ lục 1 Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định: *“Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”* nhằm bảo đảm tính định lượng của nội dung chỉ tiêu, tạo thuận lợi cho trong việc đánh giá, kiểm chứng.

**16.** *Về sử dụng kết quả đánh giá đạt chuẩn tiêu chí tiếp cận pháp luật để xét đạt chuẩn đô thị văn minh.*

*Đề nghị quy định rõ trong trường hợp tổ chức xét, công nhận địa phương đạt chuẩn đô thị văn minh được tổ chức trước thời điểm đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì sử dụng kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm trước liền kề năm đánh giá hoặc sử dụng kết quả của năm đánh giá nhưng phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật có liên quan (UBND tỉnh Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Việc hướng dẫn sử dụng kết quả của các chỉ tiêu, tiêu chí thành phần nói chung và kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nói riêng trong xét, công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, thuộc trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trên cơ sở phản ánh của địa phương, Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật đã tổ chức buổi làm việc với Cục Văn hóa cơ sở - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (ngày 20/4/2023), đồng thời có Công văn đề nghị Cục Văn hóa cơ sở tham mưu Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản hướng dẫn địa phương về nội dung này (Công văn số 317/PBGDPL-TCHG ngày 13/7/2023). Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Câu 17.** *Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành văn bản hướng dẫn việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do cấp tỉnh ban hành để địa phương có căn cứ triển khai thực hiện (UBND tỉnh Yên Bái).*

**Trả lời:**

Điểm c Mục 3 Phần IV của Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” ban hành tại Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 977) giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ xây dựng, ban hành Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương cấp tỉnh ban hành. Đây là nhiệm vụ mới được xác định tại Đề án 977. Triển khai nhiệm vụ nêu trên, ngày 30/5/2023, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2149/BTP-PBGDPL về việc đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, trong đó Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, phân công các cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu việc ban hành Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương cấp tỉnh ban hành. Do đó, để bảo đảm chủ động cho các địa phương trong triển khai nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần căn cứ điều kiện thực tiễn để chỉ đạo, phân công các cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu việc ban hành Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương cấp tỉnh ban hành, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin pháp luật do chính quyền địa phương cấp tỉnh ban hành được kịp thời, đầy đủ, chính xác; đồng thời, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ truyền thông chính sách, pháp luật của địa phương.

**V. TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

*Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét cấp kinh phí để các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương ký hợp đồng dịch vụ với Thừa phát lại để tống đạt các văn bản, thông báo và xác minh điều kiện thi hành án (UBND tỉnh Kiên Giang).*

**Trả lời:**

Ngày 26/11/2015, Quốc hội khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 107/2015/QH13 về thực hiện chế định Thừa phát lại, theo đó, chấm dứt việc thí điểm và cho thực hiện chế định Thừa phát lại trong phạm vi cả nước kể từ ngày 01/01/2016. Hiện nay, Bộ Tài chính chưa cấp riêng kinh phí cho nhiệm vụ chi đối với hoạt động liên quan đến Thừa phát lại của Hệ thống Thi hành án dân sự. Vì vậy, trên cơ sở kinh phí chi thường xuyên hằng năm, các cơ quan Thi hành án dân sự nói chung trong đó có cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang chủ động cân đối kinh phí được giao, ký hợp đồng với Văn phòng Thừa phát lại thực hiện các nội dung về tống đạt các văn bản, thông báo và xác minh điều kiện thi hành án theo quy định.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương, trong thời gian tới Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục chỉ đạo Tổng cục Thi hành án dân sự nghiên cứu đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí cho hoạt động chuyên môn Thi hành án dân sự.

**VI. CỤC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung quy định về đăng ký hộ tịch cho người không có giấy tờ tùy thân (không phải là người di cư tự do từ Campuchia) - (UBND tỉnh An Giang).*

**Trả lời:**

Pháp luật Hộ tịch đã quy định cụ thể thẩm quyền, đối tượng, thủ tục đăng ký hộ tịch. Đối với các trường hợp không có giấy tờ tùy thân, địa phương chủ động kiểm tra, xác minh, đề xuất hướng xử lý. Nếu có vướng mắc đối với tình huống cụ thể, đề nghị trao đổi để Bộ Tư pháp kịp thời hướng dẫn.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp đơn giản hóa các bước thao tác cũng như giảm bớt các trường thông tin cần phải nhập trên Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến nói chung để người sử dụng, đặc biệt là người dân thực hiện dễ dàng hơn (UBND tỉnh An Giang).*

**Trả lời:**

Thông tư số 15/2015/TT-BTP đã được thay thế bằng Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Thông tư số 04/2020/TT-BTP đã ban hành 19 biểu mẫu Tờ khai đăng ký hộ tịch (dùng cho đăng ký hộ tịch theo hình thức trực tiếp), đồng thời, cũng có những quy định mới tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong khi thực hiện thủ tục hành chính như: cho phép cam đoan về tình trạng hôn nhân, không cần xuất trình giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người được ủy quyền (trong trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền).

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến và Thông tư số 03/2023/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số [87/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/quyen-dan-su/nghi-dinh-87-2020-nd-cp-quy-dinh-co-so-du-lieu-ho-tich-dien-tu-dang-ky-ho-tich-truc-tuyen-449041.aspx) ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến, trong đó có quy định về các Mẫu hộ tịch điện tử tương tác tích hợp, phục vụ đăng ký hộ tịch trực tuyến. Trường hợp công dân lựa chọn nộp hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến, sử dụng Mẫu điện tử tương tác thì các thông tin cá nhân trong giấy tờ chứng minh về nhân thân, giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã có trong Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử sẽ được Hệ thống điền tự động vào các trường thông tin tương ứng trong mẫu. Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, cải tiến tốt hơn theo hướng đề nghị của địa phương.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam tại Sở Tư pháp đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, về thăm thân nhân, du lịch, và lưu trú trong khoảng thời gian ngắn ở Việt Nam (UBND tỉnh An Giang).*

**Trả lời:**

Theo quy định của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Quốc tịch năm 2020 thì “Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, nơi người đó cư trú”. Vì vậy, để xác định thẩm quyền thụ lý hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp căn cứ quy định tại Điều 11 của Luật Cư trú năm 2020 (áp dụng đối với công dân Việt Nam cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) “1. Nơi cư trú của công dân bao gồm nơi thường trú, nơi tạm trú; 2. Trường hợp không xác định được nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi cư trú của công dân là nơi ở hiện tại được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này”. Do vậy, đối với những trường hợp là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, về thăm thân nhân, du lịch và lưu trú trong khoảng thời gian ngắn ở Việt Nam như Sở Tư pháp phản ánh sẽ không có thông tin về cư trú trong Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định thẩm quyền giải quyết việc xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị ngành Tòa án cung cấp thông tin điện tử liên quan đến nhân thân của công dân (như thông tin bản án/quyết định ly hôn, tuyên bố mất tích, tuyên bố đã chết, hoặc mất năng lực hành vi dân sự,...) để phục vụ công tác tư pháp địa phương (nhất là công tác hộ tịch, công chứng) - (UBND tỉnh Đồng Nai).*

**Trả lời:**

Hiện nay, khoản 1 Điều 30 Luật Hộ tịch đã quy định cụ thể trách nhiệm của Tòa án. Theo đó, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật liên quan đến thay đổi hộ tịch của cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật này, Tòa án nhân dân có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục bản án, bản sao quyết định đến Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký hộ tịch của cá nhân để ghi vào Sổ hộ tịch; trường hợp nơi đăng ký hộ tịch là Cơ quan đại diện thì thông báo cho Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch.

Hình thức thông báo cho cơ quan đăng ký hộ tịch hiện đang được Tòa án thực hiện bằng việc gửi văn bản. Ghi nhận kiến nghị của địa phương, thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ trao đổi để Tòa án nhân dân tối cao bổ sung hình thức gửi văn bản điện tử đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật liên quan đến thay đổi hộ tịch của cá nhân.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, thực hiện tích hợp Phần mềm chứng thực với Phần mềm Dịch vụ công trực tuyến để giảm bớt thời gian giải quyết thủ tục hành chính (UBND tỉnh Điện Biên).*

**Trả lời:**

- Việc đặt ra yêu cầu xây dựng Phần mềm trong hoạt động chứng thực chủ yếu là chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất. Theo quy định của pháp luật chứng thực, thẩm quyền thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất được thực hiện theo địa hạt (thuộc về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà, đất), do đó đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên chủ động chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý hoạt động chứng thực phù hợp với điều kiện địa phương và thực hiện tích hợp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (do không có Phần mềm Dịch vụ công trực tuyến).

- Đối với Phần mềm chứng thực bản sao điện tử từ bản chính: ngày 08/8/2023, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 6053/VPCP-KSTT gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Theo đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, cán bộ, công chức trong quá trình thực hiện thì các địa phương đã sẵn sàng hạ tầng kỹ thuật để cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính thì chuyển việc thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh và tích hợp kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; các địa phương còn lại tiếp tục nâng cấp hệ thống để đáp ứng việc thực hiện dịch vụ công này.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (UBND TP. Hồ Chí Minh).*

**Trả lời:**

Nhằm thực thi các phương án đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính theo tinh thần của Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tư pháp; Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, hiện nay, Bộ Tư pháp đang thực hiện xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, dự kiến sẽ trình Chính phủ ban hành trong năm 2024.

**7.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, sớm nghiên cứu triển khai Phần mềm quản lý hoạt động chứng thực để áp dụng thống nhất giữa các cơ quan thực hiện chứng thực (UBND TP. Hồ Chí Minh).*

**Trả lời:**

Việc đặt ra yêu cầu xây dựng phần mềm trong hoạt động chứng thực chủ yếu là chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất. Theo quy định của pháp luật chứng thực, thẩm quyền thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất được thực hiện theo địa hạt (thuộc về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà, đất), do đó không nên đặt vấn đề xây dựng phần mềm quản lý chứng thực để kết nối, chia sẻ thông tin chứng thực giữa các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương mà nên xây dựng phần mềm trên phạm vi của từng địa phương. Đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chủ động chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý hoạt động chứng thực phù hợp với điều kiện Thành phố, kết nối với các cơ quan, tổ chức có liên quan như các tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan về tài nguyên và môi trường, tài chính, thi hành án...

**8.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền chấn chỉnh việc cơ quan, tổ chức tự đặt yêu cầu nộp bản sao có chứng thực khi thực hiện thủ tục hành chính, việc tự đặt thời hạn có giá trị của bản sao có chứng thực, giấy tờ yêu cầu chứng thực chữ ký (UBND TP. Hồ Chí Minh).*

**Trả lời:**

Điều 3 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; chữ ký được chứng thực có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dụng giấy tờ, văn bản.

Điều 6 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã có quy định về việc cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận bản sao và đối chiếu với bản chính khi thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính.

Ngoài ra, ngay từ năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính. Chỉ thị này được xây dựng trên cơ sở quán triệt việc triển khai thực hiện Điều 6 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP. Tuy Nghị định số 79/2007/NĐ-CP đã được thay thế bởi Nghị định số 23/2015/NĐ-CP nhưng tinh thần của Điều 6 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP và Điều 6 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP là như nhau. Hiện nay, văn bản này vẫn đang được quán triệt thực hiện.

Như vậy, văn bản quy phạm pháp luật đã có các quy định về giá trị pháp lý của bản sao được chứng thực từ bản chính, chữ ký được chứng thực và quy định nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực. Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản chỉ đạo nhằm chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực. Tuy nhiên, các cơ quan thực hiện thủ tục hành chính chưa thực hiện nghiêm các quy định này. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 43 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biện pháp chấn chỉnh tình hình lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động có văn bản chỉ đạo, quán triệt các Sở, ban, ngành, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố triển khai thực hiện việc không yêu cầu nộp bản sao có chứng thực khi thực hiện giải quyết hồ sơ có liên quan, cũng như việc tự đặt thời hạn có giá trị của bản sao có chứng thực, giấy tờ yêu cầu chứng thực chữ ký. Trường hợp cơ quan thuộc bộ, ngành có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính không thực hiện đúng quy định nêu trên, đề nghị phản ánh thông tin cụ thể tới bộ, ngành và Bộ Tư pháp để phối hợp khắc phục.

**9.** *Trường hợp trẻ đã có hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tại nước ngoài cấp thể hiện trẻ có quốc tịch nước ngoài. Tuy nhiên, cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài lại cấp Giấy khai sinh (giấy trích lục ghi vào sổ việc khai sinh) và hộ chiếu Việt Nam, theo các giấy tờ thể hiện trẻ có song song hai quốc tịch. Vấn đề này, đề xuất Bộ Tư pháp phối hợp với các đơn vị liên quan và có văn bản hướng dẫn nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện xác định quốc tịch đối với những trường hợp nêu trên (UBND tỉnh Hậu Giang).*

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 48 Luật Hộ tịch quy định: “Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài”.

Điều 14 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BNG-BTP ngày 30/6/2016 của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài quy định: “Cơ quan đại diện phụ trách khu vực lãnh sự nơi cha, mẹ của trẻ cư trú hoặc nơi trẻ em được sinh ra thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh của trẻ em là công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài theo quy định tại Điều 49 của Luật Hộ tịch”.

Bên cạnh đó, khoản 4 Điều 5 Luật Hộ tịch quy định: “Mỗi sự kiện hộ tịch chỉ được đăng ký tại một cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền theo quy định của Luật này”. Do đó, đối với những trường hợp Cơ quan đại diện đã thực hiện thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh của công dân đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì Ủy ban nhân dân cấp huyện không thực hiện việc ghi chú.

**10.** *Tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì các loại giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam không có Căn cước công dân, do đó kiến nghị xem xét bổ sung Điều 11 Luật này một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh người có quốc tịch Việt Nam “Căn cước công dân”. Tuy nhiên, theo Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 08/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực quốc tịch về thành phần hồ sơ chứng minh quốc tịch Việt Nam gồm: “Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu và các giấy tờ có giá trị thay thế”. Do quy định nội dung này giữa luật và các văn bản triển khai thực hiện chưa thống nhất với nhau. Đề nghị Bộ Tư pháp tổng hợp trình Chính phủ trình Quốc hội khi sửa đổi, bổ sung Luật Quốc tịch tại Điều 11 về thành phần giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam bổ sung, sửa đổi: “Bản sao giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, hộ chiếu và các giấy tờ có giá trị thay thế” (UBND tỉnh Hậu Giang).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Quốc tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong năm 2022, Bộ Tư pháp đã có văn bản đề nghị các Bộ, ngành liên quan (trong đó có Bộ Ngoại giao) và các địa phương báo cáo kết quả triển khai thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sau đây gọi là Luật Quốc tịch) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ngày 30/12/2022, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (Báo cáo số 358/BC-BTP), trong đó có kết quả nghiên cứu, rà soát Luật Quốc tịch. Theo đó, pháp luật về quốc tịch đến nay đã thể chế hóa các định hướng, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phù hợp với Hiến pháp 2013, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Vì vậy, pháp luật về quốc tịch cho đến nay cơ bản bảo đảm quyền có quốc tịch Việt Nam/giữ quốc tịch Việt Nam cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tạo cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả quản lý cũng như giải quyết các việc về quốc tịch. Do đó, trước mắt chưa cần thiết sửa đổi Luật Quốc tịch Việt Nam.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”. Do đó, Căn cước công dân được coi là giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (thay thế cho Chứng minh nhân dân).

**11.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sửa Luật Hộ tịch theo hướng đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, lữu trữ, khai thác, sử dụng và bãi bỏ các quy định mang tính thủ công như ghi và lưu trữ sổ hộ tịch, ký sổ hộ tịch... (UBND các tỉnh Đồng Nai, Quảng Trị).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp cho trích xuất dữ liệu đăng ký hộ tịch từ Phần mềm dùng chung để in và lưu thay Sổ hộ tịch nhằm giảm tải cho công chức hộ tịch phải ghi sổ cũng như đảm bảo tính chính xác, thống nhất giữa dữ liệu hộ tịch điện tử và dữ liệu hộ tịch lưu trên sổ giấy (UBND tỉnh An Giang).*

**Trả lời:**

Đối với 02 kiến nghị này, theo quy định của pháp luật hộ tịch: Sổ hộ tịch là sổ giấy được lập và lưu giữ tại cơ quan đăng ký hộ tịch để xác nhận hoặc ghi các sự kiện hộ tịch quy định, là căn cứ pháp lý để lập, cập nhật, điều chỉnh thông tin hộ tịch của cá nhân trong Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử; sổ hộ tịch được lưu giữ vĩnh viễn theo quy định của pháp luật. Do đó, hầu hết các việc hộ tịch, người có yêu cầu phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để ký vào Sổ hộ tịch và nhận kết quả (khai sinh, kết hôn; giám hộ; thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch; khai tử). Vì vậy, việc lưu trữ sổ hộ tịch là bắt buộc, trách nhiệm của công chức làm công tác hộ tịch phải ghi đầy đủ, chính xác thông tin đăng ký hộ tịch của công dân vào sổ hộ tịch. Việc bãi bỏ quy định ký sổ khi nhận kết quả đăng ký hộ tịch đối với một số loại việc đăng ký hộ tịch, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp luật trong thời gian tới.

**12.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có sự trao đổi, đề xuất với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao Lào hoặc kiến nghị với Chính phủ có sự trao đổi, đề xuất với Chính phủ Lào có chính sách tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Lào để kết hôn với công dân Việt Nam nhằm hạn chế tình trạng kết hôn không giá thú (quy định cho trưởng bản, xã cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân mà không cần phải có sự xác nhận của Bộ Tư pháp và Cục Lãnh sự Lào) - (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì, công dân Lào (cư trú ở xã biên giới tiếp giáp với Việt Nam) kết hôn với công dân Việt Nam ở khu vực xã biên giới phải nộp giấy tờ do cơ quan của nước láng giềng cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ xác nhận công dân nước láng giềng hiện tại là người không có vợ hoặc không có chồng. Việc cấp giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của công dân Lào được thực hiện theo quy định của pháp luật Lào. Ghi nhận kiến nghị của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp, tiếp tục trao đổi, đề nghị phía bạn Lào nghiên cứu, có giải pháp tháo gỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân 02 nước khi đăng ký kết hôn.

**13.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn thống nhất việc chứng thực giấy tờ mua bán xe theo hình thức chữ ký hay hợp đồng giao dịch, đồng thời rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định này vào văn bản quy phạm pháp luật (UBND tỉnh Sóc Trăng).*

**Trả lời:**

Hiện tại, việc chứng thực giấy tờ mua bán xe vẫn được thực hiện theo 01 trong 02 hình thức (chứng thực chữ ký hoặc chứng thực hợp đồng, giao dịch). Tuy nhiên, sau khi Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư số 24/2023/TT-BCA ngày 01/7/2023 quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới (thay thế Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020), Bộ Tư pháp có nhận được phản án vướng mắc liên quan đến vấn đề này do khoản 2 Điều 11 Thông tư số 24/2023/TT-BCA không quy định rõ về hình thức giấy bán, tặng cho xe. Để có cơ sở hướng dẫn thống nhất trên toàn quốc, Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch chứng thực) đang trao đổi với Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông) về vấn đề này. Sau khi có ý kiến của Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông), Bộ Tư pháp sẽ chỉ đạo Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực có văn bản tiếp tục hướng dẫn địa phương.

**14.** *Đề nghị Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn đối với các vướng mắc về thành viên hộ gia đình trong chứng thực các hợp đồng, giao dịch có liên quan đến quyền sử dụng đất nhằm sửa đổi, bổ sung các quy định này vào văn bản quy phạm pháp luật (UBND tỉnh Sóc Trăng).*

**Trả lời:**

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nêu rõ vướng mắc cụ thể thành viên hộ. Trường hợp vướng mắc liên quan đến xác định thành viên hộ gia đình tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa phương, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, trao đổi với Sở Tư pháp để tháo gỡ vướng mắc và có hướng dẫn thực hiện.

**15.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có giải pháp hướng dẫn việc số hoá đối với trường hợp Sổ Đăng ký khai sinh không còn lưu trữ nhưng vẫn còn bản chính Giấy khai sinh vào Hệ thống Cơ sở Dữ liệu dùng chung của Bộ Tư pháp để có thể cấp bản sao cho công dân (UBND tỉnh Sóc Trăng).*

**Trả lời:**

Việc số hóa sổ hộ tịch theo quy định tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến thì chỉ được thực hiện đối với các sổ hộ tịch đang được lưu trữ tại cơ quan đăng ký hộ tịch. Do đó, trường hợp người dân còn bản chính giấy tờ hộ tịch nhưng không còn sổ thì không thực hiện số hóa giấy tờ hộ tịch.

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 2 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/20215 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định: “Cấp bản sao từ sổ gốc là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao. Bản sao từ sổ gốc có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc”.

Như vậy, trường hợp người dân có yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh mà Sổ đăng ký khai sinh không còn lưu trữ nhưng vẫn còn bản chính Giấy khai sinh, thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết và hướng dẫn công dân làm thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/20215.

**16.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể các trường hợp đăng ký khai tử cho những người chết đã lâu; các trường hợp người dân Việt Nam di cư sang Camphuchia sinh sống và chết tại Campuchia; các vấn đề đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại Campuchia và theo cha, mẹ về Việt Nam nhưng cha, mẹ là người không quốc tịch hoặc không có giấy tờ gì để xác định nhân thân… (UBND tỉnh Tây Ninh).*

**Trả lời:**

- Về nguyên tắc, khoản 1 Điều 13 Thông tư số 04/2020/TT-BTP đã quy định cụ thể việc đăng ký khai tử cho người chết đã lâu không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử, do đó đề nghị Sở Tư pháp chủ động hướng dẫn cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện đúng theo quy định nêu trên.

Đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, người yêu cầu đăng ký khai tử phải cung cấp được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết (ví dụ: hồ sơ, lý lịch cá nhân đi học, đi làm do cơ quan, đơn vị nơi học tập, công tác quản lý, xác nhận, Biên bản xác minh tai nạn, Giấy chứng nhận mai táng, Hợp đồng hỏa táng, văn bản xác nhận của chính quyền, công an địa phương ....), các giấy tờ, tài liệu này cần được cơ quan đăng ký hộ tịch phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, xác minh chặt chẽ, bảo đảm thông tin đúng sự thật.

Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai tử chỉ cung cấp được các giấy tờ như: gia phả dòng họ, giấy tờ tùy thân của người chết (nếu có); ảnh bia, mộ người chết; văn bản xác nhận của người làm chứng về các thông tin liên quan đến người chết, sự kiện chết; nếu các thông tin này được cơ quan đăng ký hộ tịch kiểm tra, xác minh, khẳng định được tính xác thực, có lập Biên bản xác minh thì có thể vận dụng coi là căn cứ để thực hiện việc đăng ký khai tử.

Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai tử không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu nêu trên thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền từ chối giải quyết việc đăng ký khai tử.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 02/2016/TTLT-BNGBTP ngày 30/6/2016 thì Cơ quan đại diện ở khu vực lãnh sự nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử cho công dân Việt Nam chết ở nước ngoài. Do đó, đề nghị địa phương kiểm tra, xác minh thông tin và thực hiện theo quy định.

Trường hợp, đương sự thuộc diện người di cư tự do từ Campuchia về theo Tiểu Đề án 2, việc giải quyết thủ tục đăng ký hộ tịch được thực hiện đối với trường hợp người di cư tự do theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

- Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại Campuchia và theo cha, mẹ về Việt Nam nhưng cha, mẹ là người không quốc tịch hoặc không có giấy tờ gì để xác định nhân nhân.

Để bảo đảm quyền được đăng ký khai sinh của trẻ, UBND cấp xã nơi trẻ cư trú phối hợp với cơ quan công an xác minh, làm rõ thông tin về việc nhập cảnh của trẻ và cha, mẹ (nhập cảnh với ai, giấy tờ sử dụng để nhập cảnh, thời gian nhập cảnh...), việc cư trú thực tế của trẻ.

Nếu kết quả xác minh cho thấy trẻ em nhập cảnh về Việt Nam không qua các cửa khẩu biên giới, không sử dụng giấy tờ hợp lệ để nhập cảnh, không có giấy tờ gì do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp hợp lệ ghi thông tin về nhân thân thì UBND cấp xã nơi trẻ cư trú yêu cầu cha/mẹ có văn bản cam đoan: (i) Về việc cha/mẹ của trẻ là công dân nước ngoài, (ii) Việc trẻ chưa được đăng ký khai sinh, xác định quốc tịch tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền Việt Nam. Sau đó, thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ theo diện trẻ chưa xác định được cha/mẹ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015, phần khai về người cha/mẹ và quốc tịch của trẻ tạm thời để trống, ngày tháng năm sinh, nơi sinh của trẻ được xác định theo thông tin trong Giấy chứng sinh do cơ quan có thẩm quyền của Campuchia cấp (trường hợp không có Giấy chứng sinh thì ghi văn bản cam đoan của cha/mẹ), phần ghi chú trong Sổ đăng ký khai sinh và mặt sau Giấy khai sinh ghi “trẻ sinh ở nước ngoài, chưa có cơ sở xác định cha/mẹ, quốc tịch”.

**17.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Tổng Cục thuế chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan tại địa phương tích hợp dữ liệu chứng thực với dữ liệu đăng ký đất đai, dữ liệu thuế, đảm bảo chia sẻ và kết nối thông tin chứng thực với các ngành, lĩnh vực khác nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC liên quan đến đất đai (UBND TP. Cần Thơ).*

**Trả lời:**

Theo quy định của pháp luật chứng thực, thẩm quyền thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất được thực hiện theo địa hạt (thuộc về UBND cấp xã nơi có nhà, đất), do đó không đặt vấn đề chia sẻ thông tin chứng thực giữa các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương mà chỉ đặt ra yêu cầu chia sẻ thông tin chứng thực trên phạm vi của từng địa phương. Vì vậy, để tích hợp dữ liệu chứng thực với dữ liệu đăng ký đất đai, dữ liệu thuế, đảm bảo chia sẻ và kết nối thông tin chứng thực với các ngành, lĩnh vực khác, đề nghị UBND thành phố Cần Thơ chủ động chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý hoạt động chứng thực phù hợp với điều kiện của địa phương, kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ quan, tổ chức có liên quan như các tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan về tài nguyên và môi trường, tài chính, thi hành án...

**18.** *Đề nghị phân quyền cho Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp chức năng thống kê số liệu thực hiện liên thông 2 nhóm TTHC để phục vụ báo cáo thống kê. Bổ sung nơi cấp căn cước công dân mặc định trên hệ thống liên thông 02 nhóm TTHC (UBND các tỉnh An Giang, Bình Thuận).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung chức năng trên Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch để có thể thống kê được số lượng hồ sơ liên thông đối với 02 nhóm TTHC thiết yếu tại Đề án 06. Sớm khắc phục tình trạng chậm đồng bộ hồ sơ giữa Phần mềm dịch vụ công liên thông và Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch điện tử dùng chung (UBND tỉnh Quảng Nam, Yên Bái; Đ/c Nguyễn Văn Sơn, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang tại Hội nghị triển khai công tác tư pháp năm 2024).*

**Trả lời:**

Việc tiếp nhận, nộp hồ sơ liên thông 02 nhóm TTHC liên quan đến đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử được thực hiện trên Phần mềm dịch vụ công liên thông, Phần mềm đăng ký hộ tịch chỉ tiếp nhận, xử lý hồ sơ thuộc lĩnh vực hộ tịch do Phần mềm Dịch vụ công liên thông chuyển sang. Do đó, chức năng thống kê hồ sơ liên thông phải được thực hiện tại Phần mềm dịch vụ công liên thông. Về vấn đề này, Bộ Tư pháp đã có văn bản đề nghị Văn phòng Chính phủ tham mưu Chính phủ chỉ đạo cơ quan chủ trì xây dựng Phần mềm Dịch vụ công liên thông thực hiện chỉnh sửa, bổ sung chức năng này.

**19.** *Đề nghị Bộ Tư pháp đẩy nhanh việc nâng cấp Hệ thống Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch để địa phương kịp thời giải quyết các hồ sơ có liên quan đến công tác hộ tịch cho người dân, cũng như việc kiểm tra các sự kiện hộ tịch để xây dựng hoàn thiện Cơ sở dữ liệu hộ tịch được đầy đủ, chính xác và chỉnh sửa Hệ thống Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch để việc thống kê số liệu đăng ký hộ tịch được chính xác hơn (UBND các tỉnh An Giang, Bình Thuận, Lào Cai, Nghệ An, Quảng Trị, Thái Nguyên, Vĩnh Long; Đ/c Ngô Minh Châu, Phó Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh; Đ/c Lê Văn Toàn, Giám đốc STP tỉnh Bình Định; Đ/c Trương Thị Chang, công chức Tư pháp - Hộ tịch phường Sông Cầu tỉnh Bắc Kạn tại Hội nghị triển khai công tác tư pháp năm 2024).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, khắc phục tình trạng chậm liên thông dữ liệu (giữa Phần mềm liên thông của Bộ Công an và Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp), khắc phục tình trạng lỗi, không đăng nhập được vào Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch, khắc phục tình trạng chậm cấp số định danh, để kịp thời xử lý hồ sơ; bổ sung chức năng nhắn tin thông báo có hồ sơ đăng ký liên thông để công chức biết, thực hiện kiểm tra, tiếp nhận, xử lý hồ sơ kịp thời (UBND các tỉnh Bến Tre, Ninh Thuận).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo các đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra, rà soát, nâng cấp Hệ thống thông tin quản lý và đăng ký hộ tịch dùng chung, phục vụ việc liên thông điện tử 02 nhóm TTHC; đồng thời tăng cường phối hợp, hỗ trợ địa phương xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (UBND TP. Đà Nẵng).*

**Trả lời:**

Từ cuối tháng 9/2023, Bộ Tư pháp đã bổ sung, tích hợp Hạ tầng mới vào Trung tâm Dữ liệu điện tử của Bộ, tối ưu hoá một số chức năng của Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử, tăng cường các biện pháp giám sát hệ thống để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Đồng thời, Bộ Tư pháp đã, đang triển khai Dự án "Đầu tư Hạ tầng Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp", Dự án “Xây dựng Cơ sở Dữ liệu hộ tịch” nhằm nâng cấp Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch. Thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục ưu tiên bố trí hạ tầng kỹ thuật để tối ưu hoá Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung, đảm bảo hiệu quả trong việc thực hiện 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông; tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ vướng mắc về kỹ thuật thông qua các Nhóm tương tác với địa phương. Hiện tại, tình trạng lỗi như trên không thường xuyên, số lượng hồ sơ liên thông TTHC vẫn được giải quyết thông suốt[[12]](#footnote-12).

Thời gian đầu triển khai, mặc dù đã được tập huấn nhưng do công chức chưa thao tác đúng hướng dẫn nên xảy ra tình trạng bị mất quyền xử lý hồ sơ của tài khoản lãnh đạo và văn thư cấp xã. Để kịp thời hỗ trợ địa phương, Bộ Tư pháp đã lập Nhóm tương tác, có cán bộ kỹ thuật trực tiếp hỗ trợ, giải quyết vướng mắc từng trường hợp cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện, nên hiện tại tình trạng trên đã được khắc phục. Tuy nhiên, cũng cần đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của địa phương chủ động phối hợp tập huấn, hướng dẫn để công chức có kỹ năng sử dụng Phần mềm ký số thành thục hơn, xử lý được các lỗi cơ bản.

**20.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có chủ trương và hướng dẫn cơ quan đăng ký hộ tịch của Việt Nam ở nước ngoài cập nhật dữ liệu vào Hệ thống hộ tịch điện tử dùng chung và phân hệ khai sinh để quản lý, nhất là hồ sơ cải chính, thay đổi, bổ sung, nhận cha mẹ con, nuôi con nuôi, giám hộ..... (UBND tỉnh An Giang).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, trong quá trình triển khai Dự án “Xây dựng Cơ sở Dữ liệu hộ tịch”, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Ngoại giao nghiên cứu phương thức kết nối, cập nhật giữa Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp với Phần mềm đăng ký hộ tịch của cơ quan đại diện.

**21.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp với Bộ Công an trong việc cấp số định danh cá nhân, đặc biệt là đối với các trường hợp đã được số hóa Dữ liệu hộ tịch và các trường hợp thực hiện cải chính, thay đổi bổ sung thông tin hộ tịch trên Hệ thống Đăng ký quản lý hộ tịch, lưu thông tin lịch sử cư trú của công dân để biết được toàn bộ quá trình cư trú của người đó, nhằm giúp cho cơ quan đăng ký hộ tịch kịp thời giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến công tác hộ tịch tại địa phương (UBND các tỉnh Bình Thuận, Lai Châu, Nghệ An, Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, Lai Châu, Nghệ An, Quảng Trị, hiện nay, Cơ sở Dữ liệu hộ tịch và Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư đã được kết nối, chia sẻ, theo đó: Cơ sở Dữ liệu hộ tịch cung cấp thông tin khai sinh cho Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư cung cấp số định danh cho Cơ sở Dữ liệu hộ tịch. Bên cạnh đó, các đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp và Bộ Công an đã hoàn thành thử nghiệm dịch vụ khai thác thông tin công dân trong Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở số định danh cá nhân/CCCD/Số CMND của công dân; trao đổi, nghiên cứu thử nghiệm dịch vụ đồng bộ thông tin giữa 02 Cơ sở Dữ liệu và dự kiến sẽ cập nhật các chức năng khai thác trên Hệ thống chính thức để kiểm thử và đưa vào khai thác trong thời gian tới.

**22.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có biện pháp chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Ngành mình tăng cường phối hợp với địa phương để hướng dẫn người dân nộp hồ sơ liên thông điện tử 02 nhóm TTHC, giảm tải áp lực cho công chức Tư pháp - Hộ tịch (UBND TP. Đà Nẵng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, thời gian tới Bộ Tư pháp sẽ đề xuất các Bộ, ngành chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện nộp hồ sơ liên thông thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng.

**23.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn việc số hóa Dữ liệu hộ tịch lịch sử giai đoạn 3-4-5 (từ 2006 trở về trước) để địa phương có cơ sở tiếp tục triển khai thực hiện (UBND tỉnh Đồng Nai).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện việc số hóa Dữ liệu hộ tịch lịch sử giai đoạn 3-4-5 (từ 2006 trở về trước), đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổng hợp các khó khăn, vướng mắc cụ thể gửi Bộ Tư pháp để có cơ sở chỉ đạo các đơn vị chuyên môn kịp thời hướng dẫn địa phương.

**24.** *Đề nghị phân quyền để các địa phương có thể cấp trích lục hộ tịch của tất cả các công dân theo yêu cầu mà không phụ thuộc vào địa giới hành chính (do cơ sử dữ liệu đã thống nhất toàn quốc) - (UBND tỉnh Đồng Nai).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, nội dung này đã được Bộ Tư pháp khảo sát và đưa vào Dự án “Xây dựng Cơ sở Dữ liệu hộ tịch” nhằm nâng cấp Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch.

**25.** *Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực xử lý các vấn đề về kỹ thuật để triển khai Giải pháp 2: Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dung chung của Bộ Tư pháp kết nối, khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về Giấy chứng sinh, Giấy báo tử của Bộ Y tế (UBND TP. Hà Nội).*

**Trả lời:**

Hiện tại, Đề án “Thí điểm liên thông dữ liệu cấp Giấy chứng sinh, Giấy báo tử, nguyên nhân tử vong để thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử trên môi trường điện tử” (ban hành kèm theo Quyết định số 1404/QĐ-BTP ngày 25/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp) đang được triển khai thí điểm tại 04 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Nghệ An. Các vướng mắc kỹ thuật trong quá trình thực hiện, đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố tập hợp và trao đổi kịp thời để Bộ Tư pháp chỉ đạo các đơn vị liên quan khắc phục.

**26.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Công an: Hủy số định danh cá nhân đối với những trường hợp đã được Bộ Tư pháp phê duyệt trên Phần mềm khai sinh điện tử; tiếp nhận và xử lý đối với những trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền thực hiện thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch hoặc chỉnh sửa do phát hiện sai sót trong quá trình nhập liệu nhằm đảm bảo dữ liệu được thống nhất giữa 02 Cơ sở Dữ liệu (UBND tỉnh Quảng Nam).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Cục Công nghệ thông tin (Bộ Tư pháp) đang phối hợp với C06 (Bộ Công an) thực hiện phê duyệt hủy số định danh cá nhân theo thống nhất giữa các đơn vị tại Quy chế số 656/QCPH-HTQTCT-CNTT-C06. Đề nghị Ủy ban nhân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp hướng dẫn cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện đúng hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực tại Công văn số 960/HTQTCT-HT ngày 19/7/2023 và Công văn số 614/CNTT-CĐS ngày 12/9/2023.

Việc điều chỉnh thông tin trong Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử do thông tin của cá nhân trong Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử có sai lệch với hồ sơ đăng ký hộ tịch đã được quy định cụ thể tại Điều 12 Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022, đề nghị cơ quan đăng ký hộ tịch nghiên cứu, thực hiện.

Hiện tại, các đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp, Bộ Công an đã trao đổi, nghiên cứu thử nghiệm dịch vụ đồng bộ thông tin giữa 02 Cơ sở Dữ liệu và dự kiến sẽ cập nhật các chức năng khai thác trên Hệ thống chính thức để kiểm thử và đưa vào khai thác trong thời gian tới.

**27.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến đề xuất với Bộ Y tế chỉ đạo đẩy mạnh việc cấp Giấy chứng sinh, Giấy báo tử điện tử trên toàn quốc, sớm chia sẽ Dữ liệu với Phần mềm Dịch vụ công liên thông nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện 02 nhóm TTHC liên thông điện tử theo Đề án 06 (UBND tỉnh Quảng Nam).*

**Trả lời:**

Hiện tại, Đề án “Thí điểm liên thông dữ liệu cấp Giấy chứng sinh, Giấy báo tử, nguyên nhân tử vong để thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử trên môi trường điện tử” (ban hành kèm theo Quyết định số 1404/QĐ-BTP ngày 25/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp) đang được triển khai thí điểm tại 04 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Nghệ An. Trên cơ sở kết quả thí điểm, việc liên thông dữ liệu cấp Giấy chứng sinh, Giấy báo tử để thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử sẽ được triển khai trên phạm vi toàn quốc.

**28.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, ban hành văn bản hướng dẫn trong việc giải quyết tình hình đăng ký hộ tịch, quốc tịch cho nhóm dân cư yếu thế trên địa bàn tỉnh Lai Châu (UBND tỉnh Lai Châu).*

**Trả lời:**

Liên quan đến việc giải quyết vấn đề quốc tịch, hộ tịch của một số hộ dân ở tỉnh Lai Châu, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đã có Công văn số 11/HTQTCT-QT-m ngày 08/6/2023; Công văn số 20/HTQTCT-QT-m ngày 07/8/2023 gửi Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu. Đồng thời, Bộ Tư pháp cũng đã có Công văn số 279/BTP-HTQTCT-m gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

**29.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn việc chuyển dữ liệu đã được nhập vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch để địa phương có căn cứ triển khai đầy đủ các nội dung số hoá Sổ hộ tịch theo quy định tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP. Tiếp tục nâng cấp, triển khai có hiệu quả các thủ tục hành chính liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Đề án 06 (UBND tỉnh Thái Nguyên).*

**Trả lời:**

Hiện tại, Phần mềm số hóa sổ hộ tịch đang hỗ trợ thực hiện số hóa các loại Dữ liệu hộ tịch và cập nhật từng sổ hộ tịch vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (theo hướng dẫn tại Công văn số 1437/BTP-CNTT ngày 25/4/2019 của Bộ Tư pháp). Do đó, Dữ liệu được nhập trên nền Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư mà C06 bàn giao chưa thể cập nhật vào Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử.

Bên cạnh đó, Dữ liệu đã nhập từ sổ hộ tịch trên nền Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư mà C06 bàn giao cho địa phương chưa phù hợp với cấu trúc các trường dữ liệu mà Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Cục Công nghệ thông tin (Bộ Tư pháp) đã thống nhất với C06. Hiện nay, C06 đang chỉnh lý cho phù hợp. Sau khi chỉnh lý xong, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Cục Công nghệ thông tin (Bộ Tư pháp) hướng dẫn địa phương tiếp tục thực hiện số hóa và cập nhật dữ liệu vào Cơ sở Dữ liệu hộ tịch điện tử.

**30.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hoàn thiện các chức năng của Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch đảm bảo đáp ứng yêu cầu cung cấp, giải quyết các dịch vụ công trực tuyến theo quy định; cung cấp chức năng xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến trên phần mềm Quản lý hộ tịch điện tử (UBND tỉnh Tuyên Quang; Đ/C Nguyễn Văn Sơn, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang tại Hội nghị triển khai công tác tư pháp năm 2024).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang triển khai Dự án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch” nhằm nâng cấp Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch. Sau khi Dự án hoàn thành, Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sẽ đáp ứng yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến, trong đó có chức năng xác định tình trạng hôn nhân chủ động trên Phần mềm.

Đối với Quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến theo Quyết định số 309/QĐ-BTP ngày 10/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, các đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp đang thực hiện chỉnh lý kỹ thuật Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung, dự kiến thời gian tới sẽ đưa vào thực hiện thí điểm.

**VII. VỤ CON NUÔI**

*Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành* *(UBND tỉnh Quảng Trị)*.

**Trả lời:**

Đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị không nêu rõ cần sửa đổi, bổ sung nội dung gì. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp thấy rằng việc sửa đổi, bổ sung Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành là cần thiết trong bối cảnh nhiều văn bản chỉ đạo, văn bản QPPL được ban hành mới như Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 13, Hiến pháp, Bộ Luật dân sự, Luật Hộ tịch, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Trẻ em…; Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình công tác xã hội giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ về đơn giản hoá thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Trên cơ sở đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, Nghị định số 24/2019/NĐ-CP. Riêng đối với việc sửa đổi, bổ sung Luật Nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung theo lộ trình phù hợp với Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh.

**VIII. TRUNG TÂM LÝ LỊCH TƯ PHÁP QUỐC GIA**

**1.***Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành Tờ khai LLTP điện tử và Phiếu LLTP điện tử bằng văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo phù hợp với chủ trương về số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC về Phiếu LLTP (UBND tỉnh An Giang).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ LLTP và Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP, hệ thống biểu mẫu LLTP (bao gồm cả Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu LLTP và Phiếu LLTP) được sử dụng và lưu trữ dưới dạng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử. Hệ thống biểu mẫu dưới dạng dữ liệu điện tử có giá trị sử dụng như hệ thống biểu mẫu bằng văn bản giấy.

Thực hiện Quyết định số 06/2022/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, Bộ Tư pháp đang tổ chức xây dựng Thông tư sửa đổi Thông tư số 13/2011/TT-BTP và Thông tư số 16/2013/TT-BTP nêu trên, trong đó dự kiến sửa đổi, bổ sung biểu mẫu Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu LLTP cũng như mẫu Phiếu LLTP điện tử để đáp ứng yêu cầu về số hóa hồ sơ và dữ liệu LLTP. Dự kiến Thông tư sẽ được ban hành trong Quý I/2024 để thống nhất triển khai trên toàn quốc.

**2.***Đề nghị Bộ Tư pháp sớm có hướng dẫn về việc ủy quyền thực hiện, giải quyết hồ sơ lý lịch tư pháp từ Sở Tư pháp cho phòng Tư pháp cấp huyện (UBND TP. Hà Nội).*

**Trả lời:**

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm phân cấp việc cấp Phiếu LLTP cho Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An trình Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Dự kiến Bộ Tư pháp sẽ hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ trong tháng 01/2024.

**3.***Đề nghị Bộ Tư pháp sửa Luật LLTP theo hướng chỉ cấp Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 cho cơ quan tiến hành tố tụng (UBND tỉnh An Giang).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi quy định chỉ cấp 01 loại Phiếu Lý lịch tư pháp theo yêu cầu của công dân, không tính đến mục đích của yêu cầu đó để giải quyết tình trạng lạm dụng Phiếu lý lịch tư pháp số 2 như hiện nay (UBND tỉnh Sóc Trăng).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lý lịch tư pháp theo hướng: Bỏ quy định cấp Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 để phù hợp với tinh thần tại Điều 69 của Bộ luật Hình sự (Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án), không thể hiện án tích đã được xóa trong Phiếu lý lịch tư pháp. Mặt khác, việc không thể hiện các án tích đã được xóa trong nội dung của Phiếu lý lịch tư pháp nhằm tránh việc các cơ quan, tổ chức nước ngoài lợi dụng việc này yêu cầu đương sự phải nộp Phiếu LLTP số 2 và để bảo vệ bí mật đời tư của cá nhân (UBND tỉnh Quảng Trị).*

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, Phiếu LLTP số 2 được cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng và cấp theo yêu cầu của cá nhân để người đó biết được nội dung về LLTP của mình, không quy định cấp Phiếu LLTP số 2 cho các đối tượng khác. Quy định này bảo đảm nguyên tắc bảo vệ bí mật đời tư cũng như quyền tiếp cận thông tin của cá nhân. Thời gian qua, do chưa hiểu đúng quy định của Luật LLTP nên một số tổ chức, doanh nghiệp đã yêu cầu cá nhân phải nộp Phiếu LLTP số 2 để làm các thủ tục như xin việc làm hoặc tuyển dụng lao động…, điều này là không đúng với quy định của Luật LLTP. Để hạn chế tình trạng nêu trên, cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của cá nhân, cơ quan, tổ chức về ý nghĩa, giá trị của Phiếu LLTP, không yêu cầu người dân nộp/xuất trình Phiếu LLTP số 2 không đúng quy định.

Bộ Tư pháp đánh giá cao nội dung nghiên cứu, kiến nghị của địa phương. Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp Bộ, ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu và có đề xuất sửa đổi phù hợp.

**4.***Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp Bộ, ngành có liên quan (Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội…) có văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể thể quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp* *(UBND các tỉnh Tây Ninh, Tuyên Quang).*

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp đã quy định rõ: *“Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có quyền yêu cầu cấp Phiếu LLTP để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã”.* Ngày 09/7/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg về cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, trong đó, để hạn chế tình trạng lạm dụng quyền yêu cầu cấp Phiếu LLTP, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt, tuân thủ đúng quyền yêu cầu cấp Phiếu LLTP theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật LLTP; có các giải pháp hiệu quả và tiến tới chấm dứt yêu cầu người dân nộp Phiếu LLTP không đúng quy định.

Để thực hiện có hiệu quả chỉ đạo nêu trên của Thủ tướng Chính phủ, ngày 02/11/2023, Bộ Tư pháp đã có văn bản số 5297/BTP-VP gửi Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật LLTP, chủ động thực hiện quyền yêu cầu cấp Phiếu LLTP theo quy định của Luật LLTP, không yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức, người dân phải nộp Phiếu LLTP phục vụ mục đích quản lý nhân sự của cơ quan, đơn vị mình.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương và tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng văn bản hướng dẫn nội dung liên quan trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật về lý lịch tư pháp.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ quy định việc đương nhiên xóa án tích là một thủ tục hành chính, cần tách biệt với thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp, theo đó thời hạn đương nhiên xóa án tích cần quy định phù hợp với tình hình giải quyết thực tế (UBND các tỉnh, thành phố Hà Nội, Tuyên Quang; Đ/c Nguyễn Văn Sơn, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang tại Hội nghị triển khai công tác tư pháp năm 2024).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thời gian, thành phần hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân trong trường hợp cấp Phiếu lý lịch tư pháp với mục đích xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (UBND tỉnh Quảng Trị).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi Luật LLTP theo hướng tách thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp và thủ tục xóa án tích thành 2 thủ tục riêng và quy định thêm thời hạn xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích, cũng như trách nhiệm của người bị kết án phải chứng minh việc bản thân đã chấp hành xong bản án (UBND tỉnh An Giang).*

**Trả lời*:***

Luật LLTP (LLTP) và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và thời hạn cấp Phiếu LLTP, trong đó có quy định về thời hạn cấp Phiếu trong trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích (Điều 48). Để bảo đảm thời hạn cấp Phiếu LLTP trong những trường hợp này, đề nghị Sở Tư pháp chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện tra cứu, xác minh thông tin theo quy định của pháp luật về LLTP, chú trọng công tác xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích và cập nhật thông tin sau khi có kết quả xác minh theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật LLTP, bảo đảm thời hạn cấp Phiếu theo quy định của Luật LLTP.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 4 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) *“Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này.”* Do đó, Cơ quan quản lý Cơ sở Dữ liệu LLTP có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án, trên cơ sở đó thực hiện cấp Phiếu LLTP cho cá nhân khi có yêu cầu.

Để giải quyết những hạn chế, vướng mắc trong công tác phối hợp tra cứu, xác minh nêu trên, trong năm 2024, Bộ Tư pháp sẽ tăng cường phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để chỉ đạo các cơ quan liên quan thuộc Bộ, ngành mình triển khai nghiêm túc, hiệu quả các quy định của pháp luật về LLTP, đồng thời, nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về LLTP.

Về phía địa phương, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm, tạo thuận lợi cho Sở Tư pháp trong công tác xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP và cấp Phiếu LLTP, đồng thời chỉ đạo cơ quan Công an và đề nghị cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát trên địa bàn thực hiện tốt hơn nữa các quy định về pháp luật lý lịch tư pháp, bảo đảm các cơ quan này cung cấp thông tin LLTP về án tích đầy đủ cho Sở Tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP và cấp Phiếu LLTP. Về phía mình, đề nghị Sở Tư pháp tăng cường công tác xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP, không để tình trạng tồn đọng thông tin, chủ động tra cứu thông tin LLTP trong cơ sở dữ liệu LLTP và tiến tới giảm dần việc tra cứu tại các cơ sở dữ liệu khác.

Đồng thời, Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương và tiếp tục nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về LLTP để bảo đảm phù hợp với bối cảnh tình hình mới và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sửa Luật LLTP theo hướng cho phép người dân được ủy quyền cấp Phiếu LLTP số 2 tương tự như ủy quyền cấp Phiếu LLTP số 1 nhằm tạo điều kiện cho người dân được làm Phiếu LLTP số 2 khi có nhu cầu; không cho phép doanh nghiệp có quyền yêu cầu cấp Phiếu LLTP để phục vụ cho việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng lao động của doanh nghiệp, nhằm hạn chế người dân nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu LLTP đến Sở Tư pháp; cho phép cấp Phiếu LLTP trực tuyến và được sử dụng Phiếu này cho các giao dịch khác nhau của người dân (UBND các tỉnh, thành phố Đà Nẵng, Tuyên Quang; Đ/c Nguyễn Văn Sơn, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang tại Hội nghị triển khai công tác tư pháp năm 2024).*

**Trả lời:**

Luật Lý lịch tư pháp (LLTP) và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và thời hạn cấp Phiếu LLTP, trong đó có quy định về thời hạn cấp Phiếu trong trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích (Điều 48). Để bảo đảm thời hạn cấp Phiếu LLTP trong những trường hợp này, đề nghị Sở Tư pháp chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện tra cứu, xác minh thông tin theo quy định của pháp luật về LLTP, chú trọng công tác xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích và cập nhật thông tin sau khi có kết quả xác minh theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật LLTP, bảo đảm thời hạn cấp Phiếu theo quy định của Luật LLTP.

Theo quy định của Luật LLTP, Phiếu LLTP số 2 được cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng và cấp theo yêu cầu của cá nhân để người đó biết được nội dung về LLTP của mình, không quy định cấp Phiếu LLTP số 2 cho các đối tượng khác. Quy định này bảo đảm nguyên tắc bảo vệ bí mật đời tư cũng như quyền tiếp cận thông tin của cá nhân. Thời gian qua, do chưa hiểu đúng quy định của Luật LLTP nên một số tổ chức, doanh nghiệp đã yêu cầu cá nhân phải nộp Phiếu số 2 để làm các thủ tục như xin việc làm hoặc tuyển dụng lao động…, điều này là không đúng với quy định của Luật LLTP. Để hạn chế tình trạng nêu trên, cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của cá nhân, cơ quan, tổ chức về ý nghĩa, giá trị của Phiếu LLTP, không yêu cầu người dân nộp/xuất trình Phiếu LLTP số 2 không đúng quy định.

Về các kiến nghị nêu trên, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng trong quá trình sửa đổi, bổ sung pháp luật về LLTP để bảo đảm phù hợp với bối cảnh tình hình mới và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

**7.** *Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trả lời kết quả đối với trường hợp có án tích phải nêu cụ thể thông tin về số bản án, ngày tháng năm tuyên án cũng như Tòa án thực hiện xét xử để thuận lợi cho việc xác minh, cấp Phiếu LLTP (UBND tỉnh Quảng Nam).*

**Trả lời:**

Thời gian qua, quá trình phối hợp với Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ hỗ trợ Sở Tư pháp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP, một số trường hợp kết quả tra cứu của Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ chưa đầy đủ thông tin về số bản án, ngày tháng năm tuyên án cũng như Tòa án xét xử vụ án, đây là tình trạng thiếu hụt thông tin trong Cơ sở dữ liệu của cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ.

Để khắc phục tình trạng thông tin không đầy đủ nêu trên, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp (Trung tâm LLTP quốc gia) sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Công an (Cục Hồ sơ nghiệp vụ) trong tra cứu, xác minh thông tin để bảo đảm thông tin tra cứu gửi Sở Tư pháp được đầy đủ, kịp thời.

**8.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị ngành dọc phối hợp với Sở Tư pháp trong xác minh thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp đảm bảo thời hạn theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp (nhất là trong việc trả lời kịp thời các đề nghị xác minh thông tin của Sở Tư pháp để cấp phiếu lý lịch tư pháp trong trường hợp đương nhiên xóa án tích) - (UBND các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ninh).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp làm rõ trách nhiệm trọng việc chậm cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không cung cấp thông tin LLTP theo quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (UBND TP. Hải Phòng).*

*Đề xuất Bộ Tư pháp kiến nghị các Bộ, ngành có liên quan quan tâm chỉ đạo hệ thống cơ quan ngành dọc của mình tại địa phương triển khai có hiệu quả việc thi hành Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản có liên quan (UBND TP. Hà Nội).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia tăng cường việc phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc xác minh tình trạng án tích để có thể thực hiện việc tổng hợp, trả lời việc xác minh tình trạng án tích sớm hơn so với thời hạn quy định, nhằm tạo điều kiện cho Sở Tư pháp nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ tốt hơn yêu cầu của người dân, đóng góp vào quá trình cải cách thủ tục hành chính của tỉnh và cả nước (UBND tỉnh Yên Bái).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Trung tâm LLTPQG phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Công an trả kết quả tra cứu, xác minh đối với những trường hợp công dân có án tích, tiền sự đúng thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 48 Luật Lý lịch tư pháp (UBND TP. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định cụ thể về cơ chế phối hợp, trách nhiệm, thẩm quyền, thời hạn trao đổi, cung cấp, tra cứu và xác minh thông tin LLTP giữa cơ quan quản lý Cơ sở Dữ liệu LLTP và các cơ quan có liên quan như Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Công an, Thi hành án dân sự, cơ quan có liên quan thuộc Bộ Quốc phòng... để xây dựng Cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu LLTP. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai các quy định nêu trên vẫn còn có khó khăn, vướng mắc.

Để giải quyết những hạn chế, vướng mắc trong công tác phối hợp tra cứu, xác minh thông tin LLTP, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, trong đó đề xuất sửa đổi quy định về tra cứu, xác minh thông tin LLTP về án tích có trước ngày 01/7/2010 tại cơ quan Công an. Hiện nay dự thảo Nghị định đang trong quá trình rà soát, chỉnh lý theo ý kiến của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang và sẽ sớm trình Chính phủ xem xét, quyết định. Đồng thời trong thời gian tới, Trung tâm LLTP quốc gia và Cục V06 - Bộ Công an sẽ phối hợp thực hiện rà soát, sửa đổi Quy chế số 02 để bảo đảm phù hợp với bối cảnh tình hình mới, đặc biệt để triển khai hiệu quả Chỉ thị 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Về phía địa phương, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố tiếp tục quan tâm, chỉ đạo đối với cơ quan Công an và đề nghị cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát tại địa phương thực hiện tốt hơn nữa các quy định của pháp luật về LLTP, bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Sở Tư pháp để phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu LLTP.

**9.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có biện pháp phối hợp với Bộ Công an thống nhất chỉ đạo các đơn vị chức năng của Bộ Công an các tỉnh, thành phố tiếp nhận và trả kết quả tra cứu, xác minh thông tin LLTP trước ngày 01/7/2010 và sau ngày 01/7/2010 theo quy định tại Khoản 1, Điều 3, Quy chế số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp và Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, Bộ Công an về phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP cho đến khi Trung tâm LLTPQG và Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố hoàn chỉnh việc xây dựng Cơ sở Dữ liệu LLTP (UBND TP. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 (Điều 47, Điều 56) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và các Sở Tư pháp có trách nhiệm xây dựng Cơ sở Dữ liệu LLTP từ ngày Luật LLTP có hiệu lực (ngày 01/7/2010) và chủ động phối hợp tra cứu thông tin LLTP tại Công an, bảo đảm thời hạn trả kết quả cấp Phiếu LLTP, đáp ứng yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Để đáp ứng yêu cầu của công tác LLTP, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và các Sở Tư pháp cần thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng Cơ sở Dữ liệu LLTP, chủ động tra cứu thông tin tại Cơ sở Dữ liệu của Bộ Tư pháp và Cơ sở Dữ liệu tại Sở Tư pháp để thực hiện cấp Phiếu LLTP, bảo đảm thực hiện đúng Công điện số 280/CĐ-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các Bộ, cơ quan, địa phương.

Thời gian qua, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp, trong đó đề xuất sửa đổi quy định về phối hợp tra cứu, xác minh thông tin có trước ngày 01/07/2010 để cấp Phiếu LLTP. Hiện nay, dự thảo Nghị định đang được rà soát, chỉnh sửa theo ý kiến của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang, nhằm bảo đảm phù hợp, đồng bộ với Chỉ thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Để nâng cao hiệu quả công tác LLTP, Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục chủ động phối hợp, đề nghị các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Sở Tư pháp, bảo đảm thời hạn cấp Phiếu LLTP. Đồng thời, đề nghị Sở Tư pháp chủ động khai thác, tra cứu thông tin trong Cơ sở Dữ liệu LLTP tại Sở và tại Trung tâm để phục vụ cấp Phiếu LLTP.

**10**. *Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi Luật Lý lịch tư pháp theo hướng các cơ quan đơn vị cùng phải tham gia xây dựng Cơ sở Dữ liệu thông tin lý lịch tư pháp (nhất là vai trò cung cấp, nhập liệu các thông tin đầu vào của ngành Tòa án, công an, thi hành án dân sự) để giảm bớt áp lực cho công chức tư pháp địa phương. Đồng thời xác định cơ quan Tư pháp có trách nhiệm quản lý, khai thác sử dụng và cung cấp thông tin trong Cơ sở Dữ liệu LLTP, kết hợp ứng dụng công nghệ trong xác thực định danh công dân gắn với thông tin lý lịch tư pháp, bỏ quy định cấp Phiếu LLTP bản giấy (trừ trường hợp có án tích) - (UBND các tỉnh Đồng Nai, Hải Dương).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi Luật Lý lịch tư pháp theo hướng cho phép Sở Tư pháp tra cứu cơ sở dữ liệu về bản án hình sự có hiệu lực của Tòa án nhân dân trên toàn quốc (UBND tỉnh An Giang).*

*Đối với Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung: đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, phối hợp với Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để thực hiện việc chia sẻ dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tạo lập Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (UBND tỉnh Yên Bái).*

**Trả lời:**

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, Bộ Tư pháp đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 và Chỉ thị số 23, trong đó có nhiệm vụ phối hợp với cơ quan có liên quan thuộc Bộ Công an nghiên cứu giải pháp kết nối Cơ sở Dữ liệu LLTP với Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở Dữ liệu thi hành án dân sự, Cơ sở Dữ liệu do ngành Công an, Cơ sở Dữ liệu của Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân. Thực hiện nhiệm vụ này, hiện nay, Trung tâm LLTP quốc gia và Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp đang phối hợp với đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công an nghiên cứu, đề xuất giải pháp kết nối Cơ sở Dữ liệu LLTP với Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở Dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan nhằm khắc phục những khó khăn trong công tác phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin LLTP giữa cơ quan quản lý Cơ sở Dữ liệu LLTP với các cơ quan đầu mối cung cấp thông tin.

Đồng thời, hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổ chức xây dựng Thông tư sửa đổi Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ LLTP và Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP, trong đó dự kiến bổ sung mẫu Phiếu LLTP điện tử. Việc lựa chọn kết quả cấp Phiếu LLTP bằng điện tử hay Phiếu LLTP bằng giấy tùy thuộc yêu cầu của cá nhân và cơ quan, tổ chức, theo đó dự kiến quy định đồng thời Phiếu LLTP bằng văn bản giấy và dữ liệu điện tử nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân khi tham gia vào các giao dịch trong đời sống xã hội.

**11.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ ban hành chế tài xử lý vi phạm trong thực hiện Luật Lý lịch tư pháp (UBND tỉnh Nghệ An).*

**Trả lời:**

Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 đã quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực lý lịch tư pháp. Theo đó, *“Người có thẩm quyền trong quản lý lý lịch tư pháp vi phạm quy định của Luật này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Người nào vi phạm quy định của Luật này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”.*

Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (Điều 47, Điều 81) đã quy định cụ thể các trường hợp và mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lý lịch tư pháp.

Về các kiến nghị nêu trên của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng trong quá trình sửa đổi, bổ sung pháp luật về lý lịch tư pháp để bảo đảm phù hợp với bối cảnh tình hình mới và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

**12.** *Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải đáp những khó khăn vướng mắc được Sở Tư pháp kiến nghị tại Công văn 1486/STP-HCBTTP ngày 27/9/2023 gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến hướng dẫn trong quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp:*

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ[[13]](#footnote-13), Công văn số 3305/BTP-TTLLLTQG ngày 28/7/2023[[14]](#footnote-14), Công văn số 4105/BTP-TTLLTPQG ngày 05/9/2023[[15]](#footnote-15) của Bộ Tư pháp, Công văn số 06/TTLLTPQG-TN&XLTT ngày 11/9/2023 của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia[[16]](#footnote-16); theo đó, tại mục 2 Công văn số 06/TTLLTPQG-TN&XLTT ngày 11/9/2023 của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có nội dung: *“2…. đề nghị Sở Tư pháp không gửi yêu cầu tra cứu, xác minh thông tin LLTP về Cục V06 và PV06 theo Quy chế 02 đối với những trường hợp sau đây:*

*- Người yêu cầu cấp Phiếu LLTP sinh sau ngày 01/7/1996 (đủ 14 tuổi tính đến ngày 01/7/2010).*

*- Người đã được Sở Tư pháp cấp Phiếu LLTP lần đầu kể từ ngày 01/7/2010”.*

Hiện nay, việc thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, theo đó:

Điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 244/2016/TT-BTC quy định:

*“2. Đối với tổ chức thu phí là Sở Tư pháp:*

*a) …*

*b) Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ thì trích 4% số tiền phí thu được chuyển về tài khoản của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia để Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia sử dụng trang trải chi phí cho các nội dung chi quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ, trích lại 81% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ. Nộp 15% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.*

*Số tiền trích lại cho tổ chức thu phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được xác định là 100%* ***và được phân bổ như quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này****”.*

Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư số 244/2016/TT-BTP quy định:

*“a)* ***Tổ chức thu phí trích chuyển cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát phối hợp trong công tác xác minh 60% số tiền phí được để lại,*** *tương ứng với số lượng hồ sơ yêu cầu xác minh đã được hoàn thành, để trang trải cho các nội dung liên quan đến cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bao gồm: Chi mua văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, công tác phí; chi bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, mua sắm vật tư, phương tiện lưu giữ, xử lý, bảo quản hồ sơ; chi hỗ trợ cho người tham gia phối hợp với Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát và các Sở Tư pháp trong việc liên hệ, đôn đốc, theo dõi, đối trừ các hồ sơ được miễn giảm phí, đối soát hồ sơ và kinh phí, tổng hợp thông tin, nhận và chuyển kết quả hồ sơ tra cứu, xác minh của cơ quan hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát và các khoản chi khác có liên quan đến việc tra cứu, cung cấp thông tin phục vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp.*

*Việc trích chuyển được thực hiện thông qua Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, mỗi quý một lần trên cơ sở tổng số hồ sơ yêu cầu xác minh đã được Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia xác nhận.*

*Trong trường hợp nhiều cơ quan phối hợp xác minh thông tin, thì ngoài khoản trích chuyển cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, tổ chức thu phí hỗ trợ cho mỗi cơ quan khác thực hiện xác minh 25.000 đồng/yêu cầu.*

*b) Tổ chức thu phí sử dụng số tiền phí còn lại để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ”.*

Với quy định nêu trên, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang nhận thấy, Thông tư số 244/2016/TT-BTC chỉ quy định việc trích chuyển ***cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát phối hợp trong công tác xác minh 60% số tiền phí được để lại mà chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể*** đối với những trường hợp Sở Tư pháp thực hiện tra cứu thông tin LLTP để cấp Phiếu LLTP tại Cơ sở dữ liệu LLTP của Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.

Để đảm bảo việc quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đúng quy định pháp luật hiện hành, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính quan tâm sớm có văn bản cho ý kiến hướng dẫn việc quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với trường hợp Sở Tư pháp thực hiện tra cứu thông tin LLTP để cấp Phiếu LLTP tại Cơ sở Dữ liệu LLTP của Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.

**Trả lời:**

- Ngày 12/12/2023, Bộ Tư pháp (Trung tâm LLTP quốc gia) đã có Công văn số 21/TTLLTPQG-TN&XLTT gửi Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang về việc hướng dẫn trong quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

- Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 244/2016/TT-BTC: “Tổ chức thu phí trích chuyển cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát phối hợp trong công tác xác minh 60% số tiền phí được để lại, *tương ứng với số lượng hồ sơ yêu cầu xác minh đã được hoàn thành*”. Như vậy, việc trích chuyển kinh phí cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ được xác định trên cơ sở số lượng hồ sơ đề nghị xác minh hoàn thành. Do đó, trường hợp Sở Tư pháp thực hiện tra cứu thông tin trong CSDL LLTP theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật LLTP thì không phải thực hiện trích chuyển cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ.

Về kiến nghị nêu trên của Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp và đề xuất Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư số 244/2016/TT-BTC cũng như nghiên cứu, đề xuất trong quá trình sửa đổi các quy định về quản lý và sử dụng phí cấp Phiếu LLTP.

**13.** *Đề nghị Bộ Tư pháp làm rõ trách nhiệm trong việc do Phần mềm Hệ thống quản lý LLTP dùng chung của Bộ Tư pháp bị lỗi không thể cập nhật các thông tin LLTP vào Cơ sở Dữ liệu LLTP của thành phố Hải Phòng dẫn đến việc cấp Phiếu LLTP không chính xác về thông tin án tích của công dân (UBND TP. Hải Phòng).*

**Trả lời:**

Hệ thống Phần mềm Quản lý LLTP được xây dựng từ năm 2012. Trong quá trình triển khai, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã rất tích cực, nỗ lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin bên cạnh các hoạt động nghiệp vụ trong công tác quản lý LLTP. Phần mềm được sử dụng liên tục với một số lượng dữ liệu lớn được cập nhật (hơn 21 triệu dữ liệu). Trong quá trình vận hành, có thời điểm người dùng truy cập vào Phần mềm bị chậm, có lúc bị gián đoạn truy cập, hiện tượng trên có nguyên nhân từ phía hạ tầng kỹ thuật cài đặt hệ thống, có nguyên nhân từ phía hạ tầng kỹ thuật người dùng.

Cuối tháng 10/2023, Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) đã bổ sung hạ tầng cho Phần mềm Quản lý LLTP. Qua theo dõi hoạt động của hệ thống cũng như cập nhật tình hình triển khai thực tế tại Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho thấy Phần mềm Quản lý LLTP dùng chung đã hoạt động ổn định đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu quản lý lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp. Trong quá trình triển khai Phần mềm, Cục Công nghệ thông tin sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp để kịp thời xử lý các sự cố về mặt kỹ thuật trên Phần mềm (nếu có).

Trong năm 2024, Bộ Tư pháp dự kiến thực hiện nâng cấp Hệ thống Phần mềm Quản lý LLTP, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở Dữ liệu LLTP.

**IX. CỤC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn về thành phần tham gia thương lượng không đúng theo quy định tại điểm e khoản 6 Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì Quy định này có bắt buộc trong tất cả các cuộc thương lượng hay không, hay tùy vào tình hình thực tế diễn biến của từng cuộc thương lượng. Hướng dẫn thực hiện thương lượng lại do quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường vi phạm trình tự thủ tục; hướng dẫn xử lý giải quyết bồi thường thiệt hại trong các trường hợp hết thời hạn khởi kiện, bản án giải quyết yêu cầu bồi thường đã có hiệu lực pháp luật nhưng có thiệt hại thực tế xảy ra; hướng dẫn việc thương lượng lại, xử lý giải quyết bồi thường thiệt hại trong các trường hợp hết thời hạn khởi kiện, bản án giải quyết bồi thường đã có hiệu lực pháp luật mà người yêu cầu bồi thường vẫn kiến nghị yêu cầu bồi thường và thực tế có thiệt hại xảy ra (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

*1.1.* *Đối với đề nghị* “*Hướng dẫn về thành phần tham gia thương lượng không đúng theo quy định tại điểm e khoản 6 Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì Quy định này có bắt buộc trong tất cả các cuộc thương lượng hay không, hay tùy vào tình hình thực tế diễn biến của từng cuộc thương lượng”:*

Theo quy định tại điểm e khoản 6, điểm d khoản 3 Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Luật TNBTCNN năm 2017) và điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 68/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN quy định thành phần tham gia thương lượng đối với việc bồi thường phải có đại diện cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước. Như vậy, việc tham gia của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước là bắt buộc. Trường hợp thành phần tham gia thương lượng không đúng, không đủ, nếu có ý kiến của người yêu cầu bồi thường, việc thương lượng phải được giải quyết lại. Trường hợp đã ban hành quyết định giải quyết bồi thường, thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định hủy quyết định giải quyết bồi thường để giải quyết lại theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 48 Luật TNBTCNN.

*1.2. Đối với đề nghị “Hướng dẫn thực hiện thương lượng lại do quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường vi phạm trình tự thủ tục; hướng dẫn xử lý giải quyết bồi thường thiệt hại trong các trường hợp hết thời hạn khởi kiện, bản án giải quyết yêu cầu bồi thường đã có hiệu lực pháp luật nhưng có thiệt hại thực tế xảy ra; hướng dẫn việc thương lượng lại, xử lý giải quyết bồi thường thiệt hại trong các trường hợp hết thời hạn khởi kiện, bản án giải quyết bồi thường đã có hiệu lực pháp luật mà người yêu cầu bồi thường vẫn kiến nghị yêu cầu bồi thường và thực tế có thiệt hại xảy ra”:*

- Đối với việc thương lượng lại: trên cơ sở xác định sai phạm trong từng trường hợp (quy trình, thủ tục và vụ việc cụ thể), việc giải quyết bồi thường cần được thực hiện lại từ quy trình, thủ tục sảy ra sai phạm.

Trường hợp cơ quan giải quyết bồi thường đã ban hành quyết định giải quyết bồi thường nhưng thủ tục thương lượng không được thực hiện đúng thành phần, nội dung, thủ tục quy định tại khoản 3, 5 và 6 Điều 46 Luật TNBTCNN theo yêu cầu của người yêu cầu bồi thường thì Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định hủy quyết định giải quyết bồi thường để giải quyết lại theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật TNBTCNN.

- Đối với việc xử lý giải quyết bồi thường thiệt hại trong các trường hợp hết thời hạn khởi kiện, bản án giải quyết bồi thường đã có hiệu lực pháp luật mà người yêu cầu bồi thường vẫn kiến nghị yêu cầu bồi thường và thực tế có thiệt hại xảy ra: Trường hợp vụ việc đã có quyết định, bản án của Tòa án giải quyết bồi thường đã có hiệu lực pháp luật thì được thi hành theo quy định tại Điều 54 Luật TNBTCNN. Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại thực hiện thủ tục lập hồ sơ đề nghị cấp kinh phí, chi trả cho người bị thiệt hại và xem xét trách nhiệm hoàn trả. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không đồng ý với nội dung bản án, quyết định của tòa án thì thực hiện quyền kháng cáo, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị chuyên môn sâu để bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết bồi thường, đặc biệt tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm thực tiễn trong công tác hành chính, tố tụng và thi hành án theo công tác bồi thường nhà nước, trong đó, tập trung quán triệt, phổ biến các tình huống, trường hợp dễ xảy ra sai phạm trong quá trình thực hiện, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chú trọng đến việc truyền đạt kinh nghiệm giải quyết các vụ việc cụ thể, từ đó hạn chế tối đa phát sinh trách nhiệm bồi thường nhà nước; mở rộng thành phần tham gia cho cán bộ, cộng chức được phân công, theo dõi công tác giải quyết bồi thường nhà nước (UBND các tỉnh, thành phố Đà Nẵng, Hậu Giang, Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch).*

**Trả lời:**

Sau khi Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước có hiệu lực từ ngày 01/7/2018, hằng năm, Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước) đều xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước cho công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong cả 3 lĩnh vực quản lý nhà nước, tố tụng và thi hành án tại một số địa phương trên cả nước. Từ 2018 đến 2023 Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước) đã tổ chức 39 hội nghị tập huấn (Năm 2018: 11 Hội nghị; năm 2019: 06 Hội nghị; năm 2020: 04 hội nghị; năm 2021: 06 Hội nghị; năm 2022: 05 Hội nghị; năm 2023: 7 Hội nghị). Theo đó, Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn và mời Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang (năm 2019, 2020, 2022), Sở Tư pháp Thành phố Đà Nẵng (năm 2020) và Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch (năm 2023) tham gia.

Năm 2021 và năm 2022, Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước) đã phát hành 02 cuốn sách về *“Cẩm nang giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính”* và “*Cẩm nang giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự”* với số lượng 2000 cuốn để cấp phát cho 63 địa phương trên phạm vi cả nước. Nội dung 02 cuốn sách đã tổng hợp các vụ việc yêu cầu bồi thường phát sinh thực tế và một số sai phạm phát sinh trách nhiệm bồi thường điển hình trong hoạt động quản lý hành chính và thi hành án để giới thiệu, phân tích, bình luận, góp phần nâng cao năng lực, kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ công chức làm công tác bồi thường tại địa phương và được đưa vào nội dung làm việc tại các hội nghị tập huấn, tọa đàm, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước do Bộ Tư pháp tổ chức.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính quy định chế độ, chính sách đối với công chức phụ trách công tác bồi thường nhà nước ở địa phương* (*UBND tỉnh Hậu Giang).*

**Trả lời:**

Ngày 20/6/2017, tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2018. Luật không có quy định nào và cũng không giao cho các cơ quan nào quy định chi tiết về các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, chế độ đối với công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ rà soát, đánh giá tình hình thực tiễn và nghiên cứu giải pháp để giải quyết vấn đề kiến nghị nêu trên của địa phương.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung quy định hướng dẫn giải quyết đối với trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại đã nghỉ việc nhưng không hưởng lương hưu hoặc không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào khác, không thực hiện trách nhiệm hoàn trả cho ngân sách nhà nước (UBND tỉnh Phú Yên).*

**Trả lời:**

Trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại đã nghỉ việc nhưng không hưởng lương hưu hoặc không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào khác thì cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại tại thời điểm người đó gây ra thiệt hại có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định hoàn trả theo quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

Trường hợp người thi hành công vụ không thực hiện trách nhiệm hoàn trả thì cơ quan tổ chức thi hành quyết định hoàn trả thực hiện việc khởi kiện dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân các cấp phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong công tác bồi thường nhà nước (UBND tỉnh Sóc Trăng).*

**Trả lời:**

Hằng năm, Bộ Tư pháp đều có văn bản thực hiện nhiệm vụ trọng tâm gửi Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước (Năm 2023 là Công văn số 5177/BTP-BTNN ngày 23/12/2022 thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước năm 2023). Trong đó, đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quan tâm, chỉ đạo Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước với Sở Tư pháp địa phương. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp liên ngành về công tác quản lý hoặc phối hợp giải quyết vụ việc, Bộ Tư pháp thường xuyên, trao đổi và đề nghị các đơn vị phụ trách công tác bồi thường nhà nước của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quan tâm thực hiện nhiệm vụ này.

Trong ngành Tòa án, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư số 02/2023/TT-TANDTC ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính tại Tòa án theo Điều 55 Luật TNBTCNN. Trước đó, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Công văn số 90/TANDTC-TH ngày 29/4/2022 về việc yêu các Tòa án cấp cao, tỉnh, thành phố thực hiện nghiêm việc gửi bản án, quyết định giải quyết bồi thường nhà nước của Tòa án cho Cục Bồi thường nhà nước và các Sở Tư pháp đồng thời phối hợp thực hiện thống kê, báo cáo thực hiện công tác bồi thường nhà nước cho các cơ quan này. Để tăng cường công tác phối hợp về bồi thường nhà nước giữa Sở Tư pháp với các cơ quan tố tụng tại địa phương, Sở Tư pháp cần phát huy vai trò của mình, chủ động phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường theo quy định để nâng cao hiệu quả thực hiện công tác này tại địa phương mình.

Trong năm 2024, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quan tâm, chỉ đạo Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm soát nhân dân các cấp phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện hiệu quả công tác bồi thường nhà nước.

**X. CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm trình Quốc hội ban hành Luật Công chứng sửa đổi, Luật Luật sư sửa đổi, Luật Đấu giá sửa đổi, Đề án phát triển đổi ngũ đấu giá viên… để phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội và thực tiễn phát triển của các nghề, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế (UBND các tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, An Giang, Đồng Nai, Lâm Đồng, Nghệ An, Phú Thọ, Quảng Trị; Đ/c Lê Hồng Sơn, Phó Chủ tịch UBND TP. Hà Nội tại Hội nghị triển khai công tác tư pháp năm 2024).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp tiếp thu và ghi nhận các ý kiến của địa phương, Bộ, ngành.

a) Đối với Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản:

Hiện nay Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đã được Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV và dự kiến thông qua tại Kỳ họp thứ 7 vào tháng 5/2024.

b) Đối với Dự án Luật Công chứng (sửa đổi):

Theo Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, dự án Luật Công chứng (sửa đổi) dự kiến sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 vào tháng 5/2024 và thông qua tại kỳ họp thứ 8 vào tháng 10/2024.

c) Đối với Dự án Luật Luật sư (sửa đổi):

Trong năm 2023, Bộ Tư pháp đang tập trung tổng kết 15 năm thi hành luật luật sư, tiến hành xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Luật sư (sửa đổi) trình Chính phủ. Dự kiến, Luật Luật sư (sửa đổi) sẽ trình Quốc hội vào năm 2025.

d) Đối với Dự án Luật Giám định (sửa đổi):

Hiện nay, Bộ Tư pháp tiến hành tổng kết Luật Giám định tư pháp và dự kiến tổ chức Hội nghị tổng kết Luật vào cuối tháng 12 năm 2023. Theo Báo cáo số 437/BC-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả rà soát, đề xuất việc bổ sung nhiệm vụ lập pháp mới thì sẽ sửa đổi Luật Giám định tư pháp trong giai đoạn 2025 - 2026.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp Bộ, ngành có liên quan tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu trong các lĩnh vực: đấu giá tài sản, giám định tư pháp, tư vấn pháp luật, hòa giải thương mại, trọng tài thương mại, quản tài viên (UBND các tỉnh, thành phố Cần Thơ, Bình Định, Phú Thọ, Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Cần Thơ, Bình Định, Phú Thọ, Tây Ninh. Hằng năm, Bộ Tư pháp tổ chức các hội thảo, toạ đàm chuyên đề, bồi dưỡng tại về kỹ năng hành nghề và nghiệp vụ cho cán bộ tư pháp, luật sư đấu giá tài sản, giám định tư pháp và đội ngũ cán bộ tư vấn pháp luật của các địa phương về một số lĩnh vực pháp luật, trong đó chú trọng về kinh doanh, thương mại phục vụ hội nhập quốc tế, hỗ trợ pháp lý cho các nhóm yếu thế trong xã hội (dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự, hành chính...). Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng và đề nghị các địa phương tích cực tham gia.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hoàn chỉnh hệ thống Phần mềm quản lý công chứng và đấu giá để địa phương vận hành và khai thác thông tin được dễ dàng và thuận tiện hơn trong công tác quản lý các lĩnh vực này* *(UBND tỉnh Bình Thuận).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng phần mềm quản lý chung toàn quốc cho lĩnh vực bổ trợ tư pháp nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước trong hoạt động luật sư, công chứng, đấu giá tài sản, thừa phát lại... để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác bổ trợ tư pháp, từ đó hạn chế việc gửi xác minh cho Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương* *(UBND tỉnh Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp đã xây dựng Phần mềm quản lý thông tin đấu giá tài sản. Phần mềm đã được triển khai và đưa vào hoạt động từ tháng 4/2020 và hoạt động ổn định cho tới nay (Bộ Tư pháp đã có Công văn số 957/BTP-BTTP ngày 17/3/2020 gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai Phần mềm quản lý thông tin đấu giá tài sản và Phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng). Phần mềm đã có tính năng tra cứu về nơi hành nghề của đấu giá viên. Khi Sở Tư pháp các địa phương nhập tên đấu giá viên trong mục Cơ sở Dữ liệu, trường hợp đấu giá viên này đang hành nghề tại một tổ chức đấu giá tài sản và chưa được xóa đăng ký hành nghề, Phần mềm sẽ có hiển thị cụ thể về việc hành nghề của đấu giá viên đó. Như vậy, Sở Tư pháp các địa phương có thể tra cứu việc hành nghề của đấu giá viên qua Phần mềm quản lý thông tin đấu giá tài sản.

Về kiến nghị xây dựng Phần mềm quản lý bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp xin ghi nhận, nghiên cứu, xây dựng Phần mềm này để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật (UBND tỉnh An Giang).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp tiếp thu và ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang hoàn thiện Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2018, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các địa phương để nghiên cứu, chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 77/2008/NĐ-CP trong năm 2024.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Luật sư theo hướng bổ sung trách nhiệm báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của chi nhánh TCHNLS cho Sở Tư pháp nơi chi nhánh đặt trụ sở; hướng dẫn cụ thể về hình thức hành nghề của luật sư, về cách thức thực hiện thu hồi Giấy đăng ký hoạt động trong trường hợp TCHNLS, chi nhánh của TCHNLS không hoạt động liên tục tại trụ sở đã đăng ký trong thời hạn 06 tháng; rà soát, bổ sung các TTHC liên quan đến việc chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh TCHNLS (UBND TP. Đà Nẵng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tiến hành đánh giá tổng kết 15 năm thi hành Luật Luật sư và chuẩn bị hồ sơ xây dựng Luật Luật sư thay thế. Thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương rà soát quy định của Luật Luật sư để nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện, trong đó có việc đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định cụ thể hơn về một số vấn đề liên quan đến hành nghề của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, hướng dẫn cụ thể về hình thức hành nghề của luật sư, về cách thức thực hiện thu hồi Giấy đăng ký hoạt động trong trường hợp Tổ chức hành nghề Luật sư (TCHNLS), chi nhánh của TCHNLS không hoạt động liên tục tại trụ sở đã đăng ký trong thời hạn 06 tháng; rà soát, bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh TCHNLS, nội dung quản lý nhà nước đảm bảo chặt chẽ và phù hợp với thực tiễn. Trước mắt, đề nghị Sở Tư pháp tăng cường quản lý, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện và chấn chỉnh về tổ chức, hoạt động của luật sư, TCHNLS tại địa phương đảm bảo đúng pháp luật.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng dùng chung trên toàn quốc và kết nối với các phần mềm khác như Phần mềm hộ tịch, quốc tịch, Phần mềm quản lý và đăng ký đất đai, Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư, Phần mềm về xóa thế chấp và đăng ký thế chấp của ngân hàng… (UBND tỉnh An Giang, Bến Tre).*

**Trả lời:**

Thực hiện Điều 62 Luật công chứng năm 2014, tính đến nay đã có **58/63** địa phương trên cả nước đã xây dựng và vận hành Cơ sở Dữ liệu về công chứng tại địa phương, trong đó đã có một số địa phương đã xây dựng Cơ sở Dữ liệu về công chứng và chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn, có kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác trên địa bàn. Việc xây dựng và vận hành Cơ sở Dữ liệu công chứng ở địa phương trong những năm qua đã góp phần đáng kể cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động hành nghề công chứng. Các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản và thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã cơ bản được cập nhật lên cơ sở dữ liệu công chứng của các địa phương. Đây là nguồn thông tin quan trọng để các công chứng viên tham khảo trong quá trình giải quyết các hồ sơ yêu cầu công chứng, hạn chế tối đa tình trạng giao dịch nhiều lần đối với một tài sản tại cùng một thời điểm hoặc tiến hành giao dịch đối với những tài sản không đủ điều kiện. Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị này của địa phương để nghiên cứu trong quá trình xây dựng dự án Luật Công chứng (sửa đổi).

**7.***Khoản 3, Điều 22 Luật Công chứng 2014 quy định: Tên gọi của Văn phòng công chứng phải bao gồm cụm từ “Văn phòng công chứng” kèm theo họ tên của Trưởng Văn phòng hoặc họ tên của một công chứng viên hợp danh khác của Văn phòng công chứng do các công chứng viên hợp danh thỏa thuận, không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức hành nghề công chứng khác, không được vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc”. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp về tên doanh nghiệp (Điều 37, Điều 38), không bắt buộc tên của doanh nghiệp phải có kèm theo họ tên của một cá nhân là chủ doanh nghiệp hoặc thành viên hợp danh.*

*Thực tiễn thi hành cho thấy quy định đã bộc lộ bất cập, hạn chế: Việc quy định tên gọi của Văn phòng công chứng phải bao gồm cụm từ “Văn phòng công chứng” kèm theo họ tên của Trưởng Văn phòng hoặc họ tên của một công chứng viên hợp danh khác của Văn phòng công chứng sẽ dẫn đến trường hợp có thể trùng tên của Văn phòng công chứng bởi thực tế tên của cá nhân trùng nhau là điều bình thường. Trong khi đó Luật lại quy định tên gọi không được trùng với tên của tổ chức hành nghề công chứng khác. Với những bất cập trên, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi Luật theo hướng quy định tên gọi của Văn phòng công chứng được thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị về quy định tên gọi của Văn phòng Công chứng… của địa phương và sẽ tổng hợp, nghiên cứu trong quá trình xây dựng Dự án Luật Công chứng sửa đổi *(dự án Luật này sẽ được Quốc hội khoá 15 cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 vào tháng 5/2024 và được Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 8 vào tháng 10/2024)*, để góp phần phát triển các tổ chức hành nghề công chứng viên theo hướng tập trung nâng cao chất lượng hành nghề để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ và phát triển ổn định, bền vững trong thời gian tới.

**8.***Về đăng ký vi bằng: Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại “Thừa phát lại phải trực tiếp chứng kiến, lập vi bằng và chịu trách nhiệm trước người yêu cầu và trước pháp luật về vi bằng do mình lập” và khoản 4 Điều 39 “Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc lập vi bằng, Văn phòng Thừa phát lại phải gửi vi bằng, tài liệu chứng minh (nếu có) đến Sở Tư pháp nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở để vào sổ đăng ký. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được vi bằng, Sở Tư pháp phải vào sổ đăng ký vi bằng”; Điều 30 Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP “Thừa phát lại, Văn phòng Thừa phát lại chịu trách nhiệm trước người yêu cầu lập vi bằng trước pháp luật về nội dung, hình thức vi bằng đã lập”.*

*Khác với lĩnh vực luật sư, công chứng, hiệu lực pháp lý của vi bằng đã có sau khi thừa phát lại đã thực hiện; Sở Tư pháp không có thẩm quyền từ chối đối với trường hợp phát hiện vi bằng vi phạm pháp luật cho nên việc đặt ra quy trình, thủ tục đăng ký tại Sở Tư pháp là thủ tục hành chính không cần thiết (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp thì trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được vi bằng hoặc kể từ ngày Văn phòng Thừa phát lại cập nhật vào Cơ sở Dữ liệu về vi bằng, Sở Tư pháp ghi vào sổ đăng ký vi bằng hoặc duyệt nội dung cập nhật trên Cơ sở Dữ liệu về vi bằng theo quy định tại khoản 4 Điều 39 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP để theo dõi, quản lý việc lập vi bằng.

Trường hợp phát hiện vi bằng, tài liệu chứng minh được gửi đến vi phạm quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP thì Sở Tư pháp có quyền thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị địa phương nghiên cứu quy định pháp luật về thừa phát lại để thực hiện.

Bên cạnh đó, trong năm 2023, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 967/QĐ-BTP ngày 07/6/2023 kèm theo Kế hoạch sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/1/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại để đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, bất cập, xác định nguyên nhân để đề xuất giải pháp khắc phục đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương để nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền trong quá trình hoàn thiện pháp luật về Thừa phát lại trong thời gian tới.

**9.***Đề nghị Bộ Tư pháp hoàn chỉnh hệ thống Phần mềm quản lý công chứng và đấu giá để địa phương vận hành và khai thác thông tin được dễ dàng và thuận tiện hơn trong công tác quản lý các lĩnh vực này (UBND tỉnh Bình Thuận).*

**Trả lời:**

Về Phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng, Bộ Tư pháp đã xây dựng, triển khai, đưa vào sử dụng từ tháng 5/2020 và hoạt động ổn định cho tới nay (Bộ Tư pháp đã có các Công văn[[17]](#footnote-17) hướng dẫn Sở Tư pháp các địa phương triển khai, đánh giá thực hiện phần mềm này). Phần mềm có 02 trường thông tin cơ bản là thông tin quản lý về công chứng viên và thông tin về các tổ chức hành nghề công chứng. Khi Sở Tư pháp các địa phương nhập tên công chứng viên vào phần đăng ký hành nghề, trường hợp công chứng viên này đang hành nghề tại địa phương khác và chưa được xóa đăng ký hành nghề, phần mềm sẽ có hiển thị cụ thể về việc hành nghề của công chứng viên đó. Như vậy, Sở Tư pháp các địa phương có thể tra cứu việc hành nghề của công chứng viên qua phần mềm này, đồng thời đề nghị các Sở Tư pháp tăng cường thực hiện, cập nhật thường xuyên trên phần mềm.

**10.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Thuế chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan tại địa phương tích hợp dữ liệu công chứng với dữ liệu đăng ký đất đai, dữ liệu thuế, đảm bảo chia sẻ và kết nối thông tin công chứng, chứng thực với các ngành, lĩnh vực khác nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC liên quan đến đất đai (UBND TP. Cần Thơ).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ để trong thời gian tới phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc hướng dẫn, chia sẻ, kết nối giữa Cơ sở Dữ liệu về công chứng với các Cơ sở Dữ liệu khác như về đất đai, thuế, hộ tịch điện tử toàn quốc, hệ thống đăng ký giao dịch bảo đảm… theo quy định.

**11.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu xây dựng Hệ thống thông tin Cơ sở Dữ liệu công chứng, chứng thực dùng chung trên phạm vi toàn quốc để hạn chế rủi ro cho công chứng viên khi hành nghề, đặc biệt là các giao dịch liên quan đến động sản (UBND TP. Cần Thơ).*

**Trả lời:**

Thực hiện Điều 62 Luật Công chứng năm 2014, tính đến nay đã có **58/63** địa phương trên cả nước đã xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về công chứng tại địa phương, trong đó đã có một số địa phương đã xây dựng cơ sở dữ liệu về công chứng và chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn, có kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác trên địa bàn. Việc xây dựng và vận hành Cơ sở Dữ liệu công chứng ở địa phương trong những năm qua đã góp phần đáng kể cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động hành nghề công chứng… Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhâ dân Thành phố Cần Thơ để nghiên cứu trong quá trình xây dựng dự án Luật Công chứng (sửa đổi).

**12**. *Đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng hệ thống thông tin quản lý dữ liệu tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên trên phạm vi toàn quốc nhằm quản lý chặt chẽ hơn công chứng viên, rút ngắn thời gian tra cứu cung cấp thông tin về công chứng viên (UBND TP. Cần Thơ).*

**Trả lời:**

Về Phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng, Bộ Tư pháp đã xây dựng, triển khai, đưa vào sử dụng từ tháng 5/2020 và hoạt động ổn định cho tới nay (Bộ Tư pháp đã có các Công văn[[18]](#footnote-18) hướng dẫn Sở Tư pháp các địa phương triển khai, đánh giá thực hiện phần mềm này). Phần mềm có 02 trường thông tin cơ bản là thông tin quản lý về công chứng viên và thông tin về các tổ chức hành nghề công chứng. Khi Sở Tư pháp các địa phương nhập tên công chứng viên vào phần đăng ký hành nghề, trường hợp công chứng viên này đang hành nghề tại địa phương khác và chưa được xóa đăng ký hành nghề, Phần mềm sẽ có hiển thị cụ thể về việc hành nghề của công chứng viên đó. Như vậy, Sở Tư pháp các địa phương có thể tra cứu việc hành nghề của công chứng viên qua phần mềm này, đồng thời đề nghị các Sở Tư pháp tăng cường thực hiện, cập nhật thường xuyên trên Phần mềm.

**13.** *Đề nghị Bộ Tư pháp Hướng dẫn nghiệp vụ đối với trường hợp người dân thỏa thuận, cam kết hủy bỏ hợp đồng/văn bản thỏa thuận trong trường hợp đã nêu tại khoản 2 Mục II Phần thứ hai về một số quy định còn chung chung dẫn đến khó khăn cho đối tượng thực hiện. Cụ thể: Điều 51 Luật Công chứng quy định “1. Việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng chỉ được thực hiện khi có sự thỏa thuận, cam kết bằng văn bản của tất cả những người đã tham gia hợp đồng, giao dịch đó”. Hiện nay, có tình trạng người dân đề nghị công chứng hợp đồng/văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế, sau khi được công chứng, đã làm các thủ tục và được cơ quan Tài nguyên môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, sau đó, tất cả những người này thỏa thuận, cam kết bằng văn bản hủy bỏ hợp đồng/văn bản thỏa thuận đã công chứng. Do chưa có quy định cụ thể nên còn có nhiều quan điểm khác nhau và thực hiện khác nhau (UBND TP. Cần Thơ).*

**Trả lời:**

Theo Điều 51 của Luật Công chứng năm 2014 quy định: “Việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng chỉ được thực hiện khi có sự thỏa thuận, cam kết bằng văn bản của tất cả những người đã tham gia hợp đồng, giao dịch đó”. Như vậy, nếu các bên tham gia hợp đồng, giao dịch thoả thuận, cam kết bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng thì có thể đề nghị công chứng việc sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ đó. Tuy nhiên, trong trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ nêu thì hợp đồng/giao dịch về phân chia di sản thừa kế đã hoàn thành; quyền sử dụng đất đã được chuyển sang cho người thừa kế và không còn là di sản nữa, do vậy không thể yêu cầu hoặc thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ văn bản liên quan đến di sản đó nữa.

**14.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tham mưu Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi các quy định còn bất cập giữa Luật Công chứng với Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Nhà ở… thống nhất các quy định liên quan đến vấn đề thừa kế, xác định tài sản riêng, chung của vợ chồng, tài sản thuộc sở hữu của hộ gia đình,... góp phần tháo gỡ những vướng mắc của địa phương trong việc công chứng hợp đồng, giao dịch, tạo hành lang pháp lý an toàn cho công chứng viên khi hành nghề, nâng cao hiệu quả hoạt động công chứng trong cả nước (UBND TP. Đà Nẵng).*

**Trả lời:**

Về một số quy định còn bất cập, chưa thống nhất giữa Luật Công chứng với Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Nhà ở… liên quan đến hoạt động công chứng như về vấn đề thừa kế, xác định tài sản riêng, chung của vợ chồng, tài sản thuộc sở hữu của hộ gia đình…, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan có văn bản[[19]](#footnote-19) góp ý xây dựng các văn bản nêu trên (trong đó có dự án Luật Đất đai sửa đổi, Luật Nhà ở sửa đổi…) hoặc tham mưu rà soát các văn bản có liên quan đến Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Công chứng… báo cáo cấp có thẩm quyền để đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm góp phần tháo gỡ những vướng mắc của địa phương trong việc công chứng hợp đồng, giao dịch. Bên cạnh đó, tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV từ ngày 23/10 - 29/11/2023, Quốc hội đã xem xét thông qua Luật Nhà ở sửa đổi có hiệu lực từ 01/01/2025 và Luật Kinh doanh bất động sản sửa đổi có hiệu lực từ 01/01/2025.

**15.***Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ sớm trình Quốc hội dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế hiện nay, quy định chặt chẽ hơn về điều kiện thành lập VPCC, điều kiện về công chứng viên, tập sự hành nghề công chứng… nhằm hạn chế tình trạng “thuê, mượn” công chứng viên, tình trạng ghi danh nhưng không tập sự trên thực tế, nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý lĩnh vực công chứng (UBND TP. Đà Nẵng).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị này (sớm trình Luật Công chứng sửa đổi, quy định chặt chẽ hơn về điều kiện thành lập VPCC, điều kiện về công chứng viên, tập sự hành nghề công chứng, vấn đề CCV hợp danh…) của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng và sẽ tổng hợp, nghiên cứu trong quá trình xây dựng dự án Luật Công chứng sửa đổi (dự án Luật này sẽ được Quốc hội khoá 15 cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 vào tháng 5/2024 và được Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 8 vào tháng 10/2024).

**16.***Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ và kiến nghị hướng dẫn chi tiết việc thực hiện biểu mẫu chấm dứt thi hành án và chuyển giao hồ sơ thi hành án đang giải quyết theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP để tránh phát sinh hậu quả pháp lý trong quá trình thi hành án dân sự của Thừa phát lại (UBND TP. Hồ Chí Minh).*

**Trả lời:**

Ngày 07/6/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 967/QĐ-BTP kèm theo Kế hoạch sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại để đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, bất cập, xác định nguyên nhân để đề xuất giải pháp khắc phục đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của địa phương về hướng dẫn chi tiết việc thực hiện biểu mẫu chấm dứt thi hành án và chuyển giao hồ sơ thi hành án đang giải quyết theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP để tránh phát sinh hậu quả pháp lý trong quá trình thi hành án dân sự của Thừa phát lại… và sẽ tổng hợp, nghiên cứu để hoàn thiện pháp luật về thừa phát lại và pháp luật có liên quan, nhất là đánh giá sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

**17.***Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn việc thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại trong trường hợp Văn phòng đã được cho phép thành lập, nhưng đến giai đoạn đăng ký hoạt động lại thay đổi nhân sự so với Đề án đề nghị thành lập Văn phòng Thừa phát lại (UBND tỉnh Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Nghị định số 08/2020/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại được Chính phủ ban hành ngày 08/01/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 24/02/2020. Ngày 07/6/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 967/QĐ-BTP kèm theo Kế hoạch sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại để đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, bất cập, xác định nguyên nhân để đề xuất giải pháp khắc phục đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Đối với kiến nghị của địa phương (về kiến nghị thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại trong trường hợp Văn phòng đã được cho phép thành lập, nhưng đến giai đoạn đăng ký hoạt động lại thay đổi nhân sự so với Đề án đề nghị thành lập Văn phòng Thừa phát lại), Bộ Tư pháp ghi nhận, tổng hợp để nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền trong quá trình hoàn thiện pháp luật về Thừa phát lại trong thời gian tới.

**18.***Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo xem xét, giải đáp những khó khăn vướng mắc được Sở Tư pháp kiến nghị tại Công văn 1783/STP-HCBTTP ngày 16/11/2023 gửi Cục Bổ trợ tư pháp xin ý kiến hướng dẫn nghiệp vụ đối với một số nội dung như sau:*

***18.1. Về việc điều hành của đấu giá viên***

*Khoản 4 Điều 6 Luật đấu giá tài sản quy định: “4. Cuộc đấu giá phải do đấu giá viên điều hành, trừ trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện” và việc điều hành cuộc đấu giá theo hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá của đấu giá viên được quy định tại Điều 42 Luật Đấu giá tài sản.*

*Đối với quy định trên, đề nghị Cục Bổ trợ tư pháp có ý kiến hướng dẫn cụ thể: Tại cuộc đấu giá, đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá có phải* ***trực tiếp điều hành****,* ***thực hiện tất cả các công việc*** *theo trình tự quy định tại Luật đấu giá tài sản không? Đấu giá viên có được giao cho người khác không phải đấu giá viên (người giúp việc, Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu) thay mình thực hiện một số công việc của mình trong khi mình vẫn là người điều hành cuộc đấu giá hay không? Người giúp việc đấu giá viên được giúp đấu giá viên thực hiện những công việc gì trong trình tự tổ chức cuộc đấu giá?*

*Trong trường hợp, tại cuộc đấu giá có tình trạng người không phải là đấu giá viên (Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu) thực hiện một số công việc như: ổn định tổ chức, giới thiệu đại biểu tham dự cuộc đấu giá, giới thiệu cả đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; sau khi kiểm phiếu xong, Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu đại diện Tổ kiểm phiếu thông báo tổng số phiếu phát ra, số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ và công bố cụ thể phiếu không hợp lệ của cuộc đấu giá thì trường hợp này có được coi là cử người không phải là đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá hay không? Có vi phạm quy định tại điểm e khoản 5 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP[[20]](#footnote-20) hay không?*

**Trả lời:**

Luật Đấu giá tài sản tại Điều 6 quy định cuộc đấu giá phải do đấu giá viên điều hành, trừ trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện; tại điểm c khoản 2 Điều 19 quy định đấu giá viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước tổ chức đấu giá tài sản về cuộc đấu giá do mình thực hiện; tại khoản 1 và khoản 2 Điều 42 quy định trình tự đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá theo hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá, trong đó đã quy định cụ thể các nội dung công việc mà đấu giá viên thực hiện.

Do vậy, việc kiểm đếm số phiếu phát ra, số phiếu thu về, công bố từng phiếu trả giá, phiếu trả giá cao nhất là do đấu giá viên thực hiện; đấu giá viên chịu trách nhiệm đối với phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ. Đối với các nội dung công việc khác được thực hiện tại cuộc đấu giá như ổn định tổ chức, giới thiệu đại biểu tham dự cuộc đấu giá, giới thiệu đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá được thực hiện theo Quy chế cuộc đấu giá hoặc theo sự phân công của tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá.

***18.2. Thông báo công khai việc đấu giá tài sản***

*Điều 57 Luật Đấu giá tài sản quy định việc thông báo công khai việc đấu giá tài sản:*

*“1. Ngoài quy định về niêm yết việc đấu giá tài sản quy định tại các**khoản 1, 2 và 3 Điều 35 của Luật này, đối với tài sản đấu giá là động sản có giá khởi điểm từ năm mươi triệu đồng trở lên và bất động sản thì tổ chức đấu giá tài sản phải thông báo công khai ít nhất hai lần trên báo in hoặc báo hình của Trung ương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản đấu giá và Trang Thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản; mỗi lần thông báo công khai cách nhau ít nhất 02 ngày làm việc.*

*3. Thời gian thông báo công khai lần thứ hai ít nhất là 07 ngày làm việc đối với tài sản là động sản, 15 ngày đối với tài sản là bất động sản trước ngày mở cuộc đấu giá. Việc thông báo công khai quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện đồng thời với việc niêm yết đấu giá tài sản quy định tại**khoản 2 Điều 53 của Luật này”**.*

*Đề nghị Bộ Tư pháp (Cục Bổ trợ tư pháp) có hướng dẫn cụ thể về cách tính thời hạn theo quy định tại Điều 57 Luật Đấu giá tài sản? Trường hợp tổ chức đấu giá tài sản đăng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh lần 1 vào ngày 28/12/2022, đăng lần 2 vào ngày 31/12/2022, cuộc đấu giá được tổ chức vào ngày 15/01/2023 thì thời hạn đăng thông báo* *như trên có đảm bảo theo quy định tại Điều 57 Luật Đấu giá tài sản hay không?*

**Trả lời:**

Luật Đấu giá tài sản tại khoản 1, khoản 3 Điều 57 quy định tổ chức đấu giá đăng thông báo công khai việc đấu giá đối với tài sản đấu giá là động sản và bất động sản. Do đó, trường hợp tài sản đấu giá là bất động sản, tổ chức đấu giá tài sản đăng thông báo công khai lần 1 vào ngày 28/12/2022; đăng lần 2 vào ngày 31/12/2022 và cuộc đấu giá được tổ chức vào ngày 15/01/2023 như nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Đấu giá tài sản.

***18.3. Về cách tính số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá***

*Mục 1 phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTP quy định: “Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)...”; bên cạnh đó tiết 3.3 mục 3 Công văn số 1949/BTP-BTTP hướng dẫn: “Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá quy định tại khoản 1 mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTP bao gồm hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản hoặc hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký (áp dụng đối với cả trường hợp đấu giá thành và đấu giá không thành)”.*

*Về vấn đề này, còn có ý kiến khác nhau trong cách hiểu và xác định số lượng hợp đồng của năm trước liền kề. Có ý kiến cho rằng, đơn vị tính của tiêu chí là “hợp đồng”, do vậy, việc tổ chức đấu giá tài sản đã ký và đang triển khai thực hiện thì sẽ được tính, hợp đồng đã được tính thì sẽ không được tính vào năm sau liền kề; tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, việc ký hợp đồng cần phải được triển khai thực hiện xong (kể cả trường hợp đấu giá thành và đấu giá không thành) thì mới được tính. Do vậy, đề nghị Bộ Tư pháp (Cục Bổ trợ tư pháp) có hướng dẫn cụ thể đối với cách tính số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá?*

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP thì một trong các tiêu chí đánh giá là số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá mà tổ chức đấu giá tài sản đã thực hiện trong năm trước liền kề. Theo hướng dẫn tại mục 3.3 Công văn số 1949/BTP-BTTP ngày 14/6/2022 của Bộ Tư pháp về việc triển khai Thông tư số 02/2022/TT-BTP thì hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá quy định tại khoản 1 mục III Phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP bao gồm hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản hoặc hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký (áp dụng đối với cả trường hợp đấu giá thành và đấu giá không thành). Thông tư số 02/2022/TT-BTP không có quy định đối với trường hợp hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản ký và thực hiện từ năm này sang năm khác.

Do đó, đối với các hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá mà tổ chức đấu giá tài sản đã ký và thực hiện ở năm trước liền kề nhưng thực hiện xong hoàn toàn ở năm sau thì tổ chức đấu giá tài sản có thể liệt kê hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại đã thực hiện ở năm trước liền kề và không được liệt kê để tính cho hợp đồng ở năm đã thực hiện xong hoàn toàn hợp đồng hoặc ngược lại.

***18.4. Về tiêu chí nộp thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Mục 6 phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTP quy định tiêu chí nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề. Về vấn đề này, còn có ý kiến khác nhau trong cách hiểu và thực hiện như: Có ý kiến cho rằng, để đảm bảo thực hiện thống nhất và phù hợp với quy định của pháp luật về thuế[[21]](#footnote-21) và Thông tư 02/2022/TT-BTP thì việc hiểu và kê khai số thuế phải nộp của năm trước liền kề trong hồ sơ lựa chọn tổ chức đấu giá là đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, tiêu chí tại mục 6 phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTP quy định là nộp thuế thu nhập doanh nghiệp* *nên chỉ khi nào doanh nghiệp đã nộp thuế thì mới được tính điểm trong hồ sơ năng lực.*

*Do vậy, đề nghị Bộ Tư pháp (Cục Bổ trợ tư pháp) có ý kiến hướng dẫn cụ thể đối với tiêu chí tại mục 6 phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTP?*

**Trả lời:**

Theo Phụ lục I Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP thì năm trước liền kề tại mục 6 phần III *“Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng”* được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12. Căn cứ quy định pháp luật nêu trên, trường hợp tổ chức đấu giá tài sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm trước liền kề (thời điểm tính thuế từ ngày 01/01 đến 31/12) theo quy định của pháp luật về thuế thì số thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước liền kề mà tổ chức đấu giá tài sản đã nộp được sử dụng làm căn cứ để chấm điểm theo mức quy định tại mục 6 phần III của Phụ lục I. Do đó, trường hợp pháp luật về thuế có quy định về việc nộp thuế chậm thì kể từ thời điểm nộp thuế, tổ chức đấu giá tài sản mới được tính để chấm điểm đối với tiêu chí này.

***18.5. Việc cung cấp thông tin không chính xác về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn theo Thông tư 02/2022/TT-BTP***

*Khoản 2 Điều 6 Thông tư 02/2022/TT-BTP quy định “Sau khi có kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều này mà người có tài sản nhận được thông tin của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc có kết quả xác minh khẳng định tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn cố ý cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn thì thực hiện như sau:*

*a) Trường hợp chưa ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thì người có tài sản đấu giá hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản đó;*

*b) Trường hợp đã ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và tổ chức đấu giá tài sản chưa nhận hồ sơ tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá thì người có tài sản đấu giá hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản đồng thời đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đối với tổ chức đấu giá tài sản đó;*

*c) Trường hợp đã ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và tổ chức đấu giá tài sản đã nhận hồ sơ tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và chấm dứt hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản nếu hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có thỏa thuận về vấn đề này hoặc đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản vô hiệu theo quy định của pháp luật”.*

*Tuy nhiên, Thông tư 02/2022/TT-BTP không quy định đối với trường hợp tổ chức đấu giá tài sản cung cấp thông tin không chính xác về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn nhưng đã thực hiện xong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản. Do vậy, đề nghị Bộ Tư pháp (Cục Bổ trợ tư pháp) hướng dẫn cụ thể với trường hợp này?*

**Trả lời:**

Thông tư số 02/2022/TT-BTP tại khoản 2 Điều 6 quy định việc xử lý các trường hợp tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn cố ý cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn, trong đó tại điểm c khoản 2 quy định đối với trường hợp đã ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và tổ chức đấu giá tài sản đã nhận hồ sơ tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá. Do đó, đối với trường hợp tổ chức đấu giá tài sản cố ý cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn nhưng đã thực hiện xong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thì người có tài sản đấu giá căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 để xem xét xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

***18.6. Về thời hạn nộp tiền sử dụng đất sau trúng đấu giá***

*- Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế quy định:*

*“4. Tiền sử dụng đất*

*a) Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo thông báo.*

*b) Chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại theo thông báo”.*

*- Khoản 1, Điều 3 Nghị định 10/2023/NĐ-CP quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành*[*Luật Đất đai*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Luat-dat-dai-2013-215836.aspx) *quy định: “Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong vòng 120 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.”.*

*Có thể thấy, đang có sự không thống nhất về thời hạn nộp tiền và thời hạn hủy kết quả trúng đấu giá tại 02 Nghị định nêu trên. Do vậy, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang xin ý kiến về quan điểm của Bộ Tư pháp, Cục Bổ trợ tư pháp về vấn đề này?*

**Trả lời:**

Luật Đấu giá tài sản quy định trình tự, thủ tục đấu giá các tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá, trong đó có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Liên quan đến thời hạn nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Công văn số 1891/UBND-KTTH ngày 18/4/2023 đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung này theo thẩm quyền. Do đó, đề nghị Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đối với nội dung này.

**19.** *Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Chính phủ trình Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung Điều 7 Luật Đấu giá tài sản quy định rõ về trường hợp được xem là “người mua được tài sản đấu giá ngay tình” (UBND TP. Cần Thơ)*.

**Trả lời:**

Luật Đấu giá tài sản tại Điều 7 quy định việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người mua được tài sản đấu giá ngay tình là phù hợp với quy định về người thứ ba ngay tình quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản không xem xét sửa đổi vấn đề này. Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ có vướng mắc cụ thể liên quan đến vấn đề này thì có văn bản phản ánh tới Bộ Tư pháp để được xem xét, giải quyết kịp thời.

**20.***Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp Bộ Tài chính xem xét sửa đổi Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 theo hướng quy định tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá để lại cho tổ chức đấu giá tài sản sử dụng, không nộp cho người có tài sản, trừ tài sản đấu giá là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật* *(UBND TP. Cần Thơ)*.

**Trả lời:**

Để khắc phục các hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai Thông tư số 45/2017/TT-BTC và Thông tư số 48/2017/TT-BTC, hiện nay, Bộ Tư pháp đang tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính để sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

**21.***Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, tham mưu Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi Luật Đấu giá tài sản theo hướng quy định quy trình, thủ tục chặt chẽ nhưng tinh gọn, tạo điều kiện thuận lợi về nguồn thu dịch vụ cho các tổ chức đấu giá hiện nay để khuyến khích các tổ chức đấu giá đẩy mạnh việc đầu tư, nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô, xây dựng thương hiệu; định hướng và đẩy mạnh việc đấu giá tài sản thuộc sở hữu riêng của cá nhân, tổ chức. Trong thời gian, Quốc hội chưa sửa đổi, bổ sung Luật Đấu giá tài sản, đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể về việc hủy kết quả đấu giá tài sản trong các trường hợp không thuộc điểm b khoản 5 Điều 9 nêu tại khoản 2 Điều 72 và thẩm quyền hủy kết quả đấu giá tài sản tại khoản 4 Điều 72 Luật Đấu giá tài sản; về các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (UBND TP.Đà Nẵng)*.

**Trả lời:**

Thực hiện Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2023 và theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản. Hiện nay, dự thảo Luật đã được Quốc hội khóa XV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 6 và dự kiến được Quốc hội xem xét thông qua tại kỳ họp tháng 5/2024. Việc xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản nhằm tiếp tục thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về xã hội hoá, chuyển đổi số, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; khắc phục những hạn chế, bất cập về thể chế, tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy tính chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, khách quan, tính bền vững của hoạt động đấu giá; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động bán đấu giá tài sản, cũng như công tác quản lý nhà nước về đấu giá tài sản.

Luật Đấu giá tài sản tại Điều 72 đã quy định cụ thể về các trường hợp huỷ kết quả đấu giá tài sản, trong đó, người có tài sản và người trúng đấu giá có thể thoả thuận huỷ kết quả đấu giá, người có tài sản có quyền huỷ bỏ hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản khi tổ chức đấu giá tài sản có hành vi vi phạm về trình tự, thủ tục đấu giá, việc yêu cầu Toà án huỷ kết quả đấu giá tài sản trong trường hợp phát hiện hành vi thông đồng, móc nối, dìm giá dẫn đến làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá, hồ sơ tham gia đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản. Đối với tài sản nhà nước, kết quả đấu giá cũng bị huỷ theo quyết định của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp.

Nghị định số 82/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã đã quy định cụ thể các trường hợp vi phạm hành chính dẫn đến huỷ kết quả đấu giá tài sản. Ngoài ra, pháp luật chuyên ngành cũng có quy định về huỷ quyết định công nhận hoặc phê duyệt kết quả trúng đấu giá, xử lý các hành vi vi phạm sau đấu giá cũng như quy định của pháp luật về đất đai, khoáng sản... Như vậy, Điều 72 Luật Đấu giá tài sản và pháp luật chuyên ngành đã có quy định về các trường hợp thuộc thẩm quyền, trình tự, thủ tục huỷ kết quả đấu giá.

Thực hiện quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, trong đó quy định về các tiêu chí, cách thức đánh giá, chếch điểm việc thông báo kết quả lựa chọn và việc huỷ kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản do tổ chức đấu giá tài sản có hành vi giả mạo hoặc cố ý cung cấp thông tin không chính xác.

**22.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, tham mưu xây dựng chính sách củng cố, nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động đấu giá tài sản; thường xuyên rà soát đội ngũ đấu giá tài sản để nâng cao công tác quản lý đấu giá viên, nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng hành nghề, văn hóa ứng xử và đạo đức nghề nghiệp cho đấu giá viên* *(UBND TP. Đà Nẵng)*.

**Trả lời:**

Nhằm nâng cao chất lượng đấu giá viên, hàng năm, Bộ Tư pháp tổ chức rà soát, thu hồi chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định đối với những người không hành nghề hoặc vi phạm quy định pháp luật; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ đấu giá viên để cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan, nâng cao kỹ năng hành nghề, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ đấu giá viên; cách thức giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình hành nghề...

Để nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ đấu giá viên, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đã sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm hoàn thiện tiêu chuẩn, điều kiện đấu giá viên, như bỏ quy định về các trường hợp được miễn đào tạo nghề đấu giá, nhằm đảm bảo tất cả các đối tượng muốn trở thành đấu giá viên đều được trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ năng hành nghề phù hợp với tính chất nghề nghiệp đấu giá là ngành nghề kinh doanh có điều kiện; bổ sung quy định về trách nhiệm tham gia bồi dưỡng bắt buộc hàng năm đối với đội ngũ đấu giá viên, góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ đấu giá viên trong hoạt động hành nghề (hiện nay, một số chức danh bổ trợ tư pháp khác đã có quy định về bồi dưỡng bắt buộc hàng năm như luật sư, công chứng, thừa phát lại).

**23.***Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính rà soát các quy định pháp luật liên quan đến việc định giá khởi điểm đối với từng loại tài sản đấu giá để quy định việc định giá tài sản đảm bảo sát giá thị trường, hạn chế các tiêu cực phát sinh trong việc đấu giá tài sản; quy định chế tài xử lý nghiêm đối với các tổ chức thẩm định giá có hành vi vi phạm trong hoạt động định giá tài sản, làm ảnh hưởng đến kết quả đấu giá (UBND TP. Đà Nẵng)*.

**Trả lời:**

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đấu giá tài sản, ngày 02/11/2020, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 40/CT-TTg, trong đó đã giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục rà soát pháp luật về xác định giá để làm giá khởi điểm đối với tài sản đấu giá là tài sản công; trường hợp cần thiết thì ban hành hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về vấn đề này, bảo đảm giá khởi điểm tài sản đấu giá sát với giá thị trường; tăng cường giám sát việc tuân thủ pháp luật, quy trình, quy chuẩn tổ chức định giá của các tổ chức, doanh nghiệp thẩm định giá, việc xác định giá khởi điểm tài sản đấu giá là tài sản công gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền; trách nhiệm của người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm của tài sản đấu giá. Trong phạm vi thẩm quyền của mình, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp, cho ý kiến đối với vấn đề nêu trên.

**24.** *Có quy định thống nhất một hình thức đối với việc niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có bất động sản đấu giá là hình thức tổ chức đấu giá tài sản lập văn bản có xác nhận về việc niêm yết của Ủy ban nhân dân cấp xã; nghiên cứu tạo cơ chế chủ động cho địa phương (ví dụ: nơi có từ 1.000 tổ chức hành nghề luật sư trở lên) được quyền quyết định việc phân cấp quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư giữa cấp tỉnh và cấp huyện; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ theo hướng phân cấp cho quận, huyện, cơ quan thuế thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm của tổ chức hành nghề luật sư...* *(UBND TP. Hồ Chí Minh).*

**Trả lời:**

Đối với đề xuất quy định thống nhất một hình thức đối với việc niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có bất động sản đấu giá là hình thức tổ chức đấu giá tài sản lập văn bản có xác nhận về việc niêm yết của Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm làm giảm thủ tục, chi phí cho người có tài sản đấu giá và phù hợp với xu thế phát triển trong thời đại công nghệ 4.0 như hiện nay. Về vấn đề này, Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và sẽ tiếp tục nghiên cứu, để có đề xuất phù hợp tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản được Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV và dự kiến thông qua tại Kỳ họp thứ 7 vào tháng 5/2024.

**25.** *Theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, các đơn vị có tài sản sẽ thực hiện việc đánh giá, chấm điểm và lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản. Tuy nhiên, việc đánh giá, chấm điểm để lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản trong một số trường hợp còn chưa khách quan, công khai, minh bạch; một số tiêu chí thành phần trong Thông tư số 02/2022/TT-BTP còn mang tính chung chung, mang tính chất định tính, dẫn đến việc chấm điểm lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản của người có tài sản đôi lúc cảm tính, không thống nhất. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp sớm sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTP để đảm bảo việc triển khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản đạt hiệu quả cao hơn* *(UBND TP. Hồ Chí Minh).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, sửa đổi Thông tư số 02/2022/TT-BTP, trong đó quy định tiêu chí trụ sở làm việc phải rõ ràng, tránh trường hợp tổ chức đấu giá tài sản thực hiện đấu giá tại địa phương này nhưng trụ sở lại ở tại địa phương khác mà vẫn đạt điểm của tiêu chí đó; tiêu chí về số lượng đấu giá viên phải phù hợp, công bằng giữa đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp đấu giá tài sản; xem xét bỏ quy định trong Luật Đấu giá tài sản quy định mỗi tỉnh phải có Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, vì không thể cạnh tranh với doanh nghiệp đấu giá tài sản (UBND tỉnh Tuyên Quang).*

**Trả lời:**

Thực hiện quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản, để bảo đảm việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản một cách khách quan, minh bạch, khắc phục tình trạng lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là “sân sau” Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản. Qua hơn 01 năm triển khai thi hành cho thấy việc ban hành và triển khai Thông tư số 02/2022/TT-BTP đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất, minh bạch cho người có tài sản thực hiện đánh giá, chấm điểm lựa chọn, thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, qua đó, góp phần lựa chọn được tổ chức đấu giá tài sản có uy tín, năng lực, kinh nghiệm. Tuy nhiên, bên cạnh đó, quá trình thực hiện Thông tư số 02/2022/TT-BTP đã phát sinh một số vướng mắc. Ngày 18/5/2023, Bộ Tư pháp (Cục Bổ trợ tư pháp) đã có Công văn số 605/BTTP-ĐGTS gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị báo cáo kết quả 01 năm thực hiện Thông tư số 02/2022/TT-BTP. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo kết quả 01 năm thực hiện Thông tư, Cục Bổ trợ tư pháp sẽ nghiên cứu, tham mưu cho Bộ trưởng xem xét việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này để khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai Thông tư.

**26.** *Hiện tại, Cổng Thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản hoạt động đôi lúc không ổn định, nhiều tổ chức đấu giá không thể đăng nhập, truy cập để thực hiện các quy trình liên quan đến đấu giá tài sản như: Đăng thông báo công khai thông tin về đấu giá tài sản, xem thông tin về lựa chọn tổ chức đấu giá, công khai kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá. Theo đó, thời gian qua khi thực hiện đăng công khai phải thực hiện vào khoảng thời gian từ 21 giờ trở về sau, từ đó gây ảnh hưởng rất nhiều trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, trong trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình sử dụng Cổng Thông tin thì không thể liên hệ được với số điện thoại Đường dây nóng theo cung cấp của Bộ. Đề nghị Bộ Tư pháp nâng cấp để đảm bảo hiệu quả hoạt động của Cổng Thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời gian tới* *(UBND TP. Hồ Chí Minh).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức đấu giá trực tuyến, hoàn thiện hơn nữa các tính năng của Cổng Thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản, đảm bảo thông tin đấu giá tài sản được đăng tải công khai, khách quan, minh bạch* *(UBND tỉnh Sơn La).*

**Trả lời:**

Thực hiện Luật Đấu giá tài sản, Bộ Tư pháp đã đưa vào vận hành Trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản từ tháng 4/2020. Quá trình triển khai, Trang Thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản đã phát huy hiệu quả trong việc công khai, minh bạch thông tin lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, thông báo công khai việc đấu giá. Tuy nhiên, sau một thời gian vận hành Trang Thông tin đã phát sinh tình trạng chậm, treo, khó truy cập. Sau khi tiếp nhận phản ánh, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo Cục Bổ trợ tư pháp, Cục Công nghệ thông tin rà soát, có biện pháp khắc phục, xử lý trước mắt để Hệ thống hoạt động ổn định. Hiện nay, Trang Thông tin điện tử đấu giá tài sản hoạt động ổn định, truy cập nhanh, không có tình trạng chậm, treo thường xuyên. Bộ Tư pháp đang tiếp tục rà soát, đánh giá hiện trạng kỹ thuật để đề xuất nâng cấp Trang Thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản trong năm 2024 đảm bảo Trang Thông tin vận hành thông suốt, đáp ứng tốt hơn nhu cầu hoạt động đấu giá tài sản.

Ngày 03/7/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định 47/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 62/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản, theo đó, Nghị định số 47/2023/NĐ-CP đã bổ sung một số quy định về hình thức đấu giá trực tuyến theo hướng đảm bảo chặt chẽ, nâng cao tính bảo mật, công khai giá đã trả…, hoàn thiện hơn nữa Cổng Thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trước bối cảnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động đấu giá tài sản theo hướng hoàn thiện hình thức đấu giá trực tuyến, bổ sung chức năng cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến thống nhất do cơ quan quản lý nhà nước quản lý, vận hành.

**27.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp ban hành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định về việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất* *(UBND tỉnh Hải Dương).*

**Trả lời:**

Liên quan đến vấn đề này, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã có các văn bản đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường (là cơ quan chủ trì soạn thảo Thông tư liên tịch) sớm xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định của Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP không còn phù hợp với quy định của Luật Đấu giá tài sản và các văn bản có liên quan. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài nguyên và Môi trường để sớm sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định không còn phù hợp của Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP nêu trên.

**28.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn để thống nhất áp dụng trong việc tổ chức đấu giá đối với một số loại tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua phương thức đấu giá còn quy định tại nhiều văn bản pháp luật khác nhau như đấu giá tài sản là quyền khai thác khoáng sản, tài sản là quyền sử dụng đất trong trường hợp nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất* *(UBND tỉnh Quảng Ninh).*

**Trả lời:**

Luật Đấu giá tài sản là luật về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản, áp dụng thống nhất cho các loại tài sản đấu giá còn các vấn đề trước và sau khi tổ chức đấu giá như việc định giá, xác định giá khởi điểm, quy trình người có thẩm quyền ký hợp đồng dịch vụ đấu giá, chuyển giao và đăng ký quyền sở hữu thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội dung áp dụng đối với tài sản đó.[[22]](#footnote-22) Vì vậy, Luật Đấu giá tài sản không quy định những vấn đề nói trên để tránh chồng chéo với quy định của pháp luật nội dung điều chỉnh đối với loại tài sản đó. Hiện nay, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đã được trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 6 Quốc hộ khoá 15, dự kiến Quốc hội thông qua vào kỳ họp tháng 5/2024, trong đó, đã bổ sung một số quy định liên quan đến tài sản đặc thù *như đấu giá tài sản là quyền khai thác khoáng sản, tài sản là quyền sử dụng đất trong trường hợp nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, đấu giá tài sản là quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, tài sản thi hành án dân sự.*

**29.** *Đề nghị**Bộ Tư pháp nghiên cứu, báo cáo Chính phủ, Quốc hội xem xét, cho phép sửa đổi, bổ sung Luật Đấu giá tài sản trong đó tập trung sửa đổi các quy định về trình tự, thủ tục đấu giá đảm bảo chặt chẽ, khách quan, minh bạch, nâng cao trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm nghề nghiệp của đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản.*

*Có quy định riêng về trình tự, thủ tục đấu giá đối với tài sản đặc thù như quyền sử dụng đất; quyền khai thác khoáng sản… Cụ thể: thời gian bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá dài hơn so với tài sản thông thường; cách thức xác định tiền đặt trước trong trường hợp giá khởi điểm chưa xác định được bằng tiền hoặc theo số lượng khối tài sản và giá khởi điểm cao nhất…; nâng mức tiền đặt cọc tương xứng với giá trị của hàng hóa đấu giá... (UBND tỉnh Sơn La).*

**Trả lời:**

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản kế thừa quan điểm Luật Đấu giá tài sản là luật hình thức, quy định về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản; các nội dung khác thuộc giai đoạn trước khi đấu giá (quy trình đưa tài sản ra đấu giá, xác định giá khởi điểm…) và sau khi đấu giá (phê duyệt kết quả, nộp tiền trúng đấu giá…) thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành; hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản theo hướng chặt chẽ, công khai, minh bạch, khách quan, áp dụng thống nhất cho các loại tài sản đấu giá, đồng thời quy định một số thủ tục riêng đối với một số loại tài sản đặc thù, khắc phục tồn tại, bất cập hiện nay; nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đấu giá tài sản bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật có liên quan; tăng cường trách nhiệm của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản; bảo đảm sự quản lý thống nhất, hiệu quả của Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản; phân công, phân nhiệm rõ ràng, tạo cơ chế phối hợp hiệu quả trong quản lý nhà nước về đấu giá tài sản giữa Nhà nước với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của đấu giá viên.

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đã được Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV và dự kiến thông qua tại Kỳ họp thứ 7 vào tháng 5/2024.

**30.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn việc áp dụng quy định của pháp luật để thực hiện xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với lô đất có diện tích tính thu tiền thuê đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 10 tỷ đồng trở lên đối với các tỉnh miền núi, vùng cao thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 hay điểm a khoản 6 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước* *(đã được sửa đổi, bổ sung) - (UBND tỉnh Tuyên Quang).*

**Trả lời:**

Luật Đấu giá tài sản là luật về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản, áp dụng thống nhất cho các loại tài sản đấu giá. Các vấn đề trước và sau khi tổ chức cuộc đấu giá như xác định giá khởi điểm, thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội dung áp dụng đối với tài sản đó. Việc hướng dẫn, giải đáp các nội dung vướng mắc liên quan đến việc xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.Đối với các nội dung vướng mắc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nêu trên liên quan trực tiếp đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường, không thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

**31.** *Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa, ban hành văn bản QPPL về lĩnh vực đấu giá tài sản để nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước, kịp thời bãi bỏ hoặc thay thế văn bản QPPL về lĩnh vực đấu giá tài sản đã hết hiệu lực thi hành hoặc không còn phù hợp với thực tiễn* *(UBND TP. Đà Nẵng)*.

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian tới, Bộ sẽ thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đấu giá tài sản theo thẩm quyền.

**32.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu đề xuất bổ sung quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, đối với trường hợp công nhận và huỷ bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc để thực hiện (UBND tỉnh Bến Tre).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành quản lý lĩnh vực giám định nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các quy định liên quan đến việc thành lập Văn phòng giám định tư pháp, việc miễn nhiệm giám định viên tư pháp, quy định nâng cao trách nhiệm của cơ quan giám định, trách nhiệm của giám định viên đối với kết luận giám định (UBND TP. Hồ Chí Minh)*

*Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung quy định thống nhất thẩm quyền ban hành quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc giữa các điều luật (UBND tỉnh Phú Yên).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung các trường hợp khác (nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác khác,…) trong quy định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc để địa phương có cơ sở thực hiện (UBND tỉnh Phú Yên).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về giám định tư pháp, như: Bổ sung hoàn thiện quy định về “Trưng cầu giám định tư pháp”, theo hướng: quy định rõ, chặt chẽ hơn về "nội dung yêu cầu giám định" nhằm xác định rõ tính chất “chuyên môn” của nội dung, đối tượng cần giám định; Bổ sung quy định mang tính “phân cấp, phân luồng” trong trưng cầu và thực hiện giám định ở cấp Trung ương và cấp tỉnh (tương tự như định giá tài sản trong tố tụng hình sự). Bổ sung thẩm quyền của các bộ được quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn công nhận cá nhân, tổ chức giám định trong lĩnh vực quản lý.... (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Tư pháp tiến hành tổng kết Luật Giám định tư pháp và dự kiến tổ chức Hội nghị tổng kết Luật vào cuối tháng 12 năm 2020. Theo Báo cáo số 437/BC-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả rà soát, đề xuất việc bổ sung nhiệm vụ lập pháp mới thì sẽ sửa đổi Luật Giám định tư pháp trong giai đoạn 2025 - 2026. Bộ Tư pháp xin ghi nhận các kiến nghị của địa phương, Bộ, ngành để thời gian tới, khi tiến hành sửa Luật Giám định tư pháp, Bộ sẽ rà soát, nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các quy định nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thực tế trong tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp tại địa phương.

**33.** *Đề nghị các Bộ, ngành nghiên cứu báo cáo Chính phủ ban hành văn bản thay thế Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp do việc mức bồi dưỡng theo quy định tại Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg không còn phù hợp với chỉ số giá tiêu dùng và mức lương tối thiểu tăng nhiều lần trong thời gian qua. Với những vụ việc giám định phức tạp, đòi hỏi chuyên môn cao mà mức bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày mà phải chịu trách nhiệm pháp lý lớn, không phù hợp với tính chất lao động đặc thù nên không bảo đảm ý nghĩa động viên, thu hút các chuyên gia giỏi tham gia vào hoạt động giám định tư pháp (UBND các tỉnh Ninh Thuận, Phú Yên, Sơn La).*

*Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu phối hợp với Bộ Tài chính kiến nghị với Chính phủ quan tâm chế độ, chính sách đối với người giám định tư pháp theo vụ việc; mức hưởng chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp nhằm tạo sự động viên, khích lệ cho những người đang thực hiện công tác này (UBND tỉnh Sơn La).*

**Trả lời:**

Theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện kết luận kiểm tra của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tiêu cực, Bộ Tư pháp được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp.Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đã có văn bản số 5669/BTP-BTTP ngày 21/11/2023 gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để tổ chức, chỉ đạo việc rà soát, đề xuất nội dung sửa đổi chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp.

**34.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn địa phương trong việc đánh giá về tổ chức, chất lượng hoạt động giám định tư pháp hàng năm (UBND tỉnh Ninh Thuận).*

**Trả lời:**

Việc đánh giá về tổ chức, chất lượng hoạt động giám định tư pháp trong các lĩnh vực cần căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương, thông tin đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp của cơ quan tiến hành tố tụng của địa phương và hướng dẫn của các Bộ, ngành quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp.

**35.** *Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung quy định, hướng dẫn cụ thể đối tượng “cá nhân, tổ chức khác” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Luật Giám định tư pháp (UBND tỉnh Phú Yên).*

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật Giám định tư pháp (Điều 23) khi thực hiện giám định tư pháp người giám định tư pháp có quyền *"sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm bổ sung hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác thực hiện nhằm phục vụ cho việc giám định"*. Đối với từng loại việc, trong quá trình thực hiện giám định, người giám định tư pháp có thể sử dụng các kết quả, kết luận của tổ chức chuyên môn có liên quan đến nội dung cần làm rõ để phục vụ cho việc giám định.

**36.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp Bộ, ngành có liên quan tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu trong các lĩnh vực: đấu giá tài sản, giám định tư pháp, tư vấn pháp luật, hòa giải thương mại, trọng tài thương mại, quản tài viên (UBND các tỉnh, thành phố Cần Thơ, Bình Định, Phú Thọ, Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Thực hiện nhiệm vụ quản lý chung về giám định tư pháp, hằng năm, Bộ Tư pháp chủ động, phối hợp với các Bộ, ngành để tập huấn về kiến thức pháp lý và nghiệp vụ giám định cho đội ngũ người làm giám định tư pháp. Năm 2023, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính tổ chức các lớp tập huấn. Đồng thời, Bộ Tư pháp thường xuyên cử báo cáo viên hỗ trợ các địa phương tổ chức tập huấn, bồi dưỡng.

**XI. CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**1.** *Hệ thống Phần mềm quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý thường xuyên bị lỗi truy cập khi vào thời điểm cập nhật số liệu phục vụ công tác báo cáo, nên phần nào làm ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành báo cáo định kỳ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp đảm bảo tăng cường hơn nữa chất lượng hoạt động Hệ thống nhằm tạo điều kiện cho người thực hiện trợ giúp pháp lý được thuận lợi khi cập nhật hồ sơ, trích suất số liệu được đảm bảo thường xuyên và thuận lợi hơn (UBND tỉnh Hậu Giang).*

**Trả lời**:

Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý là Phần mềm được Bộ Tư pháp xây dựng và chính thức triển khai trên toàn quốc từ tháng 01/2019. Hệ thống cho phép cập nhật chi tiết thông tin tổ chức, nhân sự, vụ việc, việc trợ giúp pháp lý; quản lý, cho phép trích xuất số liệu thống kê theo quy định của ngành Tư pháp và cung cấp số liệu cho các báo cáo.

Thời gian vừa qua, Bộ Tư pháp luôn hỗ trợ kỹ thuật, tiếp nhận ý kiến của địa phương và nghiên cứu hoàn thiện các chức năng trên Hệ thống. Tuy nhiên, Hệ thống bị lỗi truy cập do một số nguyên nhân sau: (i) Số lượng vụ việc hàng năm đều tăng so với năm trước, đặc biệt là các vụ việc tham gia tố tụng dẫn đến số lượng tài liệu đính kèm trong mỗi vụ việc ngày một tăng cao trong khi dung lượng lưu trữ của Hệ thống vẫn còn hạn chế, gây lỗi gián đoạn Hệ thống; (ii) Phần mềm bị quá tải khi cùng một thời điểm có lượng người truy cập lớn, tập trung vào những thời điểm cao điểm (trích xuất báo cáo phục vụ công tác thống kê); (iii) Bộ Tư pháp đang triển khai Dự án "Đầu tư hạ tầng Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp" đã tác động đến đến hạ tầng kỹ thuật chung của Bộ dẫn đến hoạt động của Hệ thống cũng bị ảnh hưởng. Hiện nay, Bộ phận hỗ trợ kỹ thuật đã cố gắng khắc phục tình trạng trên và tích cực hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn địa phương.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan xem xét, đề nghị Quốc hội có lộ trình sửa đổi, bổ sung Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, theo hướng: Những người có chức danh tư pháp và chuyên viên làm công tác pháp luật tại các cơ quan nhà nước đã nghỉ hưu, không phân biệt sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hay không đều đảm bảo đủ điều kiện làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý nhằm huy động đông đảo nguồn lực xã hội đóng góp cho công tác trợ giúp pháp lý (UBND tỉnh Phú Thọ).*

**Trả lời**:

Theo Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV không có nội dung nghiên cứu, rà soát đưa Luật Trợ giúp pháp lý vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV. Theo Chương trình hành động của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp (Chương trình số 82-Ctr/BCSĐ) thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 được thực hiện trong giai đoạn 2024 - 2027. Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới để có đề xuất phù hợp.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan xem xét đề nghị: Không phân hạng thẩm định trợ giúp viên pháp lý thẩm định vụ việc trợ giúp pháp lý vì theo Thông tư số 06/2023/TT-BTP ngày 18/9/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực Tư pháp. Tại phụ lục VIII mô tả vị trí việc làm của trợ giúp viên pháp lý hạng III, thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ “2. Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý của trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công. 3. Đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công của trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công”. Như vậy, trợ giúp viên pháp lý hạng III không được thẩm định vụ việc của trợ giúp viên pháp lý hạng I và II trong khi đó không có hướng dẫn cụ thể của văn bản nào về nội dung này (UBND tỉnh Phú Thọ).*

**Trả lời**:

Theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BTP ngày 05/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý thì trợ giúp viên pháp lý hạng I có nhiệm vụ: *“Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý của trợ giúp viên pháp lý hạng I, trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công của Lãnh đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước”* và *“Đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công của trợ giúp viên pháp lý hạng I, trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công”*; trợ giúp viên pháp lý hạng II có nhiệm vụ: *“Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý của trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III, người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công của Lãnh đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước”* và *“Đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công của trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III, người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công”*.

Nội dung này phù hợp với Bảng mô tả vị trí việc làm của trợ giúp viên pháp lý hạng I, trợ giúp viên pháp lý hạng II tại phụ lục VIII của Thông tư số 06/2023/TT-BTP ngày 18/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực Tư pháp: trợ giúp viên pháp lý hạng I: *“2. Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý của trợ giúp viên pháp lý hạng I, trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công của Lãnh đạo đơn vị. 3. Đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công của trợ giúp viên pháp lý hạng I, trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công”*; trợ giúp viên pháp lý hạng II: *“2. Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý của trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III, người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công của Lãnh đạo đơn vị. 3. Đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công của trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III, người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công”*.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 144/2017/NĐ-CP theo hướng: Bổ sung hướng dẫn cụ thể về hình thức đại diện ngoài tố tụng để đảm bảo cơ sở pháp lý trong quá trình thực hiện vụ việc đại diện ngoài tố tụng; Sửa đổi quy định về điều kiện khó khăn về tài chính theo hướng mở rộng thêm những trường hợp có hoàn cảnh khó khăn nhưng không thuộc hộ cận nghèo, không có trợ cấp xã hội, ví dụ: trường hợp người là nạn nhân bị bán ra nước ngoài rất nhiều năm khi trở về không có giấy tờ, không có người thân hoặc người thân rất khó khăn; trường hợp người sống lang thang, vô gia cư…; nâng mức bồi dưỡng cho trợ giúp viên pháp lý khi tham gia đại diện ngoài tố tụng bằng với mức bồi dưỡng khi tham gia tố tụng nhằm khuyến khích, động viên các trợ giúp viên pháp lý khi thực hiện hoạt động đại diện ngoài tố tụng cho các đối tượng được trợ giúp pháp lý (UBND tỉnh Phú Thọ).*

**Trả lời**:

Ngày 31/8/2023, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 4054/BTP-TGPL gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc báo cáo kết quả triển khai thi hành Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý. Trên cơ sở tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình triển khai thi hành của các địa phương, Bộ Tư pháp sẽ báo cáo Chính phủ kết quả triển khai thi hành Nghị định số 144/2017/NĐ-CP và có phương hướng, lộ trình để nghiên cứu xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, khắc phục những bất cập hiện tại.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Cục Trợ giúp pháp lý nghiên cứu nâng cấp Phần mềm Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý vì Phần mềm hiện nay có rất nhiều bất cập: Chưa có trường thông tin tìm kiếm các vụ việc theo địa chỉ của người được trợ giúp pháp lý, mặt khác, do trường thông tin về địa chỉ là trường không bắt buộc nên một số trợ giúp viên pháp lý không cập nhật lên Phần mềm dẫn đến việc tìm kiếm vụ việc theo địa bàn còn khó khăn; Tại các thời điểm gần đến hạn nộp báo cáo thống kê, phần mềm thường không truy cập được do lượng người truy cập quá đông dẫn đến quá tải và bị lỗi; Các tài khoản cá nhân của trợ giúp viên không thống kê được các vụ việc đã kết thúc trong khoảng thời gian nhất định; Tài khoản admin của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước không sửa được ngày kết thúc của các vụ việc đã kết thúc nhầm dẫn đến khi trợ giúp viên điền nhầm ngày kết thúc phải gửi công văn đề nghị Cục Trợ giúp pháp lý xoá vụ việc sau đó nhập lại rất mất thời gian; Phần giai đoạn tiếp nhận vụ việc trợ giúp pháp lý chưa có nội dung từ giai đoạn khởi kiện hoặc tin báo dẫn đến khi gặp trường hợp này phải chọn nội dung từ giai đoạn điều tra hoặc xét xử là không đúng với bản chất vụ việc; Việc nhập bảng kê thời gian và thẩm định hồ sơ trên phần mềm là không cần thiết vì đã làm trực tiếp trên hồ sơ giấy, nếu phải thực hiện đầy đủ sẽ rất mất công và tốn thời gian UBND các tỉnh Phú Thọ, Quảng Ninh).*

**Trả lời**:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu xây dựng và triển khai Dự án Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý. Dự án này sẽ trang bị hạ tầng tích hợp, đồng bộ với hạ tầng của Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp và các hạng mục khác như Cổng Thông tin điện tử trợ giúp pháp lý Việt Nam, các Phần mềm nghiệp vụ, Hệ thống thông tin trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý… Do đó, người dùng sẽ có các Phần mềm nghiệp vụ mới thay thế cho Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý (sẽ khắc phục những bất cập của Phần mềm hiện nay) nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc tích hợp toàn bộ dữ liệu từ Phần mềm cũ. Đề nghị địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp (qua Cục Trợ giúp pháp lý) trong việc khảo sát, xây dựng các yêu cầu nghiệp vụ của các phân hệ Phần mềm trong Dự án để làm cơ sở cho việc xây dựng Phần mềm nghiệp vụ bám sát với nhu cầu thực tiễn.

Đối với nội dung “*Chưa có trường thông tin tìm kiếm các vụ việc theo địa chỉ của người được trợ giúp pháp lý, mặt khác, do trường thông tin về địa chỉ là trường không bắt buộc nên một số trợ giúp viên pháp lý không cập nhật lên phần mềm dẫn đến việc tìm kiếm vụ việc theo địa bàn còn khó khăn”*: Hiện tại, Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý có trường thông tin địa chỉ của người được trợ giúp pháp lý để người dùng nhập dữ liệu và khai thác dữ liệu trong các hồ sơ điện tử việc trợ giúp pháp lý, vụ việc trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên, do đặc thù giao diện tương tác với người dùng không thể quá phức tạp nên các tiêu chí tìm kiếm trong Form Danh sách vụ việc, Danh sách vụ việc được phân công, Theo dõi tình hình giải quyết vụ việc chỉ rút gọn lại là những trường thông tin cơ bản nhất của hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý như: Hình thức trợ giúp pháp lý, lĩnh vực, diện người được trợ giúp pháp lý, mã vụ việc trợ giúp pháp lý… Người dùng có thể mở hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý để khai thác thêm thông tin về địa chỉ của người được trợ giúp pháp lý đã nhập dựa vào mã hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý, Họ tên người được trợ giúp pháp lý… Mặt khác, việc thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý đã căn cứ vào địa bàn, thẩm quyền của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và đơn đề nghị của người yêu cầu/người được trợ giúp pháp lý. Vì vậy, trước mắt, người dùng có thể tra cứu và rà soát các đối tượng đã được trợ giúp pháp lý dựa trên thông tin về tổ chức thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý. Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, xây dựng và triển khai Dự án, qua đó người dùng sẽ có riêng một phân hệ quản lý, lưu trữ, tìm kiếm và khai thác thông tin về người đã được trợ giúp pháp lý và có thể tra cứu, rà soát đầy đủ thông tin của những người đã được trợ giúp pháp lý theo địa bàn dựa trên nhu cầu tìm kiếm của địa phương.

Đối với nội dung *“Tại các thời điểm gần đến hạn nộp báo cáo thống kê, phần mềm thường không truy cập được do lượng người truy cập quá đông dẫn đến quá tải và bị lỗi”*: Thời gian vừa qua, Bộ Tư pháp luôn hỗ trợ kỹ thuật, tiếp nhận ý kiến của địa phương và nghiên cứu hoàn thiện các chức năng trên Hệ thống. Hệ thống có thể bị quá tải, không truy cập được do một số nguyên nhân sau: (i) Số lượng vụ việc hàng năm đều tăng so với năm trước, đặc biệt là các vụ việc tham gia tố tụng dẫn đến số lượng tài liệu đính kèm trong mỗi vụ việc ngày một tăng cao trong khi dung lượng lưu trữ của Hệ thống vẫn còn hạn chế, gây lỗi gián đoạn Hệ thống; (ii) Phần mềm bị quá tải khi cùng một thời điểm có lượng người truy cập lớn, tập trung vào những thời điểm cao điểm (trích xuất báo cáo phục vụ công tác thống kê); (iii) Bộ Tư pháp đang triển khai Dự án "Đầu tư hạ tầng Trung tâm Dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp" đã tác động đến đến hạ tầng kỹ thuật chung của Bộ dẫn đến hoạt động của Hệ thống cũng bị ảnh hưởng. Hiện nay, Bộ phận hỗ trợ kỹ thuật đã cố gắng khắc phục tình trạng trên và tích cực hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn địa phương.

Đối với nội dung *“Các tài khoản cá nhân của trợ giúp viên không thống kê được các vụ việc đã kết thúc trong khoảng thời gian nhất định”*: Hiện tại, mục Theo dõi tình hình giải quyết vụ việc cho phép lãnh đạo Trung tâm, admin của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước có thể tra cứu, tổng hợp danh sách vụ việc theo các tiêu chí: họ tên người thực hiện trợ giúp pháp lý, ngày thụ lý, ngày kết thúc,… Trong trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tìm kiếm, thống kê vụ việc trợ giúp pháp lý theo ngày kết thúc, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể báo admin của Trung tâm trích xuất danh sách vụ việc trợ giúp pháp lý trong mục Theo dõi tình hình giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý theo ngày kết thúc. Trong thời gian tới, Dự án Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý được xây dựng và triển khai sẽ cung cấp thêm cho người dùng phân hệ quản lý việc trợ giúp pháp lý, vụ việc trợ giúp pháp lý.

Đối với nội dung *“Tài khoản admin của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước không sửa được ngày kết thúc của các vụ việc đã kết thúc nhầm dẫn đến khi trợ giúp viên điền nhầm ngày kết thúc phải gửi công văn đề nghị Cục Trợ giúp pháp lý xoá vụ việc sau đó nhập lại rất mất thời gian”*: Đối với các vụ việc trợ giúp pháp lý đã cập nhật lên Hệ thống, dữ liệu sẽ được tổng hợp định kỳ, đột xuất theo yêu cầu về công tác thống kê báo cáo và cơ quan quản lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý. Dữ liệu này cần tính chính xác, ổn định và có sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý. Ngay khi nhận được đề nghị xoá hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý do nhầm lẫn về ngày kết thúc, Cục Trợ giúp pháp lý sẽ phối hợp với địa phương trực tiếp tiến hành rà soát, kiểm tra hồ sơ vụ việc và hỗ trợ xoá hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý theo đề nghị của địa phương hoặc phối hợp với Cục Công nghệ thông tin thuộc Bộ Tư pháp để xử lý các trường hợp phức tạp. Bên cạnh đó, đề nghị các Trung tâm quán triệt người thực hiện trợ giúp pháp lý cần cập nhật kịp thời, chính xác thông tin hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý, hạn chế tình trạng nhầm lẫn nêu trên.

Đối với nội dung *“Phần giai đoạn tiếp nhận vụ việc trợ giúp pháp lý chưa có nội dung từ giai đoạn khởi kiện hoặc tin báo dẫn đến khi gặp trường hợp này phải chọn nội dung từ giai đoạn điều tra hoặc xét xử là không đúng với bản chất vụ việc”*, *“Việc nhập bảng kê thời gian và thẩm định hồ sơ trên Phần mềm là không cần thiết vì đã làm trực tiếp trên hồ sơ giấy, nếu phải thực hiện đầy đủ sẽ rất mất công và tốn thời gian”*: Nội dung này đã được Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý) tiếp thu, tổng hợp và thực hiện bổ sung trên phân hệ quản lý việc trợ giúp pháp lý, vụ việc trợ giúp pháp lý của Dự án mà Cục Trợ giúp pháp lý đang nghiên cứu, xây dựng và triển khai trong thời gian tới.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đề xuất Chính phủ xây dựng chính sách, hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương cho những địa phương còn khó khăn, chưa bảo đảm được nguồn kinh phí cho hoạt động trợ giúp pháp lý (UBND tỉnh Phú Thọ).*

**Trả lời**:

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 59/2020/TT-BTC ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giai đoạn 2016 - 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình và đã kết thúc giai đoạn thực hiện. Hiện nay, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: (i) Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; (ii) Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; (iii) Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định những nội dung cụ thể để triển khai các hoạt động trợ giúp pháp lý trên địa bàn. Do đó, đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quan tâm, bố trí kinh phí từ Ngân sách Trung ương dành cho hoạt động trợ giúp pháp lý trên địa bàn theo quy định trong các Chương trình mục tiêu quốc gia.

**7.** *Đề nghị Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý) có hướng dẫn cụ thể về phương thức thực hiện cũng như quy định trang thiết bị cần thiết, mẫu maket tại điểm cầu Trung tâm đồng bộ thống nhất cho một Phiên Toà xét xử trực tuyến để các địa phương triển khai thực hiện (UBND tỉnh Quảng Nam).*

**Trả lời**:

Tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 15/12/2021 của Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức Phiên Tòa trực tuyến quy định *“…Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước phải bảo đảm điều kiện kỹ thuật, công nghệ, không gian tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 5 của Thông tư liên tịch này…”*[[23]](#footnote-23).

Hiện nay, Chánh án Toà án nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định số 50/QĐ-TANDTC ngày 14/03/2022 về việc Hướng dẫn về trang bị, lắp đặt thiết bị phục vụ tổ chức Phiên Toà xét xử trực tuyến cho phòng xử án của Toà án các cấp. Quyết định này cho phép các Toà án căn cứ vào tình hình thực tế tại mỗi địa phương để dự toán, xây dựng, vận hành điểm cầu của mình đảm bảo tiêu chuẩn về thông số kỹ thuật, trang thiết bị, số lượng thiết bị lắp đặt cho điểm cầu của mình. Do vậy, khi thiết lập điểm cầu tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước là một điểm cầu thành phần trong Phiên Tòa xét xử trực tuyến, các Trung tâm cần phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương để chuẩn bị về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc xây dựng/vận hành điểm cầu đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP và đảm bảo kết nối với điểm cầu tại Toà.

**8.** *Đề nghị Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp tham mưu cho các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định về định mức kinh phí trợ giúp pháp lý: bỏ quy định về số buổi thanh toán tối đa bồi dưỡng vụ việc, tăng mức khoán bồi dưỡng thực hiện các vụ việc phức tạp, điển hình (UBND tỉnh Quảng Ninh).*

**Trả lời**:

- Việc quy định về thù lao, bồi dưỡng thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý của người thực hiện trợ giúp pháp lý hiện nay được quy định tại Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý. Để có cơ sở hướng dẫn thực hiện, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 02/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 về hướng dẫn cách tính thời gian theo buổi làm việc thực tế và khoán chi vụ việc trợ giúp pháp lý. Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định mức thanh toán tối đa (không quá 30 buổi làm việc/01 vụ việc theo hình thức buổi làm việc thực tế và tối đa không quá 10 mức lương cơ sở/01 vụ việc theo hình thức khoán chi vụ việc). Việc quy định về mức thanh toán tối đa trên 01 vụ việc tại Nghị định 144/NĐ-CP là cần thiết để có căn cứ xác định mức thù lao, bồi dưỡng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý cũng như bảo đảm cho việc thanh quyết toán, bảo đảm hiệu quả ngân sách, đúng quy định về trợ giúp pháp lý.

- Đề nghị tăng mức khoán bồi dưỡng thực hiện vụ việc phức tạp điển hình: Hiện nay Thông tư số 02/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn cách tính thời gian theo buổi làm việc thực tế và khoán chi vụ việc trợ giúp pháp lý đã có quy định cụ thể về cách tính thời gian theo tính chất của từng vụ việc, theo đó việc xác định thời gian thực hiện vụ việc của người thực hiện trợ giúp pháp lý được tính dựa trên tính chất phức tạp của vụ việc, ví dụ: đối với lĩnh vực hình sự thì cách tính thời gian để làm căn cứ thanh toán thù lao, bồi dưỡng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý được chia ra theo tính chất về phân loại tội phạm trong đó mức thanh toán cao nhất là thực hiện vụ việc đối với tội phạm đặc biêt nghiêm trọng, đối với vụ việc tham gia tố tụng dân sự và hành chính cũng chia theo tính chất phức tạp hoặc không phức tạp của vụ việc để thực hiện thanh toán. Đồng thời, Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định mức thanh toán tối đa cho 01 vụ việc là không quá 30 buổi làm việc/01 vụ việc theo hình thức buổi làm việc thực tế và tối đa không quá 10 mức lương cơ sở/01 vụ việc theo hình thức khoán chi vụ việc (nội dung này trong quá trình xây dựng đã tham khảo cũng như có ý kiến các cơ quan liên quan thuộc thẩm quyền có ý kiến).

**9.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho người thực hiện trợ giúp pháp lý (UBND tỉnh Quảng Ninh).*

**Trả lời**:

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ dành cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý luôn được Bộ Tư pháp quan tâm, chú trọng, đẩy mạnh thực hiện. Trong năm 2023, Bộ Tư pháp đã tổ chức được nhiều lớp tập huấn kỹ năng về trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực dân sự, hành chính, hình sự, tố tụng hình sự, lớp tập huấn văn bản về trợ giúp pháp lý. Trong những năm tiếp theo, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kỹ năng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý và chuyên viên pháp lý của các Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước.

**10.** *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn thống kê đối với một số vụ việc tham gia tố tụng đã xét xử sơ thẩm gần ngày chốt số liệu (ngày 31/5 và ngày 31/12) để tránh việc điều chỉnh số liệu khi nhập ngày kết thúc vụ việc (UBND tỉnh Quảng Ninh).*

**Trả lời**:

Việc thống kê vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng nói riêng và vụ việc TGPL nói chung được hướng dẫn cụ thể tại phụ lục giải thích Biểu mấu số 25/BTP/TGPL về số vụ việc trợ giúp pháp lý ban hành kèm Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp, theo đó, vụ việc trợ giúp pháp lý được coi là kết thúc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Thực hiện xong yêu cầu hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý theo hình thức trợ giúp pháp lý thể hiện trong đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý;

+ Thuộc một trong các trường hợp không tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Trợ giúp pháp lý;

+ Bị đình chỉ theo quy định của pháp luật.

Như vậy, vụ việc tham gia tố tụng đã xét xử sơ thẩm gần ngày chốt số liệu (ngày 31/5 và ngày 31/12) không ảnh hưởng đến việc nhập ngày kết thúc vụ việc. Vụ việc tham gia tố tụng đã xét xử sơ thẩm đó được coi là kết thúc hay chưa phụ thuộc vào yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý thể hiện trong đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý.

**11.** *Đề nghị Cục Trợ giúp pháp lý tham mưu cho Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan rà soát các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý để kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đảm bảo các quy định của pháp luật không bị chồng chéo, gây khó khăn cho hoạt động trợ giúp pháp lý tại cơ sở cũng như đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp cho những đối tượng được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu (UBND tỉnh Yên Bái).*

**Trả lời**:

Trong quá trình tham mưu cho Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Cục Trợ giúp pháp lý đã tích cực rà soát đảm bảo tính khả thi của các quy định pháp luật trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát hiện có vướng mắc, bất cập, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái nêu cụ thể và gửi về Bộ Tư pháp để có cơ sở nghiên cứu, tham mưu sửa đổi phù hợp.

**12.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách tiếp nối Quyết định số 32/2016/QĐ-TTG ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý của người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 – 2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình để đảm bảo điều kiện cho người được trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Yên Bái được thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý (UBND tỉnh Yên Bái).*

**Trả lời**:

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030, Bộ Tư pháp đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tăng cường hoạt động trợ giúp pháp lý cho người thuộc hộ nghèo, người được trợ giúp pháp lý giai đoạn 2023 - 2030. Ngày 03/7/2023, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2749/BTP-TGPL lấy ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự thảo Quyết định. Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan rà soát các hoạt động để có đề xuất giải pháp khả thi, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước trong thời gian tới.

**XII. VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng và hoàn thiện Cơ sở Dữ liệu về các vụ việc và vướng mắc pháp lý, bởi đây là nguồn dữ liệu rất quan trọng, có ý nghĩa to lớn không chỉ với hoạt động hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa với hoạt động của nghề luật sư, hoạt động trợ giúp pháp lý, hoạt động xét xử, giảng dạy và nghiên cứu khoa học pháp lý (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoạt động xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở Dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý là một trong các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Như ý kiến của địa phương, việc hình thành Cơ sở Dữ liệu này là rất quan trọng có ý nghĩa to lớn không chỉ với hoạt động hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa với hoạt động của nghề luật sư, hoạt động trợ giúp pháp lý, hoạt động xét xử, giảng dạy và nghiên cứu khoa học pháp lý. Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp triển khai xây dựng và duy trì Trang Thông tin điện tử về hỗ trợ pháp lý dành cho doanh nghiệp, trong đó đã tăng cường việc cập nhật các dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, Bộ Tư pháp chủ trì tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở Dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý trên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cơ sở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự cập nhật trên Cổng Thông tin điện tử của mình các thông tin liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Nghị định này, gửi cho Bộ Tư pháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tự cập nhậtđể Bộ Tư pháp cập nhật trên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngoài ra, theo quy định của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật và đăng tải các bản án, quyết định của Tòa án; phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành mà Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là một bên có liên quan lên Cổng Thông tin điện tử của mình. Tuy nhiên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự cập nhật trên Cổng Thông tin điện tử của mình và gửi Bộ Tư pháp còn hạn chế nên Bộ Tư pháp không có dữ liệu để cập nhật. Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện hơn nữa nội dung này.

Ngoài ra, Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2030”, có hoạt động xây dựng Cổng Thông tin điện tử quốc gia về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, người làm công tác pháp chế, người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và đội ngũ tư vấn viên, tuyên truyền viên pháp luật. Bộ Tư pháp sẽ phối hợp các Bộ, ngành, địa phương triển khai nội dung này trong thời gian tới.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho mạng lưới tư vấn pháp luật cấp tỉnh; trong đó, cần tập trung vào các chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp với nội dung là các lĩnh vực pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Coi trọng chất lượng nguồn lực hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp (UBND tỉnh Bình Định).*

**Trả lời:**

Trên cơ sở Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP), Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19/01/2021 phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025. Triển khai Chương trình này, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tăng cường tổ chức các công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho mạng lưới tư vấn pháp luật trực tiếp hoặc thông qua các đơn vị, tổ chức có năng lực. Bên cạnh đó, qua gần 15 năm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hầu hết các Bộ và cơ quan ngang Bộ, địa phương đã ban hành các Kế hoạch hoặc Chương trình triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo quy định của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị các địa phương quan tâm tổ chức, đẩy mạnh các hoạt động theo kế hoạch đã ban hành.

**3.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025”, hướng dẫn địa phương thực hiện các nhiệm vu, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian tới (UBND tỉnh Bến Tre).*

**Trả lời:**

Ngày 05/9/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã có Quyết định số 2147/QĐ-BTP ban hành Kế hoạch tổng thể thực hiện Đề án: “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030” và Quyết định số 2148/QĐ-BTP ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030” năm 2023. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể tham khảo để triển khai thực hiện Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/04/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2030”. Theo đó việc triển khai chi tiết các hoạt động sẽ được thực hiện trong từng năm đảm bảo đúng yêu cầu của Quyết định số 345/QĐ-TTg. Đề nghị các địa phương quan tâm hỗ trợ Bộ Tư pháp triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Ngoài ra, theo Quyết định số 345/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ nội dung Đề án và điều kiện của địa phương, ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án trong cả giai đoạn (hoặc lồng ghép vào Chương trình hỗ trợ pháp lý của địa phương), định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, đề nghị các địa phương rà soát để thực hiện việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 345/QĐ-TTg hoặc lồng ghép vào Chương trình hỗ trợ pháp lý của địa phương.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, sớm rà soát, sửa đổi, bổ sung đối với các quy định tại các thông tư hiện hành liên quan đến kinh phí tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, tổ chức hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết, tổ chức khảo sát, hay xây dựng, duy trì, cập nhật, khai thác các Cơ sở Dữ liệu theo hướng tăng cường kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để địa phương có cơ sở điều chỉnh các nội dung, mức chi cho hợp lý, đảm bảo được điều kiện thực hiện cho các công tác hỗ trợ doanh nghiệp nói chung và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng (UBND TP. Đà Nẵng).*

**Trả lời:**

Theo Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2030”, một trong các nhiệm vụ là hoàn thiện khung pháp lý về tăng cường hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó có nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số [55/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-55-2019-nd-cp-ho-tro-phap-ly-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-384245.aspx) ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có nội dung liên quan đến kinh phí hoạt động hỗ trợ pháp lý. Trên cơ sở sửa đổi, bổ sung Nghị định số [55/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-55-2019-nd-cp-ho-tro-phap-ly-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-384245.aspx), Bộ Tư pháp sẽ phối hợp Bộ Tài chính để sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến nội dung này.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có tài liệu, hướng dẫn nghiệp vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tăng cường tổ chức các lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng hỗ trợ pháp lý cho đội ngũ cán bộ, công chức tại địa phương (UBND TP. Đà Nẵng).*

**Trả lời:**

Triển khai Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19/01/2021 phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025, Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều hoạt động tập huấn kiến thức, kỹ năng hỗ trợ pháp lý cho đội ngũ cán bộ, công chức địa phương và doanh nghiệp; xây dựng tài liệu, hướng dẫn nghiệp vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đề nghị địa phương cập nhật thông tin trên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Tư pháp.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, ghi nhận tổ chức đại diện cho doanh nghiệp là chủ thể độc lập thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm phát huy vai trò của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (UBND tỉnh Hải Dương).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu ý kiến này. Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030” đã nêu quan điểm “*Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức đại diện doanh nghiệp; giữa Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức cung ứng dịch vụ pháp lý trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp*”; mục tiêu “*Xây dựng và duy trì cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Trung ương và địa phương, giữa cơ quan quản lý nhà nước với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật hiệu quả liên quan đến doanh nghiệp; triển khai các giải pháp xã hội hóa công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.*” và nhiệm vụ “*Tăng cường xã hội hóa hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp*”. Do đó, nội dung nêu trên sẽ được Bộ Tư pháp lưu ý khi đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số [55/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-55-2019-nd-cp-ho-tro-phap-ly-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-384245.aspx).

**7.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu ban hành khung tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (UBND tỉnh Hải Dương).*

**Trả lời:**

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030”. Quyết định số 345/QĐ-TTg có đề ra nhiệm vụ đánh giá, kiểm tra, khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó có xây dựng Bộ tiêu chuẩn mẫu đánh giá hiệu quả việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý. Tuy nhiên, đây là nội dung khó, cần có thời gian nghiên cứu.

**8.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể việc xây dựng đội ngũ cán bộ đầu mối, tư vấn viên pháp luật để thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý tại địa phương; xây dựng mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp với sự tham gia của luật sư hướng tới mục tiêu Nhà nước sẽ thực hiện quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, các luật sư là đơn vị trực tiếp thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (UBND tỉnh Hải Dương).*

**Trả lời:**

Triển khai Nghị định số [55/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-55-2019-nd-cp-ho-tro-phap-ly-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-384245.aspx), trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã xây dựng mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp với sự tham gia của luật sư. Tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Bộ Tư pháp sẽ đẩy mạnh nội dung này quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 345/QĐ-TTg gắn với nhiệm vụ: Tăng cường xã hội hóa hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; Xây dựng, phát triển hệ sinh thái hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thông qua các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, tiến tới liên kết, hợp tác giữa các chủ thể có liên quan, đa dạng hóa các chủ thể, dịch vụ, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó Nhà nước đóng vai trò điều phối.

**9.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn thống nhất về việc xã hội hoá công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường hỗ trợ kinh phí, xã hội hoá công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (UBND tỉnh Hải Dương).*

**Trả lời:**

Liên quan nội dung này, Bộ Tư pháp đã có ý kiến tại Mục 4 và Mục 6 nêu trên. Ngoài ra, tại điểm d, khoản 3, mục II Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2030” được phê duyệt theo Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ có hoạt động này. Bộ Tư pháp sẽ sớm triển khai nhiệm vụ này trong thời gian tới.

**10.** *Đề nghị Bộ Tư pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; Hoàn thiện trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tăng cường và đổi mới nội dung các hoạt động tọa đàm, đối thoại, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (UBND tỉnh Hải Dương).*

**Trả lời:**

Nhất trí ý kiến của địa phương. Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 đã đề ra mục tiêu: Ứng dụng chuyển đổi số trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và nhiệm vụ xây dựng, duy trì, cập nhật và vận hành Cổng Thông tin điện tử quốc gia về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Nâng cấp Trang Thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp và kết hợp với các Trang Thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Bộ, ngành, địa phương thành Cổng Thông tin điện tử quốc gia về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp). Bộ Tư pháp sẽ sớm triển khai nhiệm vụ này.

**11.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xác định rõ các nội dung, hoạt động nào Nhà nước hỗ trợ, nội dung, hoạt động nào doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thực hiện thuê dịch vụ pháp lý để phòng ngừa rủi ro theo quy luật của thị trường; phân loại, phân nhóm các loại hình Doanh nghiệp nhỏ và vừa để có các chuyên đề, chương trình hỗ trợ phù hợp (UBND tỉnh Hà Nam).*

**Trả lời:**

Nghị định số [55/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-55-2019-nd-cp-ho-tro-phap-ly-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-384245.aspx) đã nêu rõ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và đối tượng thụ hưởng. Ngoài các nội dung hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa cần thực hiện thuê dịch vụ pháp lý. Bộ Tư pháp nhất trí ý kiến cần phân loại, phân nhóm các loại hình Doanh nghiệp nhỏ và vừa để có các Chuyên đề, Chương trình hỗ trợ phù hợp.

**12.** *Đối với việc ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước (được xây dựng trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật) có nhiều lúng túng xác định là văn bản hành chính hay văn bản QPPL, vì hiện nay có tỉnh ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật có tỉnh ban hành dưới hình thức văn bản hành chính. Bên cạnh đó, Luật Giá vừa được Quốc hội thông qua (có hiệu lực ngày 01/7/2024) tại Điều 24 có quy định: “1. Văn bản định giá hoặc điều chỉnh mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá ban hành là văn bản hành chính. 2. Văn bản quy định cơ chế, chính sách về giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật.” Như vậy, đối với đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước do UBND tỉnh ban hành có thuộc trường hợp khoản 1 Điều 24 Luật giá hay không vì nội dung Quyết định đơn giá chỉ có giá. Để đảm bảo tính thống nhất trong việc ban hành đơn giá kiến nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính có hướng dẫn đối với nội dung này (UBND tỉnh Hậu Giang).*

**Trả lời:**

Về kiến nghị nêu trên, Bộ Tư pháp xin ghi nhận và có ý kiến như sau: Đối với việc ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách Nhà nước (được xây dựng trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật) có nhiều lúng túng xác định là văn bản hành chính hay văn bản quy phạm pháp luật, vì hiện nay có tỉnh ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật có tỉnh ban hành dưới hình thức văn bản hành chính. Bên cạnh đó, Luật Giá vừa được Quốc hội thông qua (có hiệu lực ngày 01/7/2024) tại Điều 24 có quy định: “*1. Văn bản định giá hoặc điều chỉnh mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá ban hành là văn bản hành chính. 2. Văn bản quy định cơ chế, chính sách về giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật.*” Như vậy, đối với đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có thuộc trường hợp khoản 1 Điều 24 Luật Giá hay không vì nội dung Quyết định đơn giá chỉ có giá. Để đảm bảo tính thống nhất trong việc ban hành đơn giá kiến nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính có hướng dẫn đối với nội dung này.

Tuy nhiên, về vấn đề này, Bộ Tư pháp cho rằng, nếu Quyết định ban hành chỉ quy định đơn giá (mức giá cụ thể) thì đây là văn bản hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Giá năm 2023. Trường hợp Quyết định ban hành đơn giá (mức giá cụ thể) nhưng lại bao gồm cả quy định về cơ chế, chính sách về giá thì phải ban hành dưới thình thức văn bản quy phạm pháp luật.

**XIII. VỤ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ - HÀNH CHÍNH**

*Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các cơ quan Trung ương nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi các quy định về phân cấp, ủy quyền của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật chuyên ngành bảo đảm thống nhất (UBND tỉnh Phú Thọ).*

**Trả lời:**

Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 16/12/2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019) đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, trong đó có các quy định về phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương. Hiện nay, Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới giao: *“Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành giúp Chính phủ tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ, chính quyền địa phương”.* Trong đó, việc nghiên cứu *“đẩy mạnh phân cấp, phân quyền khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, năng lực thực hiện pháp luật cho các địa phương và các bộ”* là một trong những nội dung quan trọng (mục II.3). Trên cơ sở nhiệm vụ được giao và ghi nhận kiến nghị của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan trong việc nghiên cứu, sửa đổi các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương nói chung và các quy định về phân cấp, ủy quyền nói riêng theo kế hoạch, trong đó chú trọng việc bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản luật có liên quan.

**XIV. VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp Bộ Nội vụ có cơ chế kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác xử lý vi phạm hành chính tại Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Tư pháp - Hộ tịch cấp xã và tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (UBND tỉnh Bình Định).*

*Quan tâm bố trí biên chế cơ quan Tư pháp địa phương đảm bảo thực hiện thống nhất, hiệu quả nhiệm vụ được giao (UBND tỉnh Cà Mau).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức thì căn cứ để xác định biên chế công chức là (i) Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm; (ii) Mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; (iii) Thực tế việc sử dụng biên chế công chức được giao; (iv) Đối với cơ quan, tổ chức ở địa phương, ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này còn phải căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Như vậy, một trong những căn cứ để xác định biên chế là vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm. Hiện nay, các Bộ, ngành nói chung và Bộ Tư pháp nói riêng đã ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Theo quy định của Luật Chính quyền địa phương và văn bản hướng dẫn thi hành thì việc xây dựng, thẩm định và phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính của địa phương thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp Sở Tư pháp rà soát, đánh giá toàn diện tình hình phân bổ, sử dụng biên chế, nhu cầu thực tiễn, cơ cấu đội ngũ công chức, viên chức trên địa bàn, xây dựng Đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định mới làm cơ sở để xem xét, bổ sung biên chế cho các cơ quan Tư pháp địa phương từ nguồn biên chế được giao của tỉnh.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, tinh gọn tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước hiện nay, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục quan tâm, bố trí kinh phí hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Tư pháp trên địa bàn, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ các cơ quan Tư pháp trên địa bàn tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Hiện nay Bộ Tư pháp đang triển khai nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ”, trong đó mục tiêu hướng tới là phát triển nguồn nhân lực làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư cách đạo đức tốt, thành thạo kỹ năng nghề nghiệp, đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Đối với đội ngũ pháp chế, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP trong đó có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng như: Tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Pháp chế viên và người đứng đầu tổ chức pháp chế, chế độ hỗ trợ cho công chức làm công tác pháp chế … làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác pháp chế trên cả nước.

**2.** *Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm xây dựng nguồn nhân lực cán bộ tư pháp (UBND tỉnh Cà Mau).*

**Trả lời:**

Thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã triển khai nhiều nhiệm vụ kiện toàn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật của các Bộ, ngành, địa phương. Trong giai đoạn 2011 - 2020, trên cơ sở Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 18/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020, Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 358/QĐ-BTP về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Tư pháp giai đoạn 2011 - 2020, trong đó xác định phát triển nguồn nhân lực ngành Tư pháp, bao gồm đội ngũ cán bộ ngành Tư pháp, pháp chế các Bộ, ngành, địa phương, đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng và có cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu thực tiễn và Chiến lược phát triển ngành Tư pháp đến năm 2020. Để đáp ứng yêu cầu triển khai Quy hoạch, Bộ Tư pháp cũng đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1155/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tiếp tục xây dựng Học viện Tư pháp thành Trung tâm lớn đào tạo các chức danh Tư pháp” Quyết định số 1156/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”. Cùng với đó, hàng năm, Bộ Tư pháp cũng như các Bộ, ngành, địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ pháp chế các Bộ, ngành, địa phương, góp phần đáp ứng mục tiêu về nhu cầu về số lượng, cơ cấu và trình độ nhân lực, đảm bảo yêu cầu, các giải pháp phát triển nhân lực, hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao đáp ứng chuẩn khu vực và từng bước tiến tới chuẩn quốc tế.

Bên cạnh đó, thực hiện nhiệm vụ tại Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị ngày 2/6/2015 về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020, Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Bộ Tư pháp đã tham gia tích cực, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Nghị quyết về "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới", trong đó đã các đề xuất nhiều giải pháp để xây dựng năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa XIII, Ban chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW về "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới". Căn cứ các nội dung của Nghị quyết, Bộ Tư pháp đang cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp thành các chiến lược, kế hoạch nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ xây dựng pháp luật của các Bộ, ngành, địa phương đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền trong giai đoạn mới. Thực hiện yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, hiện nay Bộ Tư pháp đang triển khai nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ”, trong đó mục tiêu hướng tới là phát triển nguồn nhân lực làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư cách đạo đức tốt, thành thạo kỹ năng nghề nghiệp, đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

**3.** *Để linh hoạt trong công tác cán bộ, tỉnh đã quy hoạch chức vụ Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý bao gồm cả công chức tư pháp ở địa phương. Những công chức này được miễn đào tạo nghề luật sư (Chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp). Những trường hợp này phải tập sự 1/3 thời gian theo quy định (4 tháng). Tuy nhiên, người tập sự trợ giúp pháp lý, thì phải là viên chức của Trung tâm (Điều 20 Luật trợ giúp pháp lý). Trong khi đó, những trường hợp này hiện đang là công chức lãnh đạo cấp Phòng (theo quy định hiện hành, thì chỉ quy định trình tự, thủ tục chuyển viên chức thành công chức. Không quy định chuyển công chức lãnh đạo cấp Phòng chuyên môn thuộc Sở về làm viên chức của Trung tâm, để thực hiện tập sự là rất khó khăn. Từ thực tế đó, Sở Tư pháp đề xuất, riêng những trường hợp đã được tỉnh quy hoạch để bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý đã được miễn đào tạo nghề Luật sư theo Luật Luật sư, đủ điều kiện là người đứng đầu sự nghiệp, thì không phải tập sự để tỉnh đồng ý và thực hiện bổ nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định chung. Tương tự như vậy, những chức danh khác (Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, Trưởng phòng Công chứng), đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, có ý kiến chỉ đạo bằng văn bản hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền chỉnh sửa, bổ sung các quy định có liên quan đảm bảo cho các Sở Tư pháp được chỉnh sửa, bổ sung các quy định có liên quan đảm bảo cho các Sở Tư pháp được linh hoạt trong công tác cán bộ, đặc biệt là đối với các chức danh Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở tạo sự linh hoạt trong quá trình sử dụng, bố trí, phân công công tác đối với đội ngũ cán bộ hiện có (UBND tỉnh Kon Tum).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý, khoản 2 Điều 19 Luật Công chứng năm 2014, khoản 2 Điều 22 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 thì Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm phải là Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng Phòng Công chứng phải là Công chứng viên và Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản là Đấu giá viên. Do đặc thù hành nghề của các chức danh tư pháp nên pháp luật quy định các điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp này, trong đó có quy định về việc đào tạo và tập sự hành nghề trợ giúp viên pháp lý, công chứng viên và đấu giá viên (trừ các trường hợp được miễn tập sự hành nghề theo quy định). Vì vậy, việc bổ nhiệm hoặc đề nghị bổ nhiệm Người đứng đầu Trung tâm Trợ giúp pháp lý, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và Phòng Công chứng phải bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định pháp luật hiện hành.

Tuy nhiên, theo Khoản 3 Điều 47 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thì *“Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chưa kiện toàn người đứng đầu, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm việc giao quyền hoặc giao phụ trách đơn vị sự nghiệp công lập cho đến khi bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Thời gian giao quyền, giao phụ trách không tính vào thời gian giữ chức vụ khi bổ nhiệm”.* Căn cứ quy định nêu trên, để xử lý vấn đề thực tiễn phát sinh, Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum có thể nghiên cứu, đề xuất nhân sự phù hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền ở địa phương để giao quyền hoặc giao phụ trách đơn vị sự nghiệp trong thời gian chưa kiện toàn được người đứng đầu để hoạt động của các đơn vị không gián đoạn trong thời gian chưa kiện toàn nhân sự người đứng đầu đơn vị.

**4.** *Hện nay, theo quy định của Luật Công chứng, Luật Trợ giúp pháp lý, Luật đấu giá tài sản thì các chức danh lãnh đạo, quản lý phải là công chứng viên, đấu giá viên, trợ giúp viên pháp lý nên việc luân chuyển một số Lãnh đạo, quản lý cấp Phòng thuộc Sở sang lãnh đạo, quản lý còn gặp nhiều khó khăn; vì lãnh đạo, quản lý Phòng thuộc Sở không phải là công chứng viên, đấu giá viên, trợ giúp viên pháp lý. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp có cơ chế đặc thù trong trường hợp này, để Sở Tư pháp thuận tiện trong việc kiện toàn tổ chức bộ máy, nhất là các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở (UBND tỉnh Ninh Thuận); Quy định tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh Giám đốc Trung tâm đấu giá tài sản, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Trưởng Phòng Công chứng thuộc Sở Tư pháp đảm bảo thực hiện kịp thời, linh hoạt công tác bổ nhiệm, điều động, luân chuyển vị trí giữa các chức danh này với lãnh đạo phòng chuyên môn nghiệp vụ của Sở cho phù hợp với thực tiễn quản lý ở địa phương (UBND tỉnh Vĩnh Phúc).*

**Trả lời:**

Tương tự như đã nêu tại nội dung 3, Do đặc thù hành nghề của các chức danh tư pháp nên pháp luật quy định các điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp này, trong đó có quy định về việc đào tạo và tập sự hành nghề trợ giúp viên pháp lý, công chứng viên và đấu giá viên (trừ các trường hợp được miễn tập sự hành nghề theo quy định). Vì vậy, việc bổ nhiệm hoặc đề nghị bổ nhiệm Người đứng đầu Trung tâm Trợ giúp pháp lý, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và Phòng Công chứng phải bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định pháp luật hiện hành. Cùng với đó, để bảo đảm kịp thời đáp ứng được nhu cầu công việc, đề nghị Sở Tư pháp quan tâm chủ động bố trí, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng viên chức chuyên môn, nghiệp vụ và lãnh đạo, quản lý của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở để bảo đảm có nguồn cán bộ thực hiện việc kiện toàn, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo của các đơn vị sự nghiệp theo quy định.

**5.** *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất chính sách phù hợp cho đội ngũ làm công tác tư pháp, đặc biệt là đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, công chức làm công tác pháp chế các sở ngành (UBND tỉnh Vĩnh Phúc).*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2023) thì đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã sẽ được hưởng thêm phụ cấp thâm niên vượt khung theo quy định của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm nhiệm chức vụ, chức danh công chức cấp xã khác với chức vụ, chức danh hiện đảm nhiệm mà giảm được 01 người trong số lượng công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao thì kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương (bậc 1), cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) của chức vụ, chức danh kiêm nhiệm; phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ, chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Trường hợp công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.

Đối với đội ngũ pháp chế, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP trong đó có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng như: Tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Pháp chế viên và người đứng đầu tổ chức pháp chế, chế độ hỗ trợ cho công chức làm công tác pháp chế … làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác pháp chế trên cả nước.

**6.** *Đề nghị Bộ Tư pháp có quy định hướng dẫn về cơ cấu tổ chức bộ máy, định mức biên chế đối với Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND tỉnh Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Tư pháp không có thẩm quyền hướng dẫn về cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 2 Điều 1 Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ). Nội dung này thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương như đã được quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bên cạnh đó, căn cứ Nghị định số 101/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Công văn số 1518/BTP-TCCB ngày 18/5/2020 hướng dẫn thực hiện Thông tư số 07/2020/TT-BTP, trong đó tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 07/2020/TT-BTP đã xác định các nhóm lĩnh vực để định hướng kiện toàn các phòng thuộc Sở Tư pháp có tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp yêu cầu nhiệm vụ công tác tư pháp. Theo đó, trong quá trình sắp xếp kiện toàn tổ chức, Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp chủ động phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quy định trách nhiệm tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 07/2020/TT-BTP.

Thực hiện quy định của Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về biên chế và vị trí việc làm công chức, Bộ Tư pháp đã dự thảo quy định về định mức biên chế công chức ngành Tư pháp. Tuy nhiên, việc xác định định mức biên chế là vấn đề khó khăn, phức tạp và Bộ Nội vụ đã có văn bản hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng Đề án và vị trí việc làm, trong đó liên quan đến nhiệm vụ hướng dẫn định mức biên chế thì các Bộ, ngành không xây dựng định mức biên chế mà “Đối với biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, các Bộ, ngành, địa phương chủ động quyết định trong tổng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao, bảo đảm thực hiện lộ trình tinh giản biên chế theo quy định của Bộ Chính trị”.

**7.** *Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét lại quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp tại chính quyền địa phương để đảm bảo tính ổn định đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã phụ trách công tác hộ tịch (UBND tỉnh Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 05/2023/TT- BTP ngày 24/8/2023 quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp tại chính quyền địa phương, trong đó phải quy định các vị trí thực hiện chuyển đổi theo đúng quy định.

Đề nghị Sở Tư pháp tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tại các cơ quan tư pháp, bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh cán bộ theo đúng quy định pháp luật và sự ổn định, chất lượng, hiệu quả công tác tư pháp địa phương, kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của người dân, nhất là đối với công tác Tư pháp - Hộ tịch cấp xã thường xuyên bị biến động về cán bộ và đặc thù công việc mang tính hệ thống chuyên sâu về pháp luật và sự kiện hộ tịch có tính dân sự, gắn liền với nhân thân của người dân ở cơ sở, cần có sự chuyên trách, ổn định, có kinh nghiệm thực tiễn, nắm vững địa bàn, tình trạng hộ tịch của hộ gia đình, cư dân trên địa bàn.

**8.** *Đề nghị Bộ Tư pháp cần có quy định chế độ phụ cấp cho công chức làm công tác Tư pháp - Hộ tịch (UBND tỉnh Bến Tre).*

**Trả lời:**

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì công chức làm công tác Tư pháp - Hộ tịch có chế độ phụ cấp sau:

Căn cứ Điều 18 [Nghị định 33/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-33-2023-ND-CP-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-560604.aspx?anchor=dieu_18) quy định về phụ cấp thâm niên vượt khung, cụ thể như sau: “*Cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này được thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung theo quy định của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang”.*

Như vậy, công chức Tư pháp - Hộ tịch được thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung theo quy định của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Căn cứ Điều 20 [Nghị định số 33/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-33-2023-ND-CP-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-560604.aspx?anchor=dieu_20) quy định về phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ, chức danh như sau: “*1. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã khác với chức vụ, chức danh hiện đảm nhiệm mà giảm được 01 người trong số lượng cán bộ, công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định này thì kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương (bậc 1), cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) của chức vụ, chức danh kiêm nhiệm; phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ, chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.*

*Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức vụ, chức danh (kể cả trường hợp Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân) cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chức vụ, chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm được so với quy định.*

*2. Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.”*

Theo đó, công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm nhiệm chức vụ, chức danh công chức cấp xã khác với chức vụ, chức danh hiện đảm nhiệm mà giảm được 01 người trong số lượng công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao thì kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương (bậc 1), cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) của chức vụ, chức danh kiêm nhiệm; phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ, chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Trường hợp công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm. Ngoài ra, nếu công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì còn có thể được hưởng các phụ cấp khác theo [Nghị định 76/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-76-2019-ND-CP-chinh-sach-doi-voi-can-bo-cong-chuc-cong-tac-o-vung-kinh-te-dac-biet-kho-khan-330306.aspx) ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

**XV. CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp (như trợ giúp pháp lý, công chứng, đấu giá tài sản) để làm cơ sở cho địa phương xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

**1.1.** Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: *“Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước” là dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu và dịch vụ sự nghiệp công mang tính đặc thù của một số ngành, lĩnh vực thuộc danh mục do cấp có thẩm quyền ban hành, được Nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện"*. Các dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp bao gồm một số dịch vụ ban hành tại Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp và Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành Tư pháp được ban hành tại Quyết định số 2069/QĐ-TTg 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**1.2.** Thực hiện quy định của pháp luật về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2302/QĐ-BTP ngày 18/11/2020 quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp, trong đó đã giao Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực tại Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp.

Hiện tại, thực hiện Quyết định số 19/QĐ-TTg và Quyết định số 2069/QĐ-TTg, Bộ Tư pháp đang chỉ đạo rà soát để phân công đơn vị chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Đồng thời, quá trình rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy, trong số dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành Tư pháp và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, có dịch vụ chỉ thực hiện tại đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tư pháp mà không thực hiện tại các đơn vị sự nghiệp công thuộc cơ quan Tư pháp địa phương và có dịch vụ sự nghiệp công chỉ được thực hiện tại các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan Tư pháp địa phương (dịch vụ hỗ trợ thông tin, thực hiện trợ giúp pháp lý theo Luật Trợ giúp pháp lý; dịch vụ đấu giá tài sản và dịch vụ công chứng).

Đối với các dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện tại các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan Tư pháp địa phương, Bộ Tài chính đã ban hành một số văn bản như:

- Lĩnh vực công chứng: Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017);

- Lĩnh vực đấu giá tài sản: Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020);

- Lĩnh vực trợ giúp pháp lý: Thông tư số 59/2020/TT-BTC ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý.

Theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục thu phí thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí. Đơn vị sự nghiệp công thu phí theo mức thu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Căn cứ các văn bản và quy định nêu trên, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ chỉ đạo đẩy nhanh việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền. Đối với các dịch vụ công thuộc danh mục thu phí, đơn vị thực hiện theo mức thu do Nhà nước ban hành.

**2.** *Đối với chế độ báo cáo các chỉ tiêu, hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp, Thông tư số 03/2019/TT-BTP, đề nghị Bộ Tư pháp: Bổ sung quy định chế độ thống kê đối với lĩnh vực tư vấn pháp luật, thừa phát lại và trách nhiệm báo cáo của các Văn phòng thừa phát lại, các tổ chức chủ quản của Trung tâm Tư vấn pháp luật gửi Sở Tư pháp và trách nhiệm báo cáo của Sở Tư pháp cho Bộ Tư pháp lĩnh vực thống kê về tư vấn pháp luật, thừa phát lại nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với 02 lĩnh vực này. Quy định chế độ 03 lần/năm định kỳ báo cáo là: báo cáo 06 tháng, năm (10 tháng) và năm chính thức (12 tháng). Đề nghị xem xét quy định rút ngắn còn 02 lần/năm báo cáo thống kê là báo cáo 06 tháng và báo cáo năm chính thức để đơn giản hóa chế độ báo cáo cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Biểu mẫu 06a/BTP/BTTP/ĐGTS và biểu mẫu 08a/BTP/BTTP/LSTN cần bổ sung quy định các chi nhánh tổ chức bổ trợ tư pháp có trách nhiệm báo cáo về tổ chức và hoạt động cho Sở Tư pháp nơi cấp đăng ký hoạt động để tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp nhằm đảm bảo thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh tổ chức đấu giá tài sản (UBND tỉnh Hải Dương).*

**Trả lời:**

**2.1.** Về việc bổ sung quy định chế độ thống kê đối với lĩnh vực tư vấn pháp luật, thừa phát lại nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với 02 lĩnh vực này.

Bộ Tư pháp xin tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 10/2017/TT-BTP quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp. Quá trình xây dựng Thông tư, Bộ sẽ rà soát, nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thống kê một cách phù hợp, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đồng thời đáp ứng tốt yêu cầu của công tác quản lý nhà nước của Bộ nói chung, trong đó có lĩnh vực tư vấn pháp luật và thừa phát lại.

**2.2.** Về chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp hiện nay quy định 03 kỳ/năm: báo cáo 06 tháng, năm (10 tháng) và năm chính thức (12 tháng). Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét quy định rút ngắn còn 02 kỳ/năm (báo cáo 06 tháng và báo cáo năm chính thức) để đơn giản hóa chế độ báo cáo cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

Hiện nay, số liệu kỳ báo cáo năm chính thức được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm nên phải sang quý I năm sau, các cơ quan, đơn vị (trong đó có Sở Tư pháp) mới có thể tổng hợp đủ số liệu, gửi báo cáo về Bộ Tư pháp. Trong khi đó, hoạt động tổng kết của Bộ Tư pháp thường tổ chức vào thời điểm cuối tháng 12 của năm báo cáo. Đây là lý do cần quy định kỳ báo cáo năm (10 tháng) để có số liệu phục vụ hoạt động tổng kết Ngành hằng năm. Vì vậy trước mắt, Bộ Tư pháp chưa thể cắt giảm kỳ báo cáo này.

**2.3.** Về Biểu mẫu 06a/BTP/BTTP/ĐGTS và Biểu mẫu 08a/BTP/BTTP/LSTN cần bổ sung quy định các chi nhánh tổ chức bổ trợ tư pháp có trách nhiệm báo cáo về tổ chức và hoạt động cho Sở Tư pháp nơi cấp đăng ký hoạt động để tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp nhằm đảm bảo thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh tổ chức đấu giá tài sản.

Bộ Tư pháp xin tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Sau khi Thông tư thay thế Thông tư số 10/2017/TT-BTP được ban hành, Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp. Khi đó sẽ nghiên cứu bổ sung phù hợp vào Thông tư mới những nội dung mà Ủy ban nhân tỉnh Hải Dương đã nêu.

**XVI. CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nâng cấp các Phần mềm chuyên ngành của Bộ Tư pháp, thường xuyên rà soát, phối hợp, kịp thời khắc phục lỗi của các Phần mềm khi có phát sinh, đảm bảo các Phần mềm hoạt động ổn định, thông suốt (UBND các tỉnh Bắc Giang, Đồng Nai, Lai Châu, Ninh Thuận, Nghệ An, Phú Thọ, Quảng Nam, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc; Đ/c Nguyễn Văn Sơn, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang tại Hội nghị triển khai công tác tư pháp năm 2024).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp đã giao các đơn vị chuyên môn như: Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Cục Trợ giúp pháp lý, Cục Bổ trợ tư pháp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia nghiên cứu, nâng cấp hoàn thiện các Cơ sở Dữ liệu, Phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành. Bên cạnh đó, Bộ sẽ bố trí kinh phí thuê dịch vụ bảo trì, vận hành nhằm đảm bảo đảm bảo các Phần mềm hoạt động ổn định, thông suốt. Trước mắt, Cục Công nghệ thông tin đã đưa hạ tầng mới vào hoạt động chính thức từ tháng 10/2023, hiệu chỉnh các Phần mềm và cử cán bộ trực để xử lý các sự cố kịp thời để các hệ thống hoạt động liên tục.

**2.***Đề nghị Bộ Tư pháp nâng cấp Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật, vì hiện nay trong quá trình cập nhật văn bản QPPL của tỉnh trên Cơ sở Dữ liệu còn bị lỗi, đôi lúc không truy cập được, một số trường thông tin chưa tự động cập nhật, chưa chính xác (ví dụ: tình trạng hiệu lực của văn bản không được thể hiện đầy đủ là còn hiệu lực hay hết hiệu lực ...) - (UBND tỉnh Cao Bằng).*

**Trả lời:**

Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật xây dựng đưa vào khai thác từ năm 2013, đến nay đã được 10 năm. Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật đã cơ bản đạt được các mục tiêu về việc công khai, minh bạch hệ thống văn bản pháp luật, phổ biến pháp luật, phục vụ công tác quản lý nhà nước, khai thác, sử dụng nghiên cứu, áp dụng pháp luật.... Tuy nhiên, sau một thời gian dài đưa vào hoạt động, do chưa bố trí được kinh phí để nâng cấp toàn diện, Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật bắt đầu phát sinh một số vấn đề như: có thời điểm chậm, treo làm ảnh hưởng đến việc cập nhật, khai thác văn bản. Bộ Tư pháp đã chỉ đạo Cục Công nghệ thông tin phối hợp với các đơn vị, tổ chức liên quan để đề xuất việc nâng cấp toàn diện Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật để đáp ứng yêu cầu cập nhật, quản lý, khai thác văn bản trong giai đoạn mới.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, trong thời gian tới sẽ chỉ đạo Cục Công nghệ thông tin tiếp tục nghiên cứu, tham mưu việc nâng cấp Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật đáp ứng nhu cầu quản lý và khai thác của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đồng thời, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương quan tâm cập nhật văn bản kịp thời để bảo đảm văn bản trên Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật được chính xác, đầy đủ.

**3.** *Để hoàn thiện việc đồng bộ hồ sơ giữa Hệ thống một cửa Thành phố và Phần mềm Quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung, đề nghị Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin, Trung tâm LLTP quốc gia) hỗ trợ đảm bảo hạ tầng, xử lý kỹ thuật, khắc phục những sự cố đối với Phần mềm LLTP dùng chung, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công Thành phố Đà Nẵng (UBND TP. Đà Nẵng).*

**Trả lời:**

Từ tháng 10/2023, Bộ Tư pháp đã bổ sung hạ tầng; hiệu chỉnh Phần mềm để tăng hiệu năng cho Phần mềm quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung. Qua theo dõi, Bộ Tư pháp thấy Phần mềm đã hoạt động ổn định hơn; tình trạng quá tải đã ít xảy ra hơn.

Về việc đồng bộ hồ sơ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với Phần mềm quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung: đến nay **45/63** Sở Tư pháp đang kết nối, đồng bộ hồ sơ từ hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh/thành phố với Phần mềm quản lý Lý lịch tư pháp. Một số địa phương đạt tỷ lệ 100% tích hợp như: Thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Lai Châu, Quảng Bình, Quảng Nam, Đắk Lắk, Thừa Thiên Huế,... Ngày 31/10/2023, Cục Công nghệ thông tin đã có công văn số 778/CNTT-CĐS về việc đôn đốc thực hiện Đề án 06, trong đó có hướng dẫn việc kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh/thành phố với Phần mềm quản lý Lý lịch tư pháp. Hiện nay các đơn vị chuyên môn của Bộ (Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; Cục Công nghệ thông tin) đang đề xuất nguồn lực để nâng cấp Phần mềm quản lý Lý lịch tư pháp.

**4.** *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, thực hiện tích hợp Phần mềm thống kê ngành Tư pháp với các Phần mềm hộ tịch, chứng thực để tạo thuận lợi cho công tác thống kê được đầy đủ, thuận tiện (UBND các tỉnh Điện Biên, Sơn La).*

**Trả lời:**

Để đánh giá việc tích hợp dữ liệu giữa các Phần mềm nghiệp vụ với Phần mềm thống kê ngành Tư pháp, trong năm 2023, Bộ Tư pháp đang thí điểm kết nối, tích hợp Dữ liệu từ Phần mềm quản lý tổ chức và hoạt động Trợ giúp pháp lý với Phần mềm thống kê ngành Tư pháp.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, Sơn La, trong thời gian tới Bộ sẽ chỉ đạo Cục Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ thực hiện việc tích hợp Dữ liệu của các Phần mềm nghiệp vụ với Phần mềm thống kê ngành Tư pháp.

**5.***Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Cục Công nghệ thông tin sớm cập nhật việc thay đổi tên một số đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hải Dương trên Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch do thay đổi địa danh (sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã) - (UBND tỉnh Hải Dương).*

**Trả lời:**

Ngày 31/10/2023, Cục Công nghệ thông tin đã có Công văn số 778/CNTT-CĐS về việc đôn đốc thực hiện Đề án 06/CP. Đối với một số vướng mắc về địa danh hành chính trong quá trình số hóa Sổ hộ tịch, đề nghị Sở Tư pháp chủ động rà soát địa danh hành chính còn thiếu, chưa có trong danh mục trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch, tổng hợp thông tin và gửi về Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) để được cập nhật, bổ sung trên Hệ thống đáp ứng yêu cầu số hóa Sổ hộ tịch của địa phương.

**6.***Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ Tư pháp, công chức phụ trách cập nhật văn bản trên Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật và trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hoàn thiện các Phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo đồng bộ với các Phần mềm của các Bộ, ngành, địa phương, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện (UBND các tỉnh Quảng Ninh, Tây Ninh).*

**Trả lời:**

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tây Ninh. Trong năm 2023, các đơn vị chuyên môn của Bộ (Cục hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; Cục Công nghệ thông tin) đã tổ chức tâp huấn toàn quốc về việc sử dụng 02 Nhóm dịch vụ công liên thông: Khai sinh - Cấp thẻ bảo hiểm y tế - Đăng ký thường trú; Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế. Năm 2024, Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin, các đơn vị chuyên môn) dự kiến sẽ mở các lớp đào tạo, tập huấn trực tuyến cập nhật văn bản trên Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật và việc khai thác, sử dụng một số Phần mềm ứng dụng do Bộ Tư pháp triển khai cho cán bộ Tư pháp địa phương./.

**- BỘ TƯ PHÁP -**

1. Cụ thể: Trong năm 2019, Bộ Tư pháp tổ chức 08 lượt hội thảo chuyên sâu về văn bản trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường và kinh tế và các cuộc họp giao ban định kỳ hằng quý về công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL tại 04 khu vực/địa phương. Năm 2020, Bộ Tư pháp tổ chức 07 lượt hội thảo, hội nghị về công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL tại 04 khu vực/địa phương. Năm 2022 và năm 2023, tổ chức 04 “Hội thảo về nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản QPPL của địa phương - nhìn từ góc độ kiểm tra, rà soát văn bản QPPL” tại 4 khu vực/địa phương (Quảng Ninh, An Giang, Hà Tĩnh, Kon Tum); “Hội thảo về nhận diện sự thiếu thống nhất, mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật” tại TP. Thanh Hóa…vv. [↑](#footnote-ref-1)
2. Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

   ...

   38. Sửa đổi, bổ sung Điều 164 như sau:

   “Điều 164. Định kỳ hệ thống hóa văn bản

   Văn bản quy phạm pháp luật phải được định kỳ hệ thống hóa và công bố kết quả hệ thống hóa 05 năm một lần. Thời điểm ấn định văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa để công bố (sau đây gọi là thời điểm hệ thống hóa) là ngày 31 tháng 12 của năm thứ năm tính từ thời điểm hệ thống hóa kỳ trước.”. [↑](#footnote-ref-2)
3. Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật…

   3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

   “Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

   1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

   Văn bản bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, niêm yết theo quy định.” [↑](#footnote-ref-3)
4. (i) Ban hành Quyết định số 490/QĐ-BTP ngày 01/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Quy trình.

   (ii) Ban hành Quyết định số 957/QĐ-BTP ngày 22/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Kế hoạch xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức và cá nhân về tình hình thi hành pháp luật.

   (iii) Tổ chức các cuộc họp của Tổ soạn thảo Quy trình; tổ chức Hội thảo thực trạng và những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức và cá nhân về tình hình thi hành pháp luật.

   (iv) Báo cáo, xin ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ về định hướng xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-4)
5. Văn bản số 3880/BTP-VP ngày 07/10/2019 của Bộ Tư pháp về việc rút việc xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về tình hình thi hành pháp luật. [↑](#footnote-ref-5)
6. Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng VBQPPL giai đoạn 2022 - 2027; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”; Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12/8/2022 phê duyệt Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác PBGDPLQBGDPLới trong công tác chí lần 1 ngày . [↑](#footnote-ref-6)
7. Công văn số 110,111, 112/HĐPH ngày 12/01/2023 v/v triển khai thực hiện Quyết định số 977/QĐ-TTg ; Công văn số 1877/HĐPH ngày 15/5/2023 hướng dẫn thực hiện và sơ kết 01 năm thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg; Kế hoạch số 1690/KH-BTP ngày 28/4/2023 về tổ chức các hoạt động kiểm tra, nắm bắt về tình hình thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg tại một số bộ, ngành, địa phương năm 2023. [↑](#footnote-ref-7)
8. Quyết định số: 425/QĐ-BTP ngày 22/3/2023 triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg; 426/QĐ-BTP ngày 22/3/2023 thực hiện các Đề án về PBGDPL năm 2023. [↑](#footnote-ref-8)
9. Điều 30 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.

   “*1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; vận động tổ chức, cá nhân chấp hành pháp luật, giám sát việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở; phối hợp kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng về hòa giải ở cơ sở. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia tổ chức thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở.*

   *2. Các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật*”.

   Điều 17 Luật Mặt trận tổ quốc Việt Nam năm 2015 quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc trong tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện chính sách, pháp luật

   “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện chính sách, pháp luật với các nội dung sau đây:*

   *1. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;*

   *2. Phối hợp với chính quyền cấp xã tổ chức vận động Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở, hương ước, quy ước ở khu dân cư;*

   *3. Chỉ đạo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở cấp xã và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;*

   *4. Tham gia hoạt động hòa giải ở cơ sở*”. [↑](#footnote-ref-9)
10. Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 10 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025; Tiểu dự án 1 về Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thành phần số 8 nội dung 04 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. [↑](#footnote-ref-10)
11. Hội nghị được tổ chức theo 03 khu vực: Bắc, Trung, Nam. [↑](#footnote-ref-11)
12. Theo số liệu thống kê trên Hệ thống, tính từ ngày 10/7/2023 đến 14 giờ 00 ngày 30/10/2023, trên Hệ thống đã tiếp nhận 286.685 hồ sơ liên thông TTHC liên quan đến khai sinh (trong đó: 256.552 hồ sơ đã hoàn thành - chiếm 89,5%, 20.185 hồ sơ từ chối giải quyết - chiếm 7%, 9.948 hồ sơ đang xử lý - 3,5%), 43.281 hồ sơ liên thông TTHC liên quan đến khai tử (trong đó 39.869 hồ sơ đã hoàn thành - chiếm 92,1%, 1.848 hồ sơ từ chối giải quyết - chiếm 4,3%, 1.564 hồ sơ đang xử lý - chiếm 3,6%). [↑](#footnote-ref-12)
13. Về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp [↑](#footnote-ref-13)
14. Về triển khai Chỉ thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp [↑](#footnote-ref-14)
15. Về việc tăng cường phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp [↑](#footnote-ref-15)
16. Về việc hướng dẫn phối hợp tra cứu, xác minh thông tin LLTP theo Quy chế số 02 [↑](#footnote-ref-16)
17. Công văn số 1717/BTP-BTTP ngày 30/5/2022 gửi STP các địa phương [↑](#footnote-ref-17)
18. Công văn số 1717/BTP-BTTP ngày 30/5/2022 gửi STP các địa phương [↑](#footnote-ref-18)
19. Công văn số 4352/BTP-PLDSKT ngày 04/11/2022 của Bộ Tư pháp về việc góp ý dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi), Công văn số 4353/BTP-PLDSKT ngày 04/11/2022 của Bộ Tư pháp về việc góp ý dự thảo Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi)… [↑](#footnote-ref-19)
20. Ngày 15/7/2020 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã [↑](#footnote-ref-20)
21. Kỳ tính thu nhập doanh nghiệp, thời hạn nộp hồ sơ kê khai thuế, thời hạn nộp thuế, tạm nộp, chậm nộp… [↑](#footnote-ref-21)
22. Luật đất đai, Luật thi hành án dân sự, Luật khoáng sản, Luật quản lý và sử dụng tài sản nhà nước, Luật phá sản, Luật tần số vô tuyến điện…đều quy định cụ thể căn cứ, cách thức, cơ quan có thẩm quyền xác định giá khởi điểm tài sản đưa ra bán đấu giá… [↑](#footnote-ref-22)
23. Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP quy định Phiên toà trực tuyến chỉ được kết nối tối đa không quá 03 điểm cầu và phải bảo đảm các yêu cầu về âm thanh, ánh sáng, tín hiệu,… Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP quy định “Yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, vận hành và quản lý hệ thống tổ chức phiên tòa trực tuyến phải bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu theo quy định của Tòa án nhân dân tối cao trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này”. [↑](#footnote-ref-23)